



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh kiêm Trị sự
Đại đức Thích Thiện Minh kiêm Thư ký Tòa soạn

PHÓ THƯ KÝ

Cư sĩ Nguyễn Văn Bính

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh
Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Tòa soạn
ĐT: (08) 37290248

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu,
Q. Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370
Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

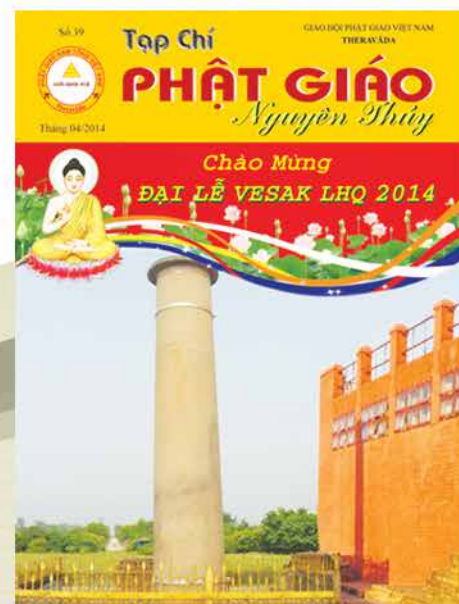
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT
ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Trụ đá Asoka tại vườn Lumbini nơi Bồ tát đản sanh.



Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- Thông điệp của Đức Pháp Chủ GHPGVN
- Diễn văn Phật Đản của BTT HĐTS GHPGVN
- Phật giáo và mục tiêu Thiên niên kỷ của LHQ
- HT. Thích Bảo Nghiêm
- Phật giáo Nam tông trong đời sống chính trị xã hội ở các nước Đông Nam Á TK XI - XVI - Dương Thanh Mừng
- Tiểu sử Đại lão HT Thích Trí Tịnh

2. KINH TẠNG

- Đại kinh Saccaka - HT. Thích Minh Châu

3. LUẬT TẠNG

- Bát nhất thực và các vật dụng khác - TK. Siêu Minh

4. THIỀN HỌC

- Thiền PG Nguyên thủy và Phát triển - HT. Viên minh

5. LUẬN TẠNG

- Đại cương Vi Diệu Pháp - Thích Tâm Quang

6. VĂN HÓA

- Thập thà như người Myanmar - TS Nguyễn Mạnh Hùng
- Đời sống của Tu sĩ PGNT Khmer tỉnh Kiên Giang nhìn từ góc độ Văn hóa nhận thức, Văn hóa ứng xử - ĐĐ Danh Út

7. ĐỐI THOẠI

- 03 - PV ĐĐ Phước Nhân về thiền Vipassana - Quang Duyên
- 05

8. SUY NGẪM

- 07 - Lấy - Vạn Hạnh
- 35

9. VĂN THƠ

- 10 - Năm cách sống Hạnh phúc hơn theo PG - Lý Thu Linh
- 36
- Kính Tôn Sư - Thanh Quý
- 38
- 19 - Thoát trần - Hoa Huệ
- 38
- Nhìn Vesak 2558 - Út Hà
- 39

10. PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI THƯỜNG

- 21 - Tu hành có ý nghĩa gì cho cha mẹ và ông bà
- 40
- cứu huyền thất tổ - QH
- 24 - Tu tập pháp Nhẫn nại - ĐĐ. Thiện Minh
- 42

11. CHÙA THÁP

- 27 - Nghệ thuật kiến trúc thời Asoka - Ngô Bửu Đạt
- 45

12. ẨM THỰC DƯỢC THẢO

- 30 - 8 cách làm Răng trắng hơn - Quỳnh Trang
- 47

13. THEO DÒNG

- 31
- 48



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

*Hà Nội, ngày Rằm tháng 4 năm Giáp Ngọ
(nhằm ngày 13 tháng 5 năm 2014)*

THÔNG DIỆP CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM GỬI TĂNG NI, PHẬT TỬ NHÂN DỊP ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN LIÊN HỢP QUỐC (VESAK) PHẬT LỊCH 2558 - DƯƠNG LỊCH 2014

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi:Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư,

Đại đức Tăng Ni, Quý Cư sĩ Phật tử Việt Nam và nước ngoài

Hôm nay, trong không khí đại hoan hỷ và hòa hợp của người con Phật chúng ta đồng vân tập về đây cử hành Đại lễ Vesak năm 2014 - PL. 2558. Thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam và nhân danh cá nhân, Tôi có lời cầu chúc đến Chư tôn đức Giáo phẩm, cùng toàn thể Quý vị Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử và Quý vị Khách quý thân tâm thường an lạc, thành tựu mọi Phật sự.

Cách đây hơn 2500 năm, Đức Giáo chủ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ra đời tại đất nước Ấn Độ (nay thuộc xứ Nepal). Trải qua quá trình tu tập, hoằng pháp và độ sinh, Đức Giáo chủ đã để lại cho nhân loại một hệ thống tư tưởng giáo lý vô giá về trí tuệ, lòng từ bi, tinh thần bất bạo động, hòa hợp và phát triển. Với ý nghĩa thiết thực đó,



năm 1999 Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua Nghị quyết công nhận ngày Vesak (Lễ Tam hợp: Phật đản sinh, Phật thành đạo và Phật nhập Niết bàn) là Lễ hội Văn hóa Tôn giáo thế giới vì hòa bình của nhân loại.

Hưởng ứng các hoạt động chung của Liên Hợp Quốc, tiếp theo Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc 2008, đã được Chính phủ cùng kết hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức thành công tốt đẹp. Năm 2014, lại một lần nữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam được sự cho phép của Chính phủ đăng cai tổ chức Đại lễ Tam hợp lần thứ XI năm 2014 và được Ủy ban Quốc tế (ICDV) chính thức bàn giao tại Đại lễ lần thứ X năm 2013 tổ chức tại Bangkok – Thái Lan. Chúng tôi xác định đây là vinh dự to lớn, là thuận duyên đối với đất nước và Phật giáo Việt Nam để góp phần cùng với cộng đồng Phật giáo Quốc tế trong việc phát huy tư tưởng giáo lý của Đức Phật trong sự nghiệp hoằng dương Chánh pháp, lợi lạc quần sinh và bảo vệ hòa bình cho nhân loại.

Trải qua hơn 2000 năm lịch sử hiện diện và đồng hành với dân tộc Việt Nam, Đạo Phật đã trở thành tôn giáo của dân tộc. Với chủ đề: "Phật giáo góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc", chúng tôi tin tưởng rằng Đại lễ Tam hợp lần thứ XI Liên hợp Quốc được tổ chức tại Cố đô Hoa Lư, Trung tâm Văn hóa Phật giáo Tràng An, Trung tâm Hội nghị Quốc tế, chùa Bái Đính, Ninh Bình - Việt Nam, Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước sẽ có nhiều cơ duyên để chia sẻ những kinh nghiệm và học thuật uyên thâm của các học giả, cộng đồng Phật tử thế giới đến từ khắp các Châu lục tham dự Đại lễ.

Hòa trong niềm vui chung của nhân loại và dân tộc, Tăng Ni, Phật tử chúng ta cũng hân hoan trước sự thành công của Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII đã mở ra một trang sử mới cho Phật giáo Việt Nam. Hiện nay, các cấp Giáo hội, Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang nỗ lực thực hiện, triển khai Nghị quyết Đại hội, biến Nghị quyết Đại hội trở thành hiện thực; đồng thời, tích cực tham gia các hoạt động nằm trong khuôn khổ của Đại lễ như nghi lễ cầu nguyện hòa bình thế giới, biểu diễn văn hóa nghệ thuật Phật giáo và văn hóa dân tộc Việt Nam, thực hiện công tác từ thiện xã hội, tưởng niệm tri ân các bậc tiền nhân, anh hùng liệt sĩ, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trong thời kỳ hội nhập và phát triển của thế giới. Đó là những Phật sự có ý nghĩa quan trọng của Tăng Ni, Phật tử, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành tâm kính dâng lên Đức Từ Phụ nhân ngày Đản sinh của Người.

Thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tôi có lời tán thán công đức của Quý liệt vị và cầu nguyện Đức Từ Phụ gia hộ cho thế giới được hòa bình, chúng sinh được an lạc, hạnh phúc đến với mọi người và tất cả các hoạt động Phật sự của chúng ta được thành tựu viên mãn.

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

PHÁP CHỦ

(đã ấn ký)

HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ

DIỄN VĂN PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2558 CỦA BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni

Kính thưa quý Phật tử trong và ngoài nước,

Tháng Tư, mùa Hạ Âm lịch, tức tháng 5 Dương lịch và cũng là tháng thứ Hai, tháng Mưa, tháng Vesakha theo lịch cổ của Ấn Độ. Vào ngày trăng tròn của tháng này, cách đây 2638 năm, tại vườn Lâm-tỳ-ni nước Ca-tỳ-la-vệ thuộc Ấn Độ cổ, nay thuộc lãnh địa của Cộng hòa Dân chủ Liên bang Nepal, Đấng Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni đản sanh. Đại sự nhân duyên hy hữu này được miêu tả rằng mặt đất rung động theo nhiều cách, thiên hoa tung rải, thiên nhạc vang lừng... Ánh sáng từ kim thân Ngài là Ánh Đạo Vàng, mở đầu lịch sử của tử bi, trí tuệ, của Khai, Thị, Ngộ, Nhập Tri kiến Phật cho chúng sinh trên toàn hành tinh này thoát khỏi mê lầm, u tối, tiến đến Niết-bàn an lạc vĩnh cửu.

Truyền thống lấy ngày trăng tròn của tháng 5 Dương lịch để làm Đại lễ Kỷ niệm ngày Khánh đản của Đấng Thế Tôn đã có từ lâu tại một số quốc gia có tín ngưỡng Phật giáo, nhưng đến năm 1950, trong Hội nghị lần đầu tiên, Hội Liên hữu Phật tử Thế giới (WFB) mới chính thức đề nghị toàn thể Phật tử trên thế giới chính thức chấp nhận ngày này. Đến ngày 15-12-1999, Liên hiệp quốc trong phiên họp khoáng đại thứ 79, đã quyết định công nhận Vesak là ngày Đại lễ Quốc tế với lý do Phật giáo là một trong những tôn giáo lâu đời nhất, đã đóng góp cho nền hòa bình, văn hóa, giáo dục nhân bản từ hơn 2.500 năm và tiếp tục đóng góp tốt đẹp cho tinh thần nhân loại. Vesak là đại lễ kỷ niệm ngày Đản sanh, Thành đạo và Nhập diệt của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Trong thời đại mới, Phật giáo đã phát triển mạnh mẽ trên khắp thế Nam cũng đã có

giáo đã phát triển giới. Phật giáo Việt những phát triển rất khả quan. Càng ngày, uy tín của Giáo hội càng sâu đậm, rộng rãi trong nước và đối với các cộng đồng Phật tử t h ế

giới. Năm năm trước, chúng ta đã tổ chức thành công Đại lễ Vesak quốc tế; năm nay, chúng ta cũng vô cùng hoan hỷ vì một lần nữa được Chính phủ cho phép Giáo hội Phật giáo Việt Nam đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak rất hoành tráng, trang nghiêm và trọng thể.

"Vui thay Phật ra đời. Vui thay Pháp được giảng". Trong niềm hoan hỷ đón mừng ngày Khánh đản thiêng liêng, chúng ta quyết tâm tu tập và hoằng bá Phật pháp. Hoàn cảnh, phương tiện hoằng pháp của chúng ta ngày càng thuận lợi, phong phú. Các tự viện, các pháp khí, các khóa tu, các buổi giảng, kinh sách, báo chí và nhiều phương tiện truyền thông khác đã giúp cho việc hoằng pháp được rộng rãi, dễ dàng và có hiệu quả cao; thu hút, mời gọi, tạo tín tâm cho đông đảo Phật tử; nhất là tại các thành phố trên khắp cả nước. Nhưng, vẫn còn một điều gì đó thiếu cân đối: Chúng ta cần chuyển tải nhiều hơn về giáo lý của Đức Phật, niềm tin Phật, sự an bình trong đời sống vật chất và tâm linh đến các vùng sâu vùng xa, đến các biên địa, đến các vùng biển đảo máu thịt của đất nước chúng ta, nhất là các kiều bào Phật tử đang định cư và sinh sống ở nước ngoài. Rất nhiều Phật tử đến chùa lễ Phật nghe giảng, nhưng chư Tăng Ni đến với các Phật tử, nhất là ở các vùng xa xôi, lại chưa được nhiều. Chúng ta chớ quên lời khuyên dạy của Đức Phật khi giáo đoàn mới được thành lập: "Này các Tỳ-kheo, hãy đi đi, đi khắp mọi nơi vì hạnh phúc của số đông, do lòng từ bi đối với cuộc đời, vì lợi lạc và hạnh phúc của Trời và Người".

Mùa Hạ, lại một lần nữa An cư của chư Tăng Ni và là một dịp để các Phật tử thực hiện tinh thần cận sự bằng thân, khẩu, ý. An cư cũng là truyền thống của nhiều đoàn du sĩ tại Ấn Độ cổ, nhưng chỉ có An cư của giáo đoàn Phật giáo là nhằm mục đích tu học, tinh tấn trong đạo nghiệp, lợi lạc tự thân, ích lợi xã hội. Tôi nghĩ, điều cần nhấn mạnh trong mùa An cư này là chư Tăng Ni Phật tử cần thực hiện tinh tấn trong tu học. Tinh tấn là sự nỗ lực để siêng năng, dũng mãnh, tiến bộ trong tu học, trong việc hành thiện. Tinh tấn là một chi phần trong Bốn Chánh cần, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chánh đạo, Sáu hay Mười ba-la-mật. Tông Câu-xá kể tinh tấn là một trong mười đại thiện pháp; tông Duy thức gọi tinh tấn là một trong mười một thiện tâm sở. Tinh tấn nhằm vượt qua sự trì trệ, tính giải đãi, sự mong cầu yên thân của cá nhân, vô cảm với mọi người, mọi sự việc, những thái độ trái với tinh thần vô ngã vị tha của Phật giáo. Vì vậy, chính tinh tấn giúp cho Tăng Ni, Phật tử, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoàn thành công tác Phật sự lợi đạo, ích đời, thực hiện có hiệu quả chương trình hoạt động Phật sự mà Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII đã đề ra.

Kính thưa quý vị,

Nhân ngày Khánh đản của Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni, chúng ta hãy lắng lòng tưởng nhớ đến Đức Thế Tôn một đấng từ bi vô lượng, trí tuệ vô biên. Chúng ta hoan hỷ như được tắm gội, thấm nhuần ánh đạo vàng và quyết tâm tu tập, tinh tấn cho bản thân, góp phần tạo an vui, hạnh phúc, phồn vinh cho Đất nước, cho Giáo hội, cho toàn thể chúng sanh.

Nam Mô Bổn
Sư Thích Ca Mâu Ni
Phật.

Ý nghĩa Phật đản
PL.2558 - DL.2014

PHẬT GIÁO **VÀ MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ** **CỦA LIÊN HỢP QUỐC**



HT. Thích Bảo Nghiêm

Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
Trưởng Ban Hoằng pháp TW GHPGVN

Ngược dòng thời gian cách đây 2638 năm, một sự kiện hy hữu và trọng đại cho cả chư thiên và loài người, đó là sự xuất hiện của Đấng giác ngộ, là sự kết tinh những gì cao quý và thiêng liêng nhất trong vũ trụ, là bức thông điệp bất diệt về việc thiết lập một thế giới hòa bình, an ổn cho tất cả chúng sinh. Từ pháp âm vi diệu của Ngài về cuộc sống nhân sinh, chúng ta cảm nhận được thực tướng của con người trước sự chi phối của vô thường, khổ não, vô ngã và bất tịnh... đang hành chuyển hiện hữu trong thế giới bao la, rộng lớn mà chúng ta đang sống. Thế giới quan của Đức Phật là một kho tàng kiến thức quý báu mà bất kỳ nhà khoa học của bộ môn nghiên cứu nào từ tâm lý, giáo dục, đạo đức, xã hội, môi trường, văn hóa, vũ trụ... đều có thể nghiên cứu, soi sáng... để đem lại niềm vui kỳ diệu của dòng cảm xúc tâm linh.

Trên tất cả, Đức Phật thị hiện vào đời chỉ vì một mục đích tối thượng: "Vì hạnh phúc cho chúng sinh, vì an lạc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho chư thiên và nhân loại" (Trung bộ I, kinh số 4). Ngài thị hiện trong thân

thể của một con người nhằm trực tiếp giáo huấn, hướng dẫn cho loài người phương pháp tối ưu nhất để tạo dựng hạnh phúc. Ngài đã chứng minh cho chúng ta thấy sức mạnh lớn lao từ bản thân của mỗi người, rằng con người có thể chiến thắng ma quân, chiến thắng lòng dục vọng nơi chính mình, để đạt đến trí tuệ tối thượng. Và chính nhờ sự giác ngộ giải thoát mà con người có thể đạt đến bất tử để không còn phải trôi lăn trong biển luân hồi sinh tử. Với lòng từ bi rộng lớn, giáo lý của Ngài còn là một bản tuyên ngôn bất hủ về sự bình đẳng và tôn trọng quyền sống của con người. Con đường giác ngộ mà Đức Phật chỉ dẫn luôn rộng mở cho tất cả mọi người và nếu ai thực hành theo đều có cơ hội đạt được sự an lạc, giải thoát. Đó là những giá trị nhân bản có ý nghĩa hết sức to lớn, không thể tìm thấy ở bất kỳ xã hội nào trước khi Đức Phật ra đời. Đó cũng chính là đức tính đặc thù của tinh thần đại từ đại bi mà loài người được đón nhận, thụ hưởng từ sự Đản sinh của Đức Phật. Là người con Phật, chúng ta phải thành kính cảm nhận niềm hạnh phúc thiêng liêng vô tận này.

Khi giải quyết mọi vấn đề liên hệ đến thế giới và nhân sinh, Đức Phật đã chỉ rõ căn nguyên nằm

trong trạng thái an tịnh tâm hồn của mỗi người: "Tâm tịnh thể giới tịnh". Cho nên, khi nào mỗi người biết xây dựng cho mình một tâm hồn an tịnh được kết tụ bằng các chất liệu Từ - Bi - Hỷ - Xả... thì khi ấy, con người sẽ sống trong cảnh an lạc, hạnh phúc. Như một thông điệp hòa bình, Đức Phật đã khẳng định: "Tâm ta sẽ không dao động, ô nhiễm và ta sẽ không thốt ra một ác ngôn nào. Chúng ta sẽ an trú với từ tâm, không sân hận. Sau khi đã làm thãm nhuận khắp người kia với từ tâm, chúng ta sẽ an trú trong trạng thái ấy biến mãn cùng khắp thể gian" (Trung bộ kinh). Cho nên, lòng từ bi, yêu thương tất cả chúng sinh của Đức Phật bao trùm khắp muôn loài, nó cảm hóa mọi ý thức hệ, không phân biệt chủng tộc. Nó là sở hữu chung của thể giới nhân sinh và vạn loại. Ý nghĩa tuyệt vời từ sự chứng ngộ của Đức Phật còn ở chỗ, Ngài không cất giữ những thành tựu đạo quả tốt bậc cho riêng mình mà đã hoan hỷ, từ bi chỉ rõ cho mỗi chúng ta thấy rằng: "Như Lai là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành" (kinh Pháp Hoa). Đó là sự khẳng định mang tính chất siêu nghiệm, giúp con người phấn đấu không ngừng để thành tựu lý tưởng cao nhất là đạt đến đỉnh cao của sự tịnh lạc, tức là thành Phật.

Đức Phật là người đầu tiên trong lịch sử nêu lên tinh thần bình đẳng, xóa bỏ giai cấp trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ. Ngài đã thuyết phục lòng người bằng tinh thần từ bi, hiểu biết, vô ngã vị tha để cảm hóa nhân sinh. Với tinh thần: "Một người sinh ra không phải thành một người Bà La Môn hay là một người Chiên Đà La, mà chính là vì sở hành của người ấy tạo thành một Chiên Đà La hay Bà La Môn" (Trung bộ kinh, bài kinh Kalama, tr.195). Và Ngài cũng đã xác chứng vai trò quan trọng của người phụ nữ trong đời sống xã hội. Trong Tăng Chi bộ kinh, Đức Phật đã dạy người dân xứ Bạt Kỳ (Vaji) như sau: "... Này các chàng trai trẻ, khi nào dân Bạt Kỳ không bắt cóc và cưỡng ép phụ nữ và thiếu nữ Bạt Kỳ phải về sống với mình, thời dân Bạt Kỳ sẽ lớn mạnh, sẽ không bị suy giảm".

Hơn thế nữa, Đức Phật đã khẳng định và cho chúng ta thấy rằng, giá trị trí tuệ và khả năng cống hiến của một phụ nữ không thua gì người đàn ông trong xã hội. Trong Tương Ưng bộ kinh, Ngài dạy: "Một bé gái, tâu đại vương, còn quý hơn một đứa con trai, lúc trưởng thành em có thể là người đức hạnh vẹn toàn, biết kính nể và tôn trọng cha mẹ chồng, một người vợ hiền, đứa con mà sau này em sẽ mang vào lòng có thể làm nên đại sự và trị vì một vương quốc vĩ đại, đúng vậy đứa con của một người vợ cao thượng sẽ trở thành một người hướng

đạo chân chính cho một quốc gia". Bên cạnh thông điệp hòa bình và bình đẳng mà sự hiện diện của đấng Đại giác ngộ đem đến, chúng ta còn cảm nhận rất nhiều thông điệp khác từ sự kiện Đản sinh.

Tuy nhiên, một yếu tố vô cùng gần gũi với chúng ta đó chính là yếu tố môi trường. Một khi môi trường có sự biến đổi thì sức ảnh hưởng của môi trường lan tỏa không chỉ một quốc gia mà cho cả toàn cầu. Cuộc đời Đức Phật từ Đản sinh cho đến Niết bàn, là minh chứng xác thật cho một đời sống tự chủ, an lạc, luôn luôn từ ái và thích ứng với mọi người, mọi loài và cả thiên nhiên. Điều này đã được thể hiện rất rõ trong kinh Tăng Chi II, trang 335: "Ở đây này Nagita, ta thấy một Tỳ kheo ngồi thiền tại trú xứ ở trong khu rừng. Này Nagita ta suy nghĩ như sau: Nay vị tôn giả này sau khi đoạn trừ ngũ nghị và mệt nhọc, sẽ tác ý tưởng hoặc đạt sự nhất tâm. Do vậy, ta hoan hỷ với trú xứ tại rừng của vị Tỳ kheo ấy". Đức Phật luôn tán thán và xem núi rừng là nơi ẩn trú lý tưởng cho những vị xuất gia hành đạo. "Làng mạc hay núi rừng, thung lũng hay đồi cao, La Hán trú chỗ nào, đất ấy thật khả ái" (Pháp cú 98). Đức Phật có rất nhiều lời dạy liên quan mật thiết đến việc bảo vệ môi trường. Trong kinh Anguttara Sutra (Tăng Chi Bộ), Ngài dạy rằng: "Trồng cây cho ta bóng mát, ngoài việc thanh lọc không khí, nó còn bảo tồn trái đất, đó là điều lợi lạc cho tất cả mọi người và cho cả bản thân ta".

Đấng giác ngộ đã để lại cho con người tài sản vô giá về sức mạnh của tự thân, luôn nuôi dưỡng từ tâm, ban vui cứu khổ, yêu thương mọi loài, mọi vật như chính bản thân mình. Lời dạy của Đức Phật đã khai ngộ tâm trí mỗi người, làm cho chúng ta nhận ra được mình đang sở hữu khối tài sản quý giá nhất đó là lòng Từ - Bi - Hỷ - Xả, là sự giác ngộ từ tâm, là chân hạnh phúc của chính niệm, chính kiến, chính tư duy. Nhưng điều làm chúng ta tự hào, khâm phục nhất là ở chỗ, những tư tưởng và lời dạy ấy của Ngài, dù đã cách đây gần 2600 năm nhưng vẫn còn nguyên giá trị, khi nhiều mục tiêu được đề ra trong Mục tiêu Thiên niên kỷ vẫn đang là đích hướng tới của tất cả các quốc gia thành viên tổ chức Liên Hợp quốc.

Chúng ta - những người con Phật hết sức vui mừng và tự hào khi Việt Nam tiếp tục được chọn làm đơn vị đăng cai tổ chức Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc 2014. Điều đó đã thể hiện sự tin tưởng và lòng quý mến mà Phật giáo các nước trên thế giới dành cho Phật giáo và đất nước Việt Nam. Chắc chắn, trước và trong Đại lễ sẽ có nhiều Phật sự quan trọng diễn ra, nhiều sự kiện văn hóa Phật giáo được

tổ chức trên phạm vi cả nước, tạo thắng duyên cho quần chúng Phật tử tu học, hành thiện. Có thể nói, đây là cơ duyên để chúng ta giới thiệu hình ảnh tốt đẹp của Phật giáo Việt Nam và dân tộc Việt Nam đến với bạn bè thế giới, đồng thời khẳng định tinh thần công bằng, dân chủ, văn minh của đất nước và con người Việt Nam luôn yêu chuộng hòa bình, thân thiện, hòa hợp và đoàn kết; khẳng định tinh thần và sự phát triển không ngừng của Phật giáo Việt Nam.

Đại lễ Phật đản Liên Hợp quốc 2014, tại Việt Nam, GHPGVN đã chọn chủ đề: "Phật giáo đồng hành cùng các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc" để thể hiện đầy đủ ý nghĩa và giá trị thiêng liêng của lễ kỷ niệm Phật đản trên bình diện quốc tế cũng như tư tưởng vĩ đại của Đức Phật. Qua đó, cũng nói lên trách nhiệm đồng hành của Phật giáo đối với thế giới nhân sinh, của Tăng Ni và Phật tử, quyết đem những lời dạy của Đức Thế tôn để góp phần giải quyết hữu hiệu những vấn đề thời sự của thế giới đương đại.

Hạnh phúc thay Đức Phật đản sinh và cũng hạnh phúc thay khi Phật giáo đã hăng hỮu và phát triển trong mọi không gian và thời gian. Ngày hôm nay, toàn thể Phật giáo đồ trên thế giới vân tập về đây, nơi mảnh đất Việt Nam thiêng liêng, yêu chuộng hòa bình và đầy tinh thần hỷ lạc là một sự kiện vô cùng ý nghĩa, một minh chứng sống động cho sự phát triển miên viễn của Phật giáo Việt Nam. Sự có mặt đầy đủ của những hành giả ở khắp các quốc gia trên thế giới là những công đức hết sức ý nghĩa dâng lên cúng dường Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni nhân dịp Đản sinh.

Trong niềm hoan hỷ vô biên này, chúng ta nhất tâm hướng về Đức Phật, thành tâm thể hiện lòng biết ơn vô hạn đối với tình yêu thương không bờ bến mà Đức Từ phụ đã để lại cho chúng ta, cho toàn thể nhân loại. Nguyên trọn đời đi theo bước chân của Ngài trên con đường phụng sự nhân sinh, hầu mang ánh sáng Từ bi và Trí tuệ của Ngài, vì hạnh phúc, vì an lạc cho thế gian. Mong rằng ý nghĩa ngày Phật đản Liên Hợp quốc 2014 - PL.2558 sẽ đem đến cho nhân loại sự an lạc và hạnh phúc như tinh thần mục tiêu thiên niên kỷ của Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc đã đề ra: "Thế kỷ XXI, thế kỷ của hòa bình, yêu thương, an lạc và hạnh phúc".

Nam mô Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật. ■



Thắp nến cầu nguyện hòa bình tại Đại lễ Vesak 2008.



Toàn cảnh ngôi chùa nơi diễn ra Đại lễ Vesak 2014



Buổi tập huấn đặc biệt của các bạn TNV phục vụ Vesak 2014



Hội trường 3.500 chỗ ngồi đang được gấp rút hoàn thiện với kinh phí 150 tỷ đồng do Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường tài trợ.

Phật giáo Nguyên Thủy trong đời sống Chính trị - Xã hội ở các nước Đông Nam Á Thế kỷ XI - XVI



Dương Thanh Mừng
Thạc sĩ - Nghiên cứu sinh



Chư tăng tại quảng trường hoàng cung Phnom Penh - thủ đô Campuchia

(tiếp theo) 3. Ở Campuchia

Phật giáo Nguyên thủy truyền chính thức vào Campuchia bắt đầu từ thời gian trị vì của vua Jayavarman VIII (1243 - 1295). Năm 1295, một phái bộ của Trung Quốc, trong đó có Chu Đạt Quang đến Campuchia đã ghi lại về tình hình Phật giáo ở đây như sau: "Tăng sĩ đều cạo tóc, đắp y vàng, để hở vai phải. Phần dưới mặc áo cánh màu vàng, đi chân không. Chùa cũng lợp bằng ngói, trong chùa chỉ có một pho tượng, đắp bằng đất giống như Phật Thích Ca, mặc áo hồng, trang sức xanh đỏ, ngoài ra không còn có tượng nào khác... Sư tăng đều ăn thịt cá, chỉ không uống rượu. Cúng Phật cũng có cá thịt. Họ ăn ngày một bữa do gia đình thí chủ cúng dường, vì trong chùa không có bếp... Quốc vương có việc lớn, bé đều tới hỏi sư... Tập tục ở đây trẻ con đi học trước tiên cho làm sư tăng để dạy, sau khi lớn mới hoàn tục. Từng nhà đều lo làm Phật sự. Mỗi thôn hoặc mỗi chùa đều có tháp, người ở đông đúc⁽¹⁾". Dựa vào lời mô tả của Chu Đạt Quang

1. Trương Sĩ Hùng (Cb) (2003), *Mấy tín ngưỡng tôn giáo Đông Nam Á*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, tr.197.

về y phục, nếp sống của chư tăng Campuchia thì đó là y phục, nếp sống của chư tăng theo Phật giáo Nguyên thủy. Một dẫn chứng khác: "Trong khoảng từ năm 1340 đến năm 1350, vua Pha Ngừm (1353 - 1373) của Lào đã thỉnh các vị đại sư Phật giáo Nguyên thủy ở Campuchia đến cùng thánh điển Tam tạng, tượng Phật bằng vàng đến Lào để hoằng dương Phật pháp. Điều này chứng minh ở Campuchia trước đó đã là tín ngưỡng Phật giáo Nguyên thủy⁽²⁾".

Cho đến nay vẫn chưa có nhiều bằng chứng rõ ràng để chứng minh Phật giáo Nguyên thủy đã vào Campuchia khi nào và thông qua con đường nào nhưng chúng ta có thể đoán định rằng quá trình truyền bá Phật giáo Nguyên thủy ở Campuchia trong giai đoạn này chịu ảnh hưởng của người Thái ở Thái Lan - vốn là những Phật tử nhiệt thành và đã chinh phục một phần đất đai rộng lớn của Campuchia. Có một điều thú vị là trong giai đoạn trước đó, Thái Lan đã chịu ảnh hưởng bởi văn hóa Campuchia, đến thời kỳ này có sự đảo ngược vai trò, Campuchia lại chịu ảnh hưởng bởi Thái Lan và đã cải đạo hàng loạt sang Phật giáo. Tuy nhiên, cũng có những học giả như L.P. Briggs thì lại cho rằng: "Không phải người Thái Sukhothay đã giới thiệu Phật giáo Nguyên thủy vào Campuchia bởi Phật giáo Nguyên thủy lúc bấy giờ đối với Sukhothay vẫn còn tương đối mới. Mặt khác, khi Sukhothay tiến chiếm Campuchia, người Campuchia không mấy thiện cảm với quân xâm lăng⁽³⁾". Theo Briggs: "Phật giáo Nguyên thủy được

2. Tịnh Hải (1992), *Lịch sử Phật giáo thế giới, tập 2*, Nxb Đại Học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, tr.336.

3. Tịnh Hải (1992), *Lịch sử Phật giáo thế giới, tập 2*, Sđd, tr.219.

truyền vào Campuchia là do người Mon từ Lopburi ở hạ lưu thung lũng Mênam và do người Khmer định cư tại Lopburi bỏ Lopburi đến Campuchia tỵ nạn khi quân Xiêm tấn công Campuchia vào thế kỷ XIII. Đế quốc Khmer trải qua hàng thế kỷ cai trị vùng Mênam, dân Khmer định cư ở vùng Lopburi của người Mon theo Phật giáo Nguyên thủy nên khi họ đến tỵ nạn ở Campuchia trong những đợt tấn công của Thái Sukhothay, đã giúp xây dựng hệ thống Phật giáo Nguyên thủy tại Campuchia⁽⁴⁾”.

Những lý giải của Briggs không phải là không có căn cứ. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể gạt bỏ những đóng góp của Xiêm trong việc truyền bá Phật giáo Nguyên thủy tại Campuchia.

Phật giáo Nguyên thủy tiếp tục phát triển ở Campuchia trong thế kỷ XVI. Dưới vương triều của vua AngChan (1516 - 1566), sau khi đánh bại cuộc xâm lược của quân Thái và thu phục lại đất đai đã mất trước đây, ông đã cho xây dựng nhiều chùa tháp, tự viện để làm trang nghiêm thêm phong cảnh ở kinh đô. Có thể nói, trong lịch sử Campuchia, AngChan được xem là một trong những ông vua vĩ đại nhất sau thời kỳ Ang Co.

Như vậy, từ thế kỷ XIII trở đi, Phật giáo Nguyên thủy bằng nhiều con đường khác nhau như: từ Tích Lan, từ Thái Lan, từ Miến Điện, từ bán đảo Mã Lai đã được truyền bá vào Campuchia và nhanh chóng chiếm ưu thế trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng cư dân nơi đây. Trải qua quá trình phát triển lâu dài, Phật giáo Nguyên thủy đã có nhiều đóng góp tích cực vào các hoạt động văn hóa, xã hội và gắn kết các cộng đồng dân cư, trở thành một “món ăn tinh thần” không thể thiếu trong đời sống của nhân dân Campuchia.

4. Ở Lào

Vào năm 1353, Pha Ngừm, vị anh hùng kiệt xuất đã thống nhất đất nước Lào và thành lập vương quốc Lào Lạn Xạng bao gồm toàn bộ Bắc Lào và Trung Lào ngày nay, cộng thêm vùng đất Chiêng Mày của Thái Lan và Đông Bắc Miến Điện. Sau khi Pha Ngừm thống nhất đất nước, chế độ chính trị phần nhiều mô phỏng theo vương triều Khmer của Campuchia. Cũng từ thời điểm này, Phật giáo Nguyên thủy từ Campuchia đã du nhập vào Lào.

Vua Pha Ngừm lúc nhỏ sống lưu vong theo cha ở Campuchia, được đại sư Cao Miên Maha Pasamanta nuôi dạy. Hơn nữa, vợ ông - Keo Lot Fa

4. Tịnh Hải (1992), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, tập 2, Sđd, tr.219.



Pha That Luang - một cảnh đẹp nổi tiếng của thủ đô nước Lào.

vốn là con gái vua Campuchia lại là một tín đồ Phật giáo thành tâm, đã thọ trì ngũ giới tại gia trước khi bà theo chồng sang nước Lào. Sau khi đến Lào, nhận thấy “Nhân dân và các quan lại phần nhiều sùng bái quỷ thần, tổ tiên, anh linh... Họ thường giết trâu, voi để tế lễ quỷ thần một cách hết sức mê tín và tàn nhẫn. Bà cảm thấy xót xa trong lòng. Bà nhận thấy rằng nếu ở nước Lào như thế này thì khó mà sống được theo cách sống của tín đồ Phật giáo, nên bà yêu cầu vua Pha Ngừm đưa Phật giáo từ Campuchia sang để giáo hóa. Nếu không bà sẽ xin về nước⁽⁵⁾”.

Vua Pha Ngừm đã sắm sửa các lễ vật gồm: “30 vạn bạc, 3 vạn vàng, các loại châu báu cho sứ giả mang sang thỉnh cầu nhà vua Campuchia cử bậc cao tăng đến hoằng dương Phật pháp ở Lào. Quốc vương Campuchia đã thỉnh đại sư Maha Pasamanta và hai vị trưởng lão Mahadeva Lanka dẫn theo 20 vị tỳ kheo nữa sang Lào. Nhà vua còn gửi tặng một pho tượng bằng vàng, thánh điển Tam tạng và cây bồ đề để nhân dân Lào thờ cúng đức Phật, thợ vàng, thợ sắt, thợ xây dựng chùa, điêu khắc. Lại hạ lệnh cho dân ở bốn thôn ấp gồm 5000 người, trang bị cho các đồ dùng khác nhau để hộ tống tượng Phật, thánh điển, cao tăng, học giả đi sang Lào. Hơn nữa, lại cho 5000 người này ở lại nước Lào để hộ trì Phật giáo và là người giúp việc, hầu hạ hoàng hậu và các học giả⁽⁶⁾”. Trong số phái đoàn truyền giáo do vua Campuchia phái đến Lào, có hai Đại sư người Tích Lan đã từng đến Campuchia hoằng pháp, được vua Campuchia chọn gửi đến Lào. Nhờ sự hiện diện và những đóng góp tích cực từ quá trình hoằng hóa của hai vị Đại sư

5. Tịnh Hải (1992), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, tập 2, Sđd, tr.360.

6. Tịnh Hải (1992), *Lịch sử Phật giáo thế giới*, tập 2, Sđd, tr.361.

người Tích Lan này mà liên hệ tôn giáo giữa Lào và Tích Lan được thiết lập.

Năm 1357, phái đoàn truyền giáo do vua Campuchia phái đi đã rời sang Lào, được quốc vương và hoàng hậu đón tiếp thịnh tình. Pha Ngừm đã cho xây dựng ở phía Bắc hoàng cung một ngôi chùa để tăng nhân trong phái đoàn cư trú. Từ đó, phái đoàn bắt đầu truyền bá Phật pháp cho nhân dân Lào. Quốc vương và hoàng hậu đều là những người tích cực hộ trì Phật pháp. Đây chính là điều kiện quan trọng cho sự thâm nhập, ăn sâu và bám rễ của Phật giáo Nguyên thủy vào trong đời sống các tầng lớp nhân dân Lào.

Dưới thời vua Samsenthai (1378 - 1416), vương quốc Lào đã xây dựng được chế độ chính trị hoàn bị, kinh tế phồn vinh. Phật giáo Nguyên thủy tiếp tục được phát triển. Nhà vua đã cho xây dựng nhiều chùa chiền, đề xướng nghiên cứu đạo Phật. Hơn nữa, lại cho xây dựng một pho tượng đồng thau rất lớn cúng ở chùa Malahalam.

Trong khoảng hai thế kỷ XV - XVI, tình hình chính trị ở Lào có nhiều biến động nhưng các vị vua Lào vẫn ra sức hộ trì Phật pháp, vì vậy mà Phật giáo Nguyên thủy đã thiết lập được một chỗ đứng vững chắc ở Lào. Nhận xét về vai trò của Phật giáo Nguyên thủy trong đời sống chính trị và văn hóa Lào trong thời kì này, Nguyễn Lệ Thi đã viết: "Nhờ các hoạt động ủng hộ Phật giáo của nhà vua, nên Phật giáo thời kì này ở Lào rất phát triển. Để nâng cao hơn nữa vai trò của Phật giáo và đưa Phật giáo lên địa vị độc tôn; năm 1527 vua Phôthixàrarát đã ra một sắc lệnh cấm thần dân trong nước không được thờ một tôn giáo nào khác mà chỉ được phép thờ Phật... Lần đầu tiên trong lịch sử Lào, Phật giáo được đưa lên địa vị độc tôn và hoàn toàn thắng thế đối với các tôn giáo khác ở Lào⁽⁷⁾".

Như vậy, Phật giáo đã có mặt ở Lào vào khoảng thế kỷ VIII trước khi người Lào xây dựng quốc gia thống nhất. Trước thế kỷ XIV, chưa có nguồn tài liệu nào đủ cơ sở để giải thích Phật giáo đã du nhập vào Lào bằng con đường nào và thuộc trường phái nào. Chúng ta chỉ có thể đoán định rằng Phật giáo được truyền vào Lào có thể từ Miến Điện, cũng có thể từ Trung Quốc, Campuchia hay Thái Lan. Và trong thời kỳ này có sự hòa trộn giữa Phật giáo Đại Thừa, Phật giáo Nguyên thủy với các tín ngưỡng dân gian ở đây. Đến thế kỷ XIV, Phật giáo ở Lào chịu ảnh hưởng của cả Campuchia và Thái Lan. Việc Thái Sukhothay tiến chiếm Luang Prabang

cuối thế kỷ XIII và áp đặt ảnh hưởng của mình lên nước Lào đã làm cho người dân Lào biết đến Phật giáo Nguyên thủy và đến thế kỷ XIV lúc Phật giáo Nguyên thủy đã có chỗ đứng vững chắc tại Campuchia thì tại Lào với sự giúp sức của Campuchia đã kiến tạo hệ thống Phật giáo Nguyên thủy. Bên cạnh đó, công hạnh hoằng đạo của chư tăng Tích Lan, Thái Lan, Campuchia tại Lào đã giúp cho đất nước này sớm trở thành một trung tâm Phật giáo Nguyên thủy quan trọng ở Đông Nam Á.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI

Phật giáo Nguyên thủy có mặt ở Đông Nam Á ngay từ những thế kỷ đầu công nguyên, nhưng chỉ từ thế kỷ XI, đặc biệt từ thế kỷ XIII, dòng Phật giáo này mới thực sự trở thành tôn giáo chính thống của nhiều nước ở khu vực Đông Nam Á như Lào, Thái Lan, Campuchia, Miến Điện. Trong quá trình du nhập và phát triển ở các nước Đông Nam Á lục địa từ thế kỷ XI - XVI, Phật giáo Nguyên thủy luôn có một địa vị quan trọng và vai trò hết sức to lớn trong đời sống chính trị, xã hội của cư dân ở khu vực này.

Trước hết, Phật giáo Nguyên thủy khi du nhập vào các quốc gia Đông Nam Á đã góp phần xây dựng và củng cố sự thống nhất ở các nước này về mặt chính trị. Có một thực tế, trước khi Phật giáo Nguyên thủy được du nhập vào Đông Nam Á lục địa lần thứ hai (lần thứ nhất dưới thời vua Asoka) vào thế kỷ XI, thì trong số 4 quốc gia ở Đông Nam Á lục địa (Campuchia, Thái Lan, Lào, Miến Điện) chỉ có Campuchia đã xây dựng được một quốc gia dân tộc thống nhất dưới triều đại Ăng Co (802 - 1432) còn lại các nước khác vẫn còn ở trong tình trạng phân tán, chia rẽ thành những tiểu quốc độc lập, chưa hình thành nên một nhà nước thống nhất. Trên vùng lãnh thổ của Miến Điện tồn tại các quốc gia sơ kỳ của người Miến ở miền Bắc, của người Pyu ở miền Nam và các quốc gia của người Mon ở miền Nam. Ở Thái Lan, có Thái Lan Na ở phía Bắc, Thái Sukhothay ở miền Trung và Thái La hộc ở miền Nam. Ở Lào cũng không ngoại lệ, đất nước bị chia cắt thành nhiều Mường - 1 hình thức tổ chức nhà nước sơ khai. Để xác lập một quốc gia thống nhất, cần có một công cụ, một điều kiện để kết dính các dân tộc thành một khối thống nhất và điều kiện quan trọng nhất, chính là vấn đề tư tưởng. Sự thống nhất đất nước về mặt tư tưởng sẽ góp phần xây dựng và củng cố sự thống nhất quốc gia về mặt chính trị bởi nếu không có sự thống nhất về mặt tư tưởng thì rất khó tạo nên sự hòa hợp dân tộc. Và

7. Trương Sĩ Hùng (Cb) (2003), *Mấy tín ngưỡng tôn giáo Đông Nam Á*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội, tr.218.



giai cấp thống trị ở các quốc gia Đông Nam Á lục địa đã sử dụng Phật giáo Nguyên thủy như một phương tiện để thống nhất đất nước về mặt tư tưởng, làm gần lại những khoảng cách giai cấp, điều hòa các mối quan hệ xã hội. Đánh giá về vai trò cố kết giữa các dân tộc của Phật giáo Nguyên thủy, một số nhà sử học đã nhận định: "Việc truyền bá Phật giáo Tiểu Thừa trong thế kỷ XIII cũng có vai trò rất quan trọng trong việc "kết dính" tạo nên một xã hội mới ở Sukhothay khi đó⁽⁸⁾". Hoặc tại Miến Điện, Phật giáo Nguyên thủy đã được truyền bá rộng rãi và ăn sâu trong tư tưởng của những người dân nơi đây, trở nên "Miến Điện hóa, xã hội hóa trên một qui mô rộng lớn và sâu sắc tới mức trở thành một đặc trưng văn hóa truyền thống⁽⁹⁾". Nhờ có Phật giáo Nguyên thủy mà các quốc gia thống nhất của Thái Lan, Miến Điện, Lào đã được thành lập trong khoảng thế kỷ XI - XIV và không ngừng được củng cố. Do nhận thức được vai trò to lớn của Phật giáo Nguyên thủy mà giai cấp thống trị ở các nước Đông Nam Á lục địa đã lấy nó làm quốc giáo và cho đến ngày nay địa vị đó vẫn không hề thay đổi.

Bên cạnh đó, Phật giáo Nguyên thủy còn đóng vai trò to lớn trong ổn định tình hình chính trị, xã hội và xây dựng đất nước phồn vinh. Phật giáo nói chung và Phật giáo Nguyên thủy nói riêng đã đem đến cho con người thông điệp về hòa bình và tình thương. Phật giáo luôn khuyên con người sống "từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha" để chấm dứt đau khổ, thoát khỏi luân hồi và lên cõi niết bàn. Phật giáo còn dạy con người nhận thức được sự bình đẳng tuyệt đối giữa con người và giữa các dân tộc với nhau tạo nên một nếp sống chan hòa, cởi mở, khoan dung. Người ta chăm lo đến việc xây chùa

và lễ Phật nên các cuộc chống đối đều lắng xuống. Với những tư tưởng trên, Phật giáo Nguyên thủy đã góp phần hỗ trợ các vị vua trong việc cai trị, đem lại sự yên ấm, an vui cho đất nước. Sự thịnh vượng của vương quốc Lan Na (Bắc Thái Lan) trong thế kỷ XIV - XV là một dẫn chứng cho nhận định đó. "Lãnh thổ của Lan Na rộng lớn, các con sông và đồng bằng bao phủ hàng ngàn dặm. Dân cư địa phương thuộc bộ tộc Bo (Baiyi) có hình xăm trang trí giữa mắt và lông mày. Họ hết lòng theo Phật giáo và không thích sự giết chóc. Trong mỗi làng đều có một ngôi chùa, trong chùa có nhiều tháp. Vì vậy, số lượng chùa ở đây lên đến 10000 cái. Họ chỉ bắt buộc cầm vũ khí chống lại kẻ thù khi bị tấn công. Họ lập tức dừng chiến đấu khi kẻ thù bị đẩy lùi. Đó là đất nước được biết đến dưới cái tên phổ biến là Vùng đất của lòng khoan dung⁽¹⁰⁾".

Mặt khác, Phật giáo Nguyên thủy cũng góp phần củng cố thể chế nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền. Nhà vua tại các nước theo Phật giáo Nguyên thủy tự tuyên bố mình là một Đức Phật phôi thai và nhận một tước hiệu phù hợp để thể hiện điều này. Người sáng lập triều đại cuối cùng của Miến Điện lấy vương hiệu là "Alaung Pya" tức là "Đức Phật phôi thai". Hầu hết những nhà vua Thái Lan và Lào cũng đồng thời là những nhà sư hoặc ít nhất cũng là những Phật tử có một thời sống trong chùa. Trong đó, những nhà vua vĩ đại của Thái Lan thời kì này như Ram Khamhaeng, Lithay, Tilok,... đều được coi là những pháp vương. Đặc biệt Tilok (1442 - 1487), còn được tôn xưng là "Chúa tể của Dharma (vạn pháp), Cakravartin (vua của vũ trụ), người cai trị cả 3 thế giới, vị vua của các vua⁽¹¹⁾". Việc các vị vua được tôn xưng như những vị Phật tại thế gian đã càng làm tăng thêm sự trung thành của những người dân mộ đạo đối với quốc vương của họ và tất nhiên uy quyền của họ cũng theo đó mà được củng cố vững chắc.

Ngoài ra, những nhà sư Phật giáo giữ một vai trò quan trọng trong triều đình, góp phần hoạch định các chính sách đối nội và đối ngoại của đất nước. Hầu hết các triều đại phong kiến ở Thái Lan, đặc biệt là triều đại Sukhothay (1317 - 1346) và Ayuthaya (1350 - 1568) đều phải dựa vào uy tín và sức mạnh của giới sư tăng. Một ví dụ về điều này là dưới vương triều Sukhothay, thời đức vua Ramkhamheng trị vì có một tấm bia ghi lại như sau: "Vua Ramkhamheng, chúa tể của xứ Sukhothay đã

8. Lê Văn Quang (1995), *Lịch sử vương quốc Thái Lan*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr.35.

9. Vũ Quang Thiện - Vũ Thị Oanh (1988), *Ở xứ chùa Vàng*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr.66.

10. Trần Xuân Hiệp, Trần Đình Hùng (2010), "Về quá trình phát triển và vai trò của Phật giáo ở vương quốc cổ Lan Na (thế kỉ XVIII - XVI)", *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7, tr.72. (68 - 74).

11. Trần Xuân Hiệp, Trần Đình Hùng (2010), "Về quá trình phát triển...", *Tiđđ*, tr.71.

cho trồng thốt nốt ở đây 14 năm. Người ra lệnh cho đổ tấm đá lát này và đặt giữa vườn thốt nốt. Vào đầu tuần trăng, hội đồng nhà Phật và các giáo chức Phật giáo đã trèo lên ngồi trên tấm đá lát để xuống đọc kinh luật cho những người thể tục cùng toàn thể tín đồ đến nghe giảng. Ngoài những ngày đọc kinh luật ấy, đức vua Ramkhamheng, chúa tể của xứ Sukhothay trèo lên tấm đá chủ tọa hội đồng các nhà quý tộc và chức sắc cùng họ bàn việc nước⁽¹²⁾”.

Không chỉ ở Thái Lan, mà ở Lào, Campuchia và Miến Điện, giới sư tăng Phật giáo đều đóng một vai trò hết sức quan trọng. Các nhà sư uyên bác là những cố vấn đặc lực cho nhà vua. Trong triều đình, bên cạnh quý tộc, quan lại thường có một hội đồng các tăng nhân gồm một vài vị cao tăng đóng vai trò là người cố vấn đặc biệt cho nhà vua. Các vị vua khi đứng trước một vấn đề quan trọng của đất nước như việc phát động chiến tranh, đề ra các chính sách mới, tiếp đón sứ giả... đều hỏi ý kiến của hội đồng này. Họ đồng thời là những nhà chiêm tinh và là người chủ trì các nghi lễ quan trọng của đất nước. Các nhà sư cũng là những người thường đứng ra dàn xếp các xích mích trong hoàng tộc, chống lại các cuộc cát cứ để củng cố sự thống nhất quốc gia. Tóm lại, đối với các nước tin theo Phật giáo Nguyên thủy ở Đông Nam Á lục địa các nhà sư không bao giờ tách mình ra khỏi các vấn đề chính trị của đất nước và họ cũng là những người được nhân dân tôn trọng và ngưỡng mộ nhất.

Về mặt xã hội: Phật giáo Nguyên thủy không những có ảnh hưởng lớn đối với tầng lớp cao trong xã hội mà nó còn tác động mạnh mẽ đến mọi thành viên trong cộng đồng dân cư. Tại một số nước ở Đông Nam Á lục địa, người đàn ông nào cũng cố gắng dành một phần thời gian trong cuộc đời mình trải qua tu hành vì họ đều có chung quan niệm có trải qua tu hành, người đàn ông mới được coi là người đã chín chắn, đồng thời cũng là để tích phúc đức cho bản thân, cho gia đình và cho cả bản làng mình. Thông thường thì thời gian tu hành được thực hiện khi các bé trai còn nhỏ tuổi. Các em được nhận vào chùa làm tiểu để hầu hạ sư, quét dọn chùa, các em cũng được học chữ. Đến năm 18 tuổi mới chính thức được nhập tu. Thời gian tu không nhất định, có thể một năm cũng có thể lâu hơn. Sau một thời gian tu hành, nếu người nào bộc lộ những phẩm chất tốt đẹp, có trí thông minh, học giỏi và quyết chí tu hành thì anh ta sẽ được hội đồng Phật giáo cho đi tiếp con đường hiển đạt cuộc đời mình cho

đức Phật. Những người con trai đó sẽ là niềm tự hào không chỉ của gia đình mà còn là của cả cộng đồng.

Như vậy, Phật giáo Nguyên thủy khi du nhập vào Đông Nam Á lục địa đã được dân gian hóa, bản địa hóa hay nói cách khác, nó đã bị khúc xạ bởi ý thức hệ ở những quốc gia mà nó xâm nhập. Từ một tôn giáo có tín điều khô khan, khắt khe, nó đã có sự biến đổi để thích nghi, dung hòa với các tín ngưỡng bản địa và nếp sống sinh hoạt của cộng đồng cư dân nơi đây, từ đó xây dựng được một chỗ đứng vững chắc ở các quốc gia Đông Nam Á lục địa (trở thành quốc giáo) và đóng vai trò rất lớn trong đời sống chính trị, xã hội ở các quốc gia này. Lấy dẫn chứng ở Miến Điện, giáo sư A.S Phua-ni-van có viết: “Chính Phật giáo là khuôn thước của đời sống và tư tưởng xã hội của người Miến cho đến tận ngày nay, đối với người dân Miến và Phật tử trên thực tế đồng nhất không tách rời nhau. Tất cả đời sống chính trị, xã hội Miến từ hoàng thành cho tới thôn xã đều xoay quanh Phật giáo và tăng đồ Phật giáo⁽¹³⁾”.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đình Lễ (1988), Đất nước Chùa Vàng, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. D.G.E. Hall (1997), Lịch sử Đông Nam Á, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Tịnh Hải (1992), Lịch sử Phật giáo thế giới, tập 2, Nxb Đại Học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
4. Trần Xuân Hiệp, Trần Đình Hùng (2010), “Về quá trình phát triển và vai trò của Phật giáo ở vương quốc cổ Lan Na (thế kỷ XVIII - XVI)”, Nghiên cứu Tôn giáo, số 7, tr.68-74.
5. Trương Sĩ Hùng (Cb) (2003), Mấy tín ngưỡng tôn giáo Đông Nam Á, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
6. K.L.Hazra (1982), History of Theravada Buddhism in South - east Asia, Lecturer in Pali, Calcutta University, New Delhi.
7. Lê Văn Quang (1995), Lịch sử vương quốc Thái Lan, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
8. Thích Tâm Quang (dịch), “Phật giáo dưới mắt nhà tri thức”, Nguồn: <http://www.budsas.org/uni/u-pg-trithuc/pgtrithuc01.htm>
9. Vũ Quang Thiện (1998), Đạo Phật ở Miến Điện, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
10. Vũ Quang Thiện - Vũ Thị Oanh (1988), Ở xứ chùa Vàng, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
11. Trần Quang Thuận (2008), Phật giáo Nam Tông tại Đông Nam Á, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
12. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (1994), Tìm hiểu lịch sử - Văn hóa Thái Lan, tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.166.
13. Nguyễn Đình Lễ (1988), Đất nước Chùa Vàng, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.29.

Tiểu sử ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH

- Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh
- Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Trưởng ban Tăng sự Trung ương GHPGVN
- Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN
- Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận TQVN TP. Hồ Chí Minh
- Viện chủ Chùa Vạn Đức, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Chùa Vạn Linh, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.



I. THÂN THỂ

Đại lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH, thế danh Nguyễn Văn Bình, sinh năm Đinh Tỵ (1917), tại làng Mỹ Luông, quận Cái Tàu Thượng, tỉnh Sa Đéc (nay là huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Cân, thân mẫu là cụ bà Võ Thị Truyến. Đại lão Hòa thượng có 7 anh em, 2 trai, 5 gái; Đại lão Hòa thượng là người con thứ 7 trong gia đình.

Đại lão Hòa thượng được sinh trưởng trong một gia đình trung nông, phúc hậu, nhơn từ, có nề nếp đạo đức vững chắc và kính tin Tam bảo. Khi song thân qua đời, Đại lão Hòa thượng sống với các anh chị và học hết chương trình Trung học Pháp tại tỉnh nhà.

II. THỜI GIAN XUẤT GIA HỌC ĐẠO

Nhờ đã gieo căn lành từ nhiều kiếp, sớm giác ngộ cõi đời là huyễn, thế sự phù du, nên sau một thời gian đi chiêm bái khắp chốn Thiền môn trong tỉnh, năm 1937, Đại lão Hòa thượng lên núi Cấm, đến chùa Vạn Linh, cầu xin Hòa thượng Trụ trì Pháp hỷ Hồng Xứng cầu thể độ xuất gia, khi trông thấy Hòa thượng, Tổ liền ấn chứng: "Các ông đừng khinh ông này, đời trước ông đã từng làm Hòa thượng...". Sau khi được Tổ cho phép xuất gia, ban Pháp hỷ là Nhứt Bình, hiệu Thiện Chánh tiếp nối dòng pháp Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41.

Sau khi xuất gia, Đại lão Hòa thượng đã đi

tham học Phật pháp với chư sơn Thiền đức ở trong và ngoài tỉnh, lần lượt nghiên cứu tài liệu Phật học in trong Tạp chí Từ Bi Âm, do Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học, chùa Linh Sơn – Sài Gòn ấn hành và tham học tại chùa Bích Liên, Liên Tôn – Bình Định.

Năm 1940, Đại lão Hòa thượng cùng với quý Hòa thượng Thích Thiện Hòa, Thích Thiện Hoa tiếp tục ra Huế học. Trước tiên, Đại lão Hòa thượng theo học Lớp Trung đẳng tại Phật học đường Tây Thiên, do Ngài Thiện Tôn làm Giám đốc. Sau đó học lớp Cao đẳng tại Phật học đường Báo Quốc, do Ngài Tường Vân làm Giám đốc, Hòa thượng Thích Trí Độ là Đốc giáo.

Năm 1941, Đại lão Hòa thượng đăng đàn thọ Sa di giới tại chùa Quốc Ân và được Sư cụ Trí Độ đặt cho Pháp hiệu là Trí Tịnh.

Sau khi mãn khóa Cao đẳng Phật học năm 1945, Đại lão Hòa thượng trở về miền Nam để tiếp tục tu học và hành đạo.

III. THỜI GIAN HÀNH ĐẠO

Năm 1945, Đại lão Hòa thượng đã cùng với Hòa thượng Thích Thiện Hoa, thành lập Phật học đường Phật Quang, Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Vĩnh Long), do Hòa thượng Thích Thiện Hoa làm Giám đốc, Hòa thượng làm Đốc giáo kiêm Giáo thọ.

Để viên mãn tam đàn Giới Pháp, năm 1945, Đại lão Hòa thượng được đăng đàn thọ Tỳ kheo và Bồ tát Giới tại chùa Long An, Sa Đéc, do Hòa thượng Chánh Quả làm Đàn đầu Hòa thượng.

Năm 1948, Đại lão Hòa thượng về Sài Gòn và thành lập Phật học đường Liên Hải, tại chùa Vạn Phước, xã Bình Trị Đông, huyện Long Hưng Thượng, tỉnh Chợ Lớn (nay là huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh), do Hòa thượng làm Giám đốc, Hòa thượng Thích Huyền Dung làm Đốc giáo.

Năm 1950, Đại lão Hòa thượng nhập thất tịnh tu tại chùa Linh Sơn – Vũng Tàu.

Năm 1951, Đại lão Hòa thượng cùng Hòa thượng Thích Thiện Hòa sáp nhập 03 Phật học đường Liên Hải, Mai Sơn, Sùng Đức thành Phật học đường Nam Việt, trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang, quận 10, tỉnh Chợ Lớn (nay là quận 10, TP. Hồ Chí Minh). Từ năm 1951 – 1956, Đại lão Hòa thượng tham gia Ban Giảng huấn và giảng dạy cho lớp Cao Đẳng Phật học.

Năm 1953, Đại lão Hòa thượng khởi công xây dựng chùa Vạn Đức, Thủ Đức.

Năm 1955, Đại lão Hòa thượng sáng kiến thành lập Hội Cực Lạc Liên hữu tại chùa Vạn Đức, quận Thủ Đức do Đại lão Hòa thượng làm Liên trưởng, Thượng tọa Thích Huệ Hưng làm Liên phó.

Năm 1957, Đại lão Hòa thượng được Đại hội Giáo hội Tăng già Nam Việt cử làm Trị sự phó và kiêm Trưởng ban Giáo dục Giáo hội Tăng già Nam Việt. Đồng thời, hợp tác với Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Thiện Hòa mở các khóa Như Lai Sư Giả tại chùa Pháp Hội, chùa Tuyền Lâm, chùa Dược Sư... để đào tạo cán bộ Trụ trì và Giảng sư cho Giáo hội.

Năm 1959, trong Đại hội Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam kỳ II, vào 02 ngày 10, 11/9/1959 tại chùa Ấn Quang, Đại lão Hòa thượng được Đại hội suy cử làm Trị sự Phó Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam.

Năm 1960 - 1962, Đại lão Hòa thượng làm Giới Luật sư trong các Đại Giới đàn, tổ chức tại chùa Ấn Quang, Pháp Hội... để truyền trao giới pháp cụ túc cho chư Tăng.

Năm 1962, Đại lão Hòa thượng được Giáo hội Phật giáo Trung phần cung thỉnh vào cương vị Phó Viện trưởng Phật học Viện Trung phần Hải Đức - Nha Trang.

Năm 1964, Đại lão Hòa thượng làm Trưởng đoàn Đại biểu Giáo hội Tăng già Nam Việt tham dự Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, được tổ chức tại chùa Xá Lợi trong những ngày 30, 31/12/1963 và 01/01/1964 để thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Tại Đại hội này, Đại lão Hòa thượng được suy cử vào cương vị Tổng vụ Trưởng

Tổng vụ Tăng sự.

Năm 1964, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị làm Tuyên Luật sư trong Đại Giới đàn Quảng Đức, tổ chức tại Việt Nam Quốc Tự – Sài Gòn.

Năm 1965, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Yết ma Tiểu giới đàn Quảng Đức tại Phật học viện Huệ Nghiêm – Gia Định và Tuyên Luật sư Đại Giới đàn Từ Hiếu – Thừa Thiên Huế.

Năm 1966, Đại lão Hòa thượng là Tuyên Luật sư Đại Giới đàn Quảng Đức, tại Phật học viện Huệ Nghiêm.

Năm 1966 - 1968, tại Đại hội kỳ II Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, Đại lão Hòa thượng được suy cử vào cương vị Chánh Thư ký Viện Tăng Thống.

Năm 1968 – 1971, Đại lão Hòa thượng tham gia Ban Giảng huấn Phật học viện Huệ Nghiêm và giảng dạy Phật pháp cho lớp Chuyên khoa Phật học trong ba năm.

Năm 1969, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Tuyên Luật Sư trong Đại Giới đàn Quảng Đức, tổ chức tại Phật học viện Huệ Nghiêm.

Năm 1970, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Khoa trưởng Phân Khoa Phật học tại Đại học Vạn Hạnh – Sài Gòn đến năm 1975.

Năm 1971, sau khi Giáo hội thành lập Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm – Gia Định, Đại lão Hòa thượng được cử làm Viện trưởng từ năm 1971 đến năm 1991.

Năm 1973, trong phiên họp của Hội đồng Giáo phẩm Trung ương, Đại lão Hòa thượng được cử làm Thành viên Hội đồng Giáo phẩm Trung ương. Vào ngày 05.7.1973, Đại lão Hòa thượng được cử làm Chủ tịch Hội đồng phiên dịch Tam tạng thuộc Viện Tăng Thống, GHPGVNTN.

Cũng trong năm 1973, tại Đại hội Giáo hội Trung ương kỳ 4, Đại lão Hòa thượng được tấn phong Hòa thượng và được suy cử đảm nhiệm cương vị Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Cuối năm 1974, Đại lão Hòa thượng được cử Hòa thượng Thích Thiện Hòa cử làm Cố vấn Hội đồng Quản trị Tổ đình Ấn Quang và các cơ sở trực thuộc Tổ đình.

Năm 1975, Đại lão Hòa thượng được Hội đồng Giáo phẩm Trung ương cử làm Trưởng ban Kiến thiết Pháp Bảo Viện tại xã Linh Xuân Thôn, Thủ Đức – Gia Định.

Năm 1976, Đại lão Hòa thượng được mời làm

Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Năm 1980, Đại lão Hòa thượng được cử làm Tuyên Luật Sư và Chánh Chủ khảo trong Đại Giới đàn Thiện Hòa, tổ chức tại chùa Ấn Quang.

Đặc biệt, vào đầu xuân Canh Thân năm 1980, khi đất nước đã hoàn toàn độc lập, giang sơn nối liền một dải, Bắc Nam sum họp một nhà, tất cả sự sinh hoạt, từ phương diện kinh tế, chính trị, xã hội... đều thống nhất trong phạm vi cả nước, và đây cũng là một thuận duyên cho Phật giáo Việt Nam có đầy đủ cơ duyên thống nhất thành một mối, trong phạm vi cả nước. Do đó, trong phiên họp hiệp thương của chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Cư sĩ của các Tổ chức Giáo hội, Hệ phái Phật giáo được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh để thảo luận chương trình thống nhất Phật giáo nước nhà. Kết quả một Ban Vận động Thống nhất Phật giáo ra đời, do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Trưởng ban và Đại lão Hòa thượng được cử làm Phó ban Vận động kiêm Trưởng Tiểu ban Nội dung.

Tại Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo Việt Nam, tổ chức tại Thủ đô Hà Nội, từ ngày 04 – 07/11/1981, Đại lão Hòa thượng được Đại hội suy tôn ngôi vị Thành viên Hội đồng Chứng minh, suy cử cương vị Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự kiêm Trưởng Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm 1982, tại Đại hội Đại biểu Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, nhiệm kỳ I, Đại lão Hòa thượng được cử làm Trưởng Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh đến năm 1987.

Năm 1984, sau khi Hòa thượng Thích Trí Thủ - Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN viên tịch vào tháng 4/1984, Đại lão Hòa thượng được suy cử Quyền Chủ tịch Hội đồng Trị sự, rồi Chủ tịch Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ II và những nhiệm kỳ tiếp theo cho đến ngày về cõi Phật.

Từ năm 1984 đến năm 2013, Đại lão Hòa thượng được cung thỉnh làm Đàn đầu Hòa thượng Đại Giới đàn đầu tiên và những Giới đàn tiếp theo của Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh được tổ chức tại chùa Ấn Quang.

Tháng 12/1984, tại Đại hội UBMTQVN TP. Hồ Chí Minh lần thứ 4, Đại lão Hòa thượng được Đại hội cử làm Phó Chủ tịch UBMTTQVN TP. HCM.

Tại Đại hội Kỳ III – 1992, Đại lão Hòa thượng được Đại hội suy tôn lên ngôi vị Phó Pháp chủ kiêm Giám luật Hội đồng Chứng minh GHPGVN.

Từ Đại hội Mặt trận toàn quốc lần thứ II (1983) cho đến Đại hội VII, Đại lão Hòa thượng được

bầu làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch và tại Đại hội VI, VII (2009), Đại lão Hòa thượng được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Năm 2004, Đại lão Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Đàn đầu Hòa thượng Đại giới đàn Trí Tấn do Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương tổ chức.

Đặc biệt, Đại lão Hòa thượng đã được Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Bà Rịa – Vũng Tàu cung thỉnh đảm nhiệm cương vị Hòa thượng Đàn đầu truyền giới Tỳ kheo tại Đại giới đàn Thiện Hòa I (1993), Thiện Hòa III (2000), Thiện Hòa IV (2003), Thiện Hòa V (2006), Thiện Hòa VII (2013). Ngoài ra, Đại lão Hòa thượng còn chứng minh nhiều Đại giới đàn do Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh lân cận TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

*** BIÊN SOẠN VÀ PHIÊN DỊCH:**

Mặc dù bận rộn nhiều công việc cho Giáo hội, Đại lão Hòa thượng vẫn dành thời gian để dịch kinh và giảng kinh. Những tác phẩm Hòa thượng đã biên soạn, phiên dịch và phổ biến như:

1. Kinh Pháp Hoa: 01 quyển
2. Kinh Hoa Nghiêm: 04 quyển
3. Kinh Đại Bát Niết Bàn: 02 quyển
4. Kinh Đại Bát Nhã: 03 quyển
5. Kinh Đại Bảo Tích + Đại Tập: 09 quyển
6. Kinh Phổ Hiền hạnh nguyện: 01 quyển
7. Kinh Địa Tạng bốn nguyện: 01 quyển
8. Kinh Tam Bảo: 01 quyển
9. Bồ Tát giới bốn : 01 quyển
10. Kinh Pháp Hoa cương yếu tóm tắt: 01 quyển
11. Kinh Pháp Hoa thông nghĩa: 03 quyển
12. Cực Lạc liên hữu tập: 01 quyển
13. Đường về Cực Lạc: 01 quyển
14. Ngộ tánh luận : 01 quyển

*** XÂY DỰNG:**

Năm 1995, Đại lão Hòa thượng khởi công xây dựng lại chùa Vạn Linh và Tháp Tổ Hồng Xứng – Núi Cấm, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Năm 2000, với tư cách Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN, Đại lão Hòa thượng đã ký quyết định thông qua dự án và bổ nhiệm Ban Trùng tu cơ sở Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội – Thiền viện Quảng Đức, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2001, Đại lão Hòa thượng trùng tu Giảng đường chùa Vạn Đức, Phật đài Quan Âm, Thư viện, Thiền thất, phòng sách v.v...

Năm 2002, Đại lão Hòa thượng là Chủ đầu tư xây dựng lại cơ sở Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội – Thiền viện Quảng Đức, quận 3.

Năm 2004, Đại lão Hòa thượng khởi công xây dựng lại Chánh điện, Nhà Tổ chùa Vạn Đức với quy mô lớn, trang nghiêm tú lệ, đã thành tựu viên mãn, xứng đáng là cơ sở Giáo hội tại địa phương.

Với những công đức mà Đại lão Hòa thượng đã đóng góp cho Đạo Pháp và Dân Tộc, nên Hòa thượng đã được Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng thưởng:

- Huân chương Hồ Chí Minh
- Huân chương Độc Lập hạng nhất
- Huy chương Vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Bằng Tuyên dương Công đức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và nhiều phần thưởng cao quý khác.

IV. THỜI GIAN VIÊN TỊCH

Là một trong những Cao tăng cống hiến trọn đời cho sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh, Đại lão Hòa thượng đã có những đóng góp, những công đức to lớn trong công cuộc chấn hưng, thống nhất và hòa hợp Phật giáo, góp phần xây dựng và bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc, phụng sự đất nước. Đại lão Hòa thượng là một bậc Tôn sư khả kính đã có nhiều công lao giáo dưỡng và dìu dắt hàng trăm môn đồ đệ tử đã trưởng thành, nơi gương tử bi hỷ xả, tự giác giác tha của Hòa thượng để bền vững đạo tâm và trang nghiêm Giáo hội.

Ngày nay, khi hạnh nguyện hoằng dương Phật pháp, tế độ chúng sinh của Đại lão Hòa thượng đã viên mãn, thì cũng chính là lúc luật vô thường đưa Đại lão Hòa thượng trở về Tây phương kiến Phật vào lúc 09 giờ 15 phút, ngày 28 tháng 3 năm 2014 (nhằm ngày 28 tháng 02 năm Giáp Ngọ). Trụ thế 98 năm, hạ lạp 69 năm.

Thế là Đại lão Hòa thượng đã viên thành đại nguyện, Giác linh Đại lão Hòa thượng đã trở về thế giới Niết bàn vô tung bất diệt, nhưng công đức và đạo hạnh của Đại lão Hòa thượng mãi mãi lưu lại trong tâm tư, trong ký ức của Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam và trang sử rạng ngời của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Nam Mô Từ Lâm Tế Gia Phổ, Tứ thập nhất thế, Pháp hựu thượng Nhựt hạ Bình, tự Thiện Chánh, hiệu Trí Tịnh, Nguyễn công Đại lão Hòa thượng Giác linh. ■



Đoàn Phật giáo Nam tông viếng giác linh đài.



Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đến viếng.



Đoàn xe cung thỉnh Giác linh Hòa thượng viếng thăm VP II TƯGH và VP BTS GHPGVN TP



Đại Kinh Saccaka

HT. Thích Minh Châu

Saccaka đến yết kiến đức Phật, đề cập đến tu tập về thân, tu tập về tâm, và nói ngoại đạo tu khổ hạnh, tu tập về thân và tâm, nhưng chỉ tu tập trong một thời gian rồi ăn uống các đồ ăn ngon trở lại. Đức Phật nói tu tập về thân như vậy không phải là tu tập trong Pháp và Luật của bậc Thánh. Rồi đức Phật giải thích thế nào là không tu tập về thân và tâm, thế nào là tu tập về thân và tâm. Rồi đức Phật kể lại kinh nghiệm tu hành của mình, tu tập về thân như thế nào, tu tập về tâm như thế nào, từ khi tu hành khổ hạnh cho đến chứng được vô thượng giác ngộ.

Cuối cùng Saccaka hỏi đức Phật có cho phép ngủ ban ngày không, và ngủ như vậy có phải là si ám không? Đức Phật trả lời có cho phép ngủ ban ngày nhưng như vậy không gọi là si ám. Khi nào còn lậu hoặc thì còn có si ám. Lậu hoặc đã đoạn trừ thì không còn si ám nữa.

Theo ngoại đạo, có kẻ tu tập về thân không tu tập về tâm, cảm thọ khổ thọ về thân, chân bị tê liệt, quả tim có thể tức bể, máu nóng có thể trào ra từ miệng, có thể bị điên cuồng loạn tâm. Người này tâm tùy thuộc thân, tâm bị thân điều khiển, vì tâm không được tu tập. Có người chuyên tu tập về tâm, không tu tập về thân, cảm thọ khổ thọ về tâm, chân bị tê liệt, quả tim tức bể, máu nóng có thể trào ra, có thể bị điên cuồng loạn tâm. Người này tâm tùy thuộc tâm, thân bị tâm điều khiển, vì thân

không tu tập. Các ngoại đạo tu các khổ hạnh, tu tập về thân, nhưng chỉ một thời gian, sau thời gian ấy lại ăn uống sung túc như trước.

Đức Phật giải thích về thân không tu tập, về tâm không tu tập rất sai khác. Kẻ vô văn phạm phu, khởi lên lạc thọ, liền tham đắm lạc thọ. Nếu lạc thọ bị diệt, khởi lên khổ thọ. Do cảm giác khổ thọ nên sầu muộn than khóc, đi đến bất tỉnh. Lạc thọ ấy khởi lên cho người ấy, xâm chiếm tâm và an trú, do thân không tu tập. Khổ thọ ấy khởi lên, xâm chiếm tâm và an trú, do tâm không tu tập. Còn bậc đa văn Thánh đệ tử cảm giác lạc thọ, không tham đắm lạc thọ. Khi lạc thọ diệt mất, khởi lên khổ thọ, cảm giác khổ thọ nhưng không có sầu muộn than khóc, rơi vào bất tỉnh. Lạc thọ khởi lên, không xâm chiếm tâm và an trú, vì thân có tu tập. Khổ thọ khởi lên, không xâm chiếm tâm và an trú, vì tâm có tu tập. Người nào hai phương diện có đầy đủ, được gọi là người có thân tu tập, có tâm tu tập.

Rồi đức Phật nói lên kinh nghiệm của Ngài về thân tu tập, tâm tu tập, từ khi Ngài xuất gia tuổi trẻ cho đến khi học đạo với Ālārara Kālāma và Uddaka Rāmaputta, rồi Ngài đến Magadha, Uruvelā, bên bờ sông Ni-liên-thiên và bắt đầu tu tập. Ba ví dụ khởi lên cho đức Phật:

– Một khúc cây đắm ướt, đầy nhựa sống, đặt trong nước, không thể bén lửa đốt cháy được.

– Một khúc cây đắm ướt, đầy nhựa sống, được đặt trên đất khô cũng không bén lửa, đốt cháy được.

– Một khúc cây khô, không nhựa, được vớt khỏi nước, được đặt trên đất khô, nếu đem cọ xát, có thể bén lửa, đốt cháy được.

Cũng vậy, những Sa-môn, Bà-la-môn sống không xả ly dục vọng về thân, dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, chưa được đoạn trừ, thời nếu có vị nào có cảm thọ những cảm giác đau nhói kịch liệt, chúng không có thể chứng được tri kiến, vô thượng chánh đẳng giác.

Và nếu không cảm thọ những cảm giác nhói đau kịch liệt, cũng không có thể chứng được tri kiến, vô thượng chánh đẳng giác. Với những vị không xả ly các dục vọng về thân, các dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, nội tâm chưa khéo đoạn trừ, chưa được làm nhẹ bớt, nên các vị này dù cảm thọ hay không cảm thọ những cảm giác khổ đau kịch liệt, cũng không có thể chứng được tri kiến, vô thượng chánh đẳng giác. Chỉ ai xả ly các dục vọng về thân, đoạn trừ các dục tham, dục ái, dục hôn ám, dục khát vọng, dục nhiệt não, nếu hạng người này thành linh cảm thọ những cảm giác nhói đau khổ liệt, các vị ấy có thể chứng được tri kiến, vô thượng chánh đẳng giác. Nếu không có cảm giác những khổ thọ khổ liệt, cũng có thể chứng được tri kiến, vô thượng chánh đẳng giác.

Sau khi nghĩ như vậy, Thế Tôn nghiêng rằng, dán chặt lưỡi trên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, đánh bại tâm, mồ hôi toát ra từ nách. Dù cho Ngài chú tâm tinh cần, tận lực, niệm không dao động, nhưng thân bị dao động, không có khinh an vì bị chi phối bởi sự tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, khổ thọ ấy khởi lên, được tồn tại, nhưng không xâm chiếm tâm.

Rồi Thế Tôn tu chỉ tức thiền, tức là nín thở bằng miệng, bằng lỗ mũi, bằng lỗ tai. Làm như vậy, có tiếng động kinh khủng vang qua lỗ tai, có ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu, hay cảm bị đau đầu một cách kinh khủng, hay một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng hay một sức nóng kinh khủng khởi lên. Dù cho Thế Tôn có tinh tấn tận lực, niệm không giao động, nhưng thân vẫn bị kích



Ấn sĩ kiều ngạo Saccaka bị đức vua Trời hóa thành một dạ xoa cầm cái chùy kim cương phát ra luồng ánh sáng khiếp người, ngồi trên đỉnh đầu của ông dọa sẽ đánh cho đầu ông vỡ ra làm bảy mảnh vì tính ương ngạnh, ngoan cố thì ông mới chịu nhận sự sai lầm của mình và ngoan ngoãn lắng nghe Đức Phật giảng dạy.

động không có khinh an, vì bị chi phối bởi sự tinh tấn chống lại khổ thọ ấy. Tuy vậy, khổ thọ ấy khởi lên, an trú nhưng không xâm chiếm tâm.

Rồi đức Phật tuyệt thực nhưng không thực hành được vì chư Thiên sẽ đổ các món ăn ngang qua lỗ chân lông, nên đức Phật giảm thiểu sự ăn uống, ăn quá ít đến nỗi ốm o gầy mòn, da trở thành màu vàng sẫm.

Đến đây đức Phật mới biết con đường tu khổ hạnh không đưa đến giác ngộ. Ngài nhớ lại lúc còn trẻ, một trải nghiệm khi ngồi dưới gốc cây Diêm-phù-đề, Ngài chứng sơ thiền, khởi lên lạc thọ. Ngài suy nghĩ: Không đáng để sợ lạc thọ ấy, vì đây là một lạc thọ ly dục, ly pháp bất thiện. Rồi Ngài dùng đồ ăn trở lại, tu và chứng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, các trạng thái hỷ lạc, lạc thọ khởi lên, có tồn tại nhưng không xâm chiếm tâm.

Rồi đức Phật chuyển qua tu tuệ, chứng được túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh, thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, chứng được quả A-la-hán. Rồi đức Phật thuyết pháp cho Đại chúng hàng trăm người, mỗi người nghĩ rằng: “Như Lai thuyết pháp cho ta”. Thật sự Như Lai thuyết pháp chỉ có mục đích giảng dạy.

Cuối cùng Saccaka tán thán đức Phật, dù cho bị chống đối, bị mỉa mai, màu da Như Lai vẫn sáng suốt, sắc mặt Như Lai vẫn hoan hỷ, như một vị A-la-hán chánh đẳng giác. Còn các ngoại đạo sư khác, trong khi bị chất vấn liền tránh né vấn đề, tỏ lộ phần nộ bất mãn. ■



Tìm hiểu về Luật tạng Nguyên thủy BÌNH BÁT VÀ CÁC VẬT DỤNG KHÁC

Tk. Siêu Minh (dịch)

(tiếp theo) **CÁC KHOẢN LUẬT**

Bình bát

"Không được sử dụng Bình bát làm bằng vàng, làm bằng bạc, bằng đá quý, bằng đá lazuli, bằng pha lê, bằng đồng thau, bằng thủy tinh, bằng thiếc (chì), bằng đồng đỏ.

Bất kỳ vị nào sử dụng một dụng cụ như vậy: là phạm giới. "Ta đồng ý cho sử dụng hai loại bình bát: Bình bát làm bằng kim loại, Bình bát làm bằng đất nung." – Cv. V. 9.1

"Nhà người không thể đi khất thực với Bình bát làm bằng quả bầu khô, làm bằng bình đựng nước. Bất kỳ vị nào sử dụng thứ Bình bát như vậy là phạm giới." – Cv. V.10.1

"Các người không được dùng sọ người làm bình bát. Bất kỳ vị nào sử dụng một dụng cụ như vậy là phạm giới." – Cv. V.10.2

"Ta đồng ý cho sử dụng giá để Bình bát hình tròn." ... "các người không được sử dụng giá để Bình bát hình tròn trang trí lòe loẹt. Bất kỳ vị nào sử dụng thứ dụng cụ như vậy: là phạm giới. "Ta cho phép sử dụng hai loại giá để Bình bát: làm bằng thiếc và làm

bằng kẽm (chì)."... "Ta cho phép các người thiết kế sao cho ăn khớp sát sao với Bình bát)."... "Ta đồng ý các người nên khía rạch răng cá kiếm trên giá đó (để cho Bình bát không trơn trượt)."... "Những chiếc giá để Bình bát được trang trí bằng những hình nhỏ, được trang trí tỷ mỉ không được phép sử dụng. Bất kỳ vị nào sử dụng một dụng cụ như vậy: là phạm giới. Ta cho phép sử dụng những giá để Bình bát bình thường hình tròn." – Cv.9.2

"Không được để trên giá Bình bát còn ướt. Bất kỳ vị nào sử dụng một dụng cụ như vậy: là phạm giới. Ta cho phép Bình bát được đem cất đi chỉ khi nào đã được phơi khô (dưới nắng mặt trời)"... "Bình bát có nước trong đó không được phơi khô dưới nắng mặt trời. Bất kỳ vị nào làm như vậy: là phạm giới. Ta đồng ý cho phơi khô Bình bát chỉ khi nào đã lau khô nước."... "Không được để Bình bát dưới nắng nóng. Bất kỳ vị nào làm như vậy: là phạm giới. Ta cho phép Bình bát được cất đi chỉ sau khi đã phơi khô một thời gian dưới nắng nóng." – Cv. V. 9.3.

"Ta cho phép sử dụng giá để Bình bát."... "Không để Bình bát nơi cạnh bàn (§). Bất kỳ vị nào như vậy: là phạm giới."... "Không nên để cạnh gờ

một chiếc bàn nhỏ bên ngoài bức tường (§). Bất kỳ vị nào sử dụng làm như vậy: là phạm giới.”... “Ta đồng ý cho sử dụng một tấm thảm cỏ để úp Bình bát lên trên đó). Kiến căn tấm thảm cỏ. “Ta cho phép sử dụng một miếng vải.” Kiến căn miếng vải. “Ta cho phép sử dụng một cái bệ.”... “Ta cho phép sử dụng một túi đựng Bình bát.”...Ta cho phép sử dụng chiếc kệ làm bằng đồ đan liễu gai.”... “Ta cho phép dùng một chiếc bị để đựng Bình bát.”... “Ta cho phép dùng sợi dây để cột miệng bị lại làm quai xách bị đó.” – Cv. V. 9.4

“Không nên treo Bình bát. Bất kỳ vị nào làm như vậy: là phạm giới.”... “Không được để Bình bát trên giường, trên ghế, trên đùi, trên chiếc dù. Bất kỳ vị làm như vậy: là phạm giới.” “Vị tỳ khưu cầm Bình bát trong tay không nên mở cửa. Bất kỳ vị nào làm như vậy: là phạm giới.” – Cv. V.9.5

“Ta không nên bỏ thức ăn thừa, xương, và nước thải vào Bình bát. Bất kỳ vị nào làm như vậy: là phạm giới. Ta cho phép sử dụng một ống nhỏ.” – Cv. V.10.3

Giày dép

“Ta đồng ý cho sử dụng giày dép da một lớp. Giày dép da hai lớp không nên sử dụng. Không nên sử dụng giày dép da ba lớp. Không nên sử dụng giày dép da nhiều lớp. Bất kỳ vị nào sử dụng giày dép da như vậy: là phạm giới.” – Mv. V. 1.30

“Không được phép mang giày dép da có màu xanh lá (hay xanh dương) hoàn toàn. Giày dép da có màu vàng hoàn toàn, màu đỏ hoàn toàn, màu xanh lợt pha đỏ hoàn toàn, màu đen hoàn toàn, màu cam hoàn toàn, màu hồng hoàn toàn (§) là những thứ giày dép cấm tuyệt không được mang. Bất kỳ vị nào mang những thứ giày dép da như vậy: là phạm giới.” – Mv.V.2.1

“Không được phép mang giày dép da có quai màu xanh lá (xanh dương). Thứ giày dép da có quai màu vàng, quai màu đỏ, quai màu xanh lợt pha đỏ, quai màu đen, quai màu vàng, có quai màu hồng là những thứ giày dép không được phép sử dụng. Bất kỳ vị nào sử dụng những thứ giày dép da như vậy: là phạm giới.” – Mv.V.2.2

“Không được phép mang giày dép da có gót cao phủ kín gót chân. Giày ống (hay dép có gót phủ kín đến tận bắp vế (§)...giày (§)...giày dép da nhồi bông, giày dép da trang trí với cánh gà gô hay (cánh chim cú), giày dép da đầu nhọn trông tựa sừng cừu đực, giày dép da đầu nhọn trông tựa sừng dê, giày dép da có đầu nhọn trong tựa đuôi bọ

cạp, giày dép da có may thêm lông chim công, giày dép da được trang trí lòe loẹt là những thứ cấm tuyệt không được mang. Bất kỳ vị nào mang những thứ giày dép da như vậy: là phạm giới.” – Mv.V.2.3

“Không được sử dụng giày da trang trí với da sư tử. Không được phép sử dụng giày dép da trang trí với da cạp, da báo, da linh dương đen (hay da cây hương), da rái cá, da mèo, da sóc (hay da khỉ), da cáo bay (chim cú) là những thứ giày dép cấm tuyệt không được mang. Bất kỳ vị nào mang những thứ giày dép da như vậy: là phạm giới.” – Mv.V.2.4

“Ta cho phép mang giày da nhiều lớp đã qua sử dụng (đã bị loại bỏ). Nhưng cấm tuyệt không được mang giày dép nhiều lớp còn mới. Bất kỳ vị nào mang những thứ giày dép da như vậy: là phạm giới.” – Mv.V.3.2.

“Và không được phép mang giày da trong khuôn viên thiền viện. Bất kỳ vị nào mang những thứ giày dép da ở đó như vậy: là phạm giới.” – Mv.V.4.3

“Ta đồng ý cho phép vị nào đau chân hay bị trượt chân hay chân bị chai mang giày da.” Mv. V. 5.2

“Ta đồng ý cho nhà người, khi có ý định, “Con sẽ thức dậy trên giường hay trên chõng, được phép mang giày dép da.” – Mv. V.6.1

“Ta đồng ý cho nhà người mang dép da trong khuôn viên thiền viện.” – Mv.V. 6.2

“Không nên vào làng khất thực mà mang dép da. Bất kỳ vị nào vào làng khất thực mà mang dép da như vậy: là phạm giới...Ta đồng ý cho phép vị tỳ khưu đau bệnh được vào làng khất thực mang dép da.” – Mv. V. 12

“Ta cho phép những ai cư trú tại những vùng xa xôi hẻo lánh được phép mang giày dép da.” – Mv. V. 13.13.

“Không được phép mang giày dép làm bằng gỗ. Bất kỳ vị nào mang thứ giày dép gỗ như vậy: là phạm giới.” – Mv.V.6.4

“Không được phép mang giày dép đan bằng lá dừa. Bất kỳ vị nào mang thứ giày dép đan như vậy: là phạm giới.” – Mv.V.7.2

“Không được phép mang giày dép đan bằng tre. Bất kỳ vị nào mang thứ giày dép đan như vậy: là phạm giới.” – Mv.V.7.3

“Không được phép mang giày dép đan bằng cỏ. Giày dép đan bằng cỏ muñjas, đan bằng lau

sậy, đan bằng lá chà là đầm lầy, đan bằng cỏ kamala, đan bằng len, được trang trí bằng vàng, bằng bạc, nạm thêm đá quý, trang trí với đá lazxuli, trang trí với pha lê, trang trí bằng đồng thau, trang trí với gương (soi), trang trí với thiếc, với kẽm (chì) trang trí bằng đồng đỏ là những thứ giày dép không được phép sử dụng. Bất kỳ vị nào mang những thứ giày dép được trang trí như vậy: là phạm giới." Người không nên mang thứ giày dép không làm bằng da có nghĩa là dùng để đi bộ. Bất kỳ vị nào mang thứ giày dép không làm bằng da như vậy: là phạm giới. Ta cho phép mang ba loại giày dép không làm bằng da nếu đó là điều thích hợp hoàn toàn với những vị trí như: giày mang khi đi vào nhà xí, khi đi tiểu tiện, khi bước vào phòng rửa tay khi đã vào nhà xí." – Mv. V. 8.3

Dụng cụ lọc nước

"Ta cho phép sử dụng đồ lọc nước."... "Ta cho phép sử dụng môi lọc nước."... "Ta cho phép sử dụng dhammakaraka (đồ lọc nước hình trụ)." – Cv. V. 13.1

"Khi có vị tỳ khưu nào đồng hành yêu cầu cho mượn đồ lọc nước, người không được từ chối cho vị đó mượn. Kẻ nào không cho vị đó mượn như vậy: là phạm giới. Và không vị tỳ khưu nào ra đi du hành mà không mang theo dụng cụ lọc nước. Bất kỳ vị nào ra đi du hành như vậy: là phạm giới. Nếu trong trường hợp không có dụng cụ lọc nước hay đồ lọc nước hình trụ, các người có thể quyết định sử dụng cả vải gấu áo cà sa để làm việc này: sau khi đã lọc nước như vậy, ta sẽ uống." – Cv. V. 13.2

"Ta cho phép sử dụng dụng cụ lọc nước treo lên cọc (§)" "Ta cho phép sử dụng miếng vải lọc nước trải trên mặt nước (§)." – Cv. V. 13.3

Những thiết bị linh tinh khác

"Ta cho phép sử dụng ô dù (để che nắng)." ... "Không được sử dụng một chiếc dù." – Cv. V. 23.2

"Ta cho phép vị nào đau ốm được sử dụng ô dù." ... "Ta cho phép cả những vị đau ốm lẫn vị khỏe mạnh được sử dụng ô dù nội trong khuôn viên thiền viện và trong vùng phụ cận thiền viện đó." Cv. V. 23.3

"Ta cho phép sử dụng màn chống muỗi." – Cv. V. 13.3

"Ta cho phép sử dụng bình nước nhỏ và cây chổi quét nhà." Cv. V. 22.1

"Ta cho phép sử dụng cây quạt tay và quạt làm bằng lá dừa (quạt có tay cầm)." – Cv. V. 22.2

"Ta cho phép sử dụng dụng cụ đuổi muỗi.".... "Không được phép sử dụng dụng cụ đuổi muỗi làm bằng lông bò Tây Tạng. Bất kỳ vị nào sử dụng thứ dụng cụ đuổi muỗi như vậy: là phạm giới. Ta đồng ý cho sử dụng ba loại dụng cụ đuổi muỗi: làm bằng sợi lấy từ vỏ cây, làm bằng cỏ Khus-khus, làm bằng lông đuôi chim công." – Cv. V. 23.1

"Ta cho phép nhà người sử dụng ...cây đuốc, cây đèn, cây trượng (gậy)." – Mv. V. 6.2

"Không được sử dụng những cây trượng và võng cằng (§) đan bằng sợi liễu gai. Bất kỳ vị nào sử dụng thứ dụng cụ như vậy: là phạm giới." – Cv. V. 24.1

"Ta đồng ý quyền sử dụng gậy trượng được ban cho vị tỳ khưu nào đau ốm. Bất kỳ vị nào khác sử dụng thứ dụng cụ như vậy: là phạm giới." Cv. V. 24.2

"Ta đồng ý rằng quyền sử dụng gậy trượng và võng cằng đan bằng sợi liễu gai chỉ được ban cho vị tỳ khưu đau ốm mà thôi." Qui trình và lời tuyên bố quản trị thiền viện. – Cv. V. 24.3.

"Không được phép sử dụng trên vai chiếc đòn gánh có cột hai vật nặng ở hai đầu. Bất kỳ vị nào sử dụng thứ dụng cụ như vậy: là phạm giới. Ta cho phép sử dụng cây đòn gánh cột vật nặng ở một đầu, cây đòn gánh cho hai người khiêng vật nặng ở giữa. Ta đồng ý cho đội vật nặng trên đầu, khiêng vật nặng trên vai, cặp vật nặng bên hông, treo vật nặng trên vai v.v...)" – Cv. V. 30

Ta đồng ý cho mang toàn bộ những hàng hóa kim loại, ngoại trừ vũ khí, mang toàn bộ hàng hóa làm bằng gỗ, ngoại trừ thứ gỗ asandis, pallankas, ta cũng cho sử dụng Bình bát làm bằng gỗ, và giày dép bằng gỗ; cũng được mang toàn bộ hàng đồ gốm, ngoại trừ đồ cọ chân bằng gốm làm bằng vật lòi ra từ quả sen và chậu rửa quá khổ làm bằng gốm." – Cv. V. 37

"Không được làm bộ đồ nghề bằng kim loại và bằng đồng thau. Kẻ nào làm bộ đồ nghề như vậy: là phạm giới." – Cv. V. 28. 1

"Ta cho phép thực hiện một bộ đồ nghề chỉ với qui mô một hộp đựng dầu xức, que xức dầu, và dụng cụ lấy ráy tai." – Cv. V. 28.2

"Và ta không cho phép tu tập khổ hạnh không sử dụng bất kỳ điều gì, ngoại trừ những đồ dùng đã bỏ đi (§). Kẻ nào tu tập hạnh sử dụng như vậy: là phạm giới." – Cv. V. 10.2 (còn tiếp). ■

THIỀN PHẬT GIÁO

NGUYÊN T HỦY VÀ PHÁT TRIỂN

HT. Viên Minh

(tiếp theo) **II. 4) TỨ NIỆM XỨ
(satipaṭṭhāna):**

Tuy nói chung đối tượng của thiền tuệ là pháp thực tánh hay pháp chân nghĩa, nhưng chủ yếu thiền tuệ có mục đích hóa giải ảo tưởng, ảo kiến về ngã và pháp, như quan niệm một thế giới thường, lạc, ngã, tịnh của “hiện tại Niết-bàn luận”, một trong 62 tà kiến mà Đức Phật đã chỉ rõ trong Dīgha Nikāya, trong đó ngã (sản phẩm của vô minh, ái dục) là tâm điểm của phiền não khổ đau, luân hồi sinh tử. Vì vậy, bốn thực tánh pháp cần được trí tuệ Vipassanā quán chiếu là thân, thọ, tâm và pháp.

Sở dĩ chúng ta mãi trôi lăn trong luân hồi sinh tử, phiền não khổ đau là vì thân tâm luôn hướng ngoại tìm cầu đối tượng của lòng tham muốn. Được thì vui mừng, thích thú nên cố tranh giành, chiếm đoạt...; không được thì buồn phiền, bất mãn rồi đâm ra thất vọng, hận thù... Cứ thế tham sân càng ngày càng dày đã che lấp không cho chúng ta thấy được sự thật, đó chính si mê. Tham - sân - si liên kết với nhau trở thành một thành tri vô minh ái dục sâu dày. Từ đó chúng ta sa lầy trong thế giới bên ngoài. Để thỏa mãn những đòi hỏi của bản thân (ngã), chúng ta càng ngày càng đi xa trên đường rong ruổi tìm kiếm, và đã quên mất chính mình, thân tâm đã hoàn toàn bị phân tán và lạc lối trong thế giới đầy màu sắc, âm thanh, hương vị, và sự xúc chạm hấp dẫn bên ngoài. Chúng ta hành động, đấu tranh, xây dựng, hủy diệt... đó chính là nghiệp báo. Hậu quả tất nhiên là chúng ta gặt hái vô vàn phiền não khổ đau, đằng sau những thú vui tạm bợ, mà chúng ta gọi là hạnh phúc! Trong lúc đau khổ, hoặc là chúng

ta cứ than trời trách đất, đổ lỗi cho hoàn cảnh, cho người khác, thậm chí cho cả ma quỷ, thánh thần, hay cho một đấng tạo hóa tưởng tượng nào đó, hoặc là chúng ta ước mơ hướng tới một cảnh giới cực lạc để rồi chỉ càng đau khổ hơn, thất vọng hơn mà thôi. Cùng đường chúng ta lại cầu khẩn van xin bồ tát hay thiên, thần, quỷ, vật, mà không biết rằng tất cả những phiền não khổ đau đều phát xuất từ chính mình, từ những ước mơ và thất vọng ấy, chứ không phải do ai hay từ đâu đến.

Vậy để thoát khỏi những sai lầm do tà kiến và tham ái xúi giục đưa đến phiền não khổ đau, cách duy nhất là chúng ta phải trở về học lại bài học nơi chính mình. Phải quan sát sự vận hành của thân tâm để thấy rõ sự tương giao trong mối quan hệ nhân quả, sinh diệt của các pháp bên trong cũng như bên ngoài. Đó là lý do tại sao Đức Phật dạy pháp hành thiền tuệ trên bốn niệm xứ.

1. Quán thân niệm xứ (kāyānupassanā satipaṭṭhāna): Hành giả sống quán thân trên thân (kāye kāyānupassī viharati), tinh cần (ātāpī), chánh niệm (satimā), tỉnh giác (sampajāno), chế ngự tham ưu ở đời (loke abhiijjhā domanassam).

Quán thân trên thân có nghĩa là soi sáng đối tượng thực tánh của thân ngay nơi chính cái thân ấy đang là, chứ không phải là cái thân mà chúng ta nghĩ là, qua những ý niệm hay tưởng tượng chủ quan. Vì vậy, quán là soi sáng, không phải là nghĩ tưởng.

Như chúng ta đã biết, tâm như ngựa quen đường cũ, cứ rong ruổi lang thang mãi trong thế giới đầy ắp những ý niệm, ảo tưởng, những ước định, giả lập, những so đo tính toán, những suy tư, kết luận với vô số hình ảnh huyền hóa lưu xuất từ trong vô minh ái dục của chính mình, từ đó tạo ra biết bao vọng nghiệp với hậu quả tất nhiên là phiền não khổ đau, không sao tránh được.

Cách dễ dàng nhất để tự cứu mình ra khỏi thế giới điên đảo ấy là bắt cứ tại đâu và lúc nào chúng ta cũng có thể quay tâm trở về soi sáng lại sự thật đang diễn ra nơi chính mình, mà cụ thể rõ ràng nhất là cái thân đã từng bị lãng quên và bóp méo, để thấy rõ bản chất thực của nó. Với quán thân trên thân như vậy chúng ta:

- Dễ dàng ổn định được tâm dù không hành thiền định.

- Thấy rõ được tính vô thường, khổ không, vô ngã và nhất là bất tịnh của thân, nhờ đó có thể trừ được những tham ái và tà kiến về thân.

- Vừa thấy rõ thực tánh của thân vừa hóa giải những pháp che lấp thực tánh ấy.

- Vượt được vô minh phiền não, chứng ngộ Niết-bàn.

Tinh cần hay tinh tấn trong thiền Vipassanā không phải là sự cố gắng, nỗ lực theo kiểu một ý chí mạnh mẽ hay nhiệt tình hăng hái của cái ta đầy tham vọng chủ quan, mà chỉ cần không giải đãi, không buông xuôi, không hời hợt, lơ lửng trong việc chú tâm quan sát đối tượng là được. Độ tinh tấn càng tự nhiên càng tốt.

Chánh niệm là không bỏ quên thực tại thân tâm, không vong thân tha hóa, hay nói một cách dễ hiểu là không quên mình. Đối nghịch với chánh niệm là thất niệm, một trạng thái tâm sở rời khỏi thực tại thân tâm, đi lang thang trong thế giới mộng tưởng, huyền hóa, hay đánh mất mình trong những đối tượng thương ghét bên ngoài.

Tỉnh giác là thấy biết trong sáng, không bị che mờ bởi những ý niệm, tư tưởng, kiến thức, quan niệm, thành kiến hay tình cảm chủ quan nào. Sự thấy biết trong sáng, trực tiếp không qua đánh giá, phê phán hay biện minh này gọi là tri kiến như thật (yathābhūta ñāṇadassana) hay chánh tri kiến (sammā diṭṭhi). Tỉnh giác chủ yếu là thấy biết không mê chứ không phải là ý đồ muốn biết hay muốn được bất cứ điều gì. Muốn biết và muốn được là hai trở ngại lớn lao của trí tuệ tỉnh giác.

Chánh niệm – tỉnh giác là hai yếu tố cốt lõi, đi chung và hỗ trợ lẫn nhau trong Thiền Tuệ Tứ Niệm Xứ để phản ánh trung thực chân tánh của đối tượng. Đối tượng thực tại thân tâm là tất yếu của chánh niệm tỉnh giác, nhưng đối tượng không quan trọng bằng chính chánh niệm tỉnh giác. Mỗi người có quyền chọn một đối tượng thích hợp với căn cơ trình độ của mình (xem II.5), hoặc cứ để cho đối tượng tự đến, nhưng chánh niệm tỉnh giác thì không thể thiếu được trong hành trình khám phá thực tại của thiền tuệ.

Chế ngự tham ưu ở đời nghĩa là ngay nơi đối tượng thân, thọ, tâm hay pháp, chúng ta không gia thêm ý niệm thiện ác, tốt xấu, không khởi tâm ưa thích hay chán ghét, không có ý đồ nắm giữ hay từ bỏ, chỉ cần thấy nó như nó là thì đối tượng mới xuất hiện đúng thực tánh của nó.

Sau đây là một số đối tượng quán thân điển hình được Đức Phật giới thiệu trong Kinh Đại Tứ Niệm Xứ, Dīgha Nikāya:

1. 1) Hơi thở: "... Tỉnh giác, vị ấy thở vô. Tỉnh giác, vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy tuệ tri: "Thở vô dài", hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: "Thở ra dài", hay thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "Thở vô ngắn", hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: "Thở ra ngắn". "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô" vị ấy học. "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra" vị ấy học. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô" vị ấy học. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra" vị ấy học".

Ngay khi có chánh niệm, nghĩa là tâm đã trở về với thân, thì đầu tiên chúng ta dễ dàng nhận ra động tác thở vô thở ra vẫn đang tiếp diễn mà bình thường ít ai cảm nhận được. Chỉ cần đơn giản lắng nghe lại động tác thở vô hay thở ra, thở dài hay thở ngắn... hoàn toàn tự nhiên như nó đang diễn ra, không cần thêm bớt gì cả, không theo bất kỳ một phương pháp thở nào, thì thân tâm cũng đã nhất như, không còn bị phân hóa nữa. Đó là chánh niệm đang mở đầu cho trí tuệ tỉnh giác quán chiếu thực tánh của thân qua động tác thở ấy.

Một cách tự nhiên, lúc đầu động tác thở còn thô (thở vô dài, thở ra dài), sau đó chánh niệm càng khăng khít động tác thở càng nhẹ dần (thở vô ngắn, thở ra ngắn). Thở càng nhẹ (chuyển biến lắng dịu tự nhiên chứ không cố gắng thở nhẹ) càng dễ cảm nhận được toàn bộ trạng thái của động tác thở (cảm giác toàn thân). Càng thở nhẹ, động thái thở càng vi tế hơn, ổn định hơn (an tịnh thân hành).

Khi chú tâm trọn vẹn trên động thái thở một

cách bình thường tự nhiên thì tâm không còn bị ý niệm, lý trí hay tình cảm chủ quan che lấp nên có thể nhận rõ (tuệ tri) thực tánh của thân hành này. Chấm dứt ảo tưởng về cái gọi là “thân ta”.

Trong đoạn “cảm giác toàn thân” và “an tịnh toàn thân” có dùng động từ thì vị lai “tôi sẽ thở...” thực ra diễn biến thở vẫn là hiện tại, nên lẽ ra phải nói là “tôi đang thở” mới đúng, nhưng ở đây muốn nhấn mạnh sự tỉnh giác lúc này đã có mặt trước động thái thở. Mới đầu chánh niệm tỉnh giác thường theo đuôi động thái thở, nhưng khi đã tỉnh tể hơn chánh niệm tỉnh giác có khả năng đón đầu. Sử dụng động từ thì vị lai chính là để nhấn mạnh khả năng đón đầu ấy mà thôi.

Lưu ý là tuy cùng lấy việc thở vô thở ra làm đối tượng, nhưng thiền định cố gắng nắm giữ kiên cố tướng của hơi thở, đưa đến định tâm, trong khi thiền tuệ chú tâm quan sát trung thực tánh của động thái thở, đưa đến tuệ giác.

1. 2) Bốn oai nghi: “... Vị Tỷ kheo đi, tuệ tri: “đang đi”, hay đứng, tuệ tri: “đang đứng”, hay ngồi, tuệ tri: “đang ngồi”, hay nằm, tuệ tri: “đang nằm”. Thân đang ở trong động thái như thế nào vị ấy tuệ tri thân như thế ấy”.

Nếu hành giả là người hoạt động nhiều sẽ không thích hợp với một đối tượng có vẻ đơn điệu, như động tác thở, đòi hỏi phải ngồi yên mới quan sát kỹ được, vì vậy rất dễ lạc qua thiền định, hoặc tệ hơn nữa là rơi vào hôn trầm. Đối tượng hơi thở tuy có thể giúp chúng ta dễ dàng trở nên ổn định, trong sáng, nhưng khó có thể thực hành liên tục trong đời sống hàng ngày, nhất là đối với những người thường có công việc phải đi lại nhiều. Trong trường hợp đó, quan sát bốn oai nghi là đối tượng thích hợp hơn. Trong sinh hoạt hàng ngày chúng ta thường phải sử dụng bốn động tác đi, đứng, ngồi, nằm nên lúc nào chúng ta cũng có đối tượng để soi chiếu một cách tự nhiên không cần tìm kiếm đâu xa. Khi sử dụng oai nghi nào chúng ta chỉ cần chú tâm trọn vẹn trên tư thế và động thái của oai nghi đó, trong điều kiện tự nhiên nhất, không nên qui định tư thế hay dựng lên một oai nghi giả tạo nào theo ý mình làm cho thực tánh khó hiển lộ.

Khi sáng suốt, trọn vẹn với các oai nghi thì chúng ta có thể thoát ra khỏi ảo tưởng về cái gọi là ta đi, ta đứng, ta ngồi, ta nằm, mà chỉ thấy thực tánh của động thái đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm.

1. 3) Tất cả sự: “... Vị Tỷ kheo khi bước tới, bước lui, tuệ tri động tác đang làm. Khi ngó tới, ngó



lui, tuệ tri động tác đang làm. Khi mang y tăng già lê, mang bát, mang y, tuệ tri động tác đang làm. Khi ăn, uống, nhai, nếm, tuệ tri động tác đang làm. Khi đại tiện, tiểu tiện, tuệ tri động tác đang làm. Khi đi, đứng, ngồi, nằm, tuệ tri động tác đang làm”.

Với một hành giả có tính năng động, thường phải tập trung vào nhiều công việc khác nhau thì khó mà ngồi yên để quan sát động tác thở, và ngay cả bốn oai nghi tuy có tầm hoạt động rộng hơn nhưng vẫn còn có vẻ tù túng, người ấy sẽ thích hợp hơn với đối tượng tất cả sự, vì dù công việc đa đoan đến đâu người ấy vẫn có thể chú tâm quan sát ngay nơi chính công việc đang làm. Ví dụ, một người đang quét nhà, đang rửa chén, đang chạy bộ, đang khuôn vác hay đang lên ca mổ cho một bệnh nhân v.v... thì tốt nhất là nên sáng suốt biết mình đang làm gì hơn là quan sát hơi thở hay bốn oai nghi, để khỏi phân tâm trong công việc đang làm. Ưu điểm đối tượng tất cả sự là có thể giúp chúng ta sống thiền ngay nơi những sinh hoạt trong đời sống hàng ngày mà không cần phải chọn lựa hay thêm bớt gì cả. Chúng ta chỉ cần chánh niệm, tỉnh giác còn tất cả thân hành nào đang được sử dụng đều là đối tượng quán chiếu, như thế chúng ta có thể soi chiếu thân một cách tự tại bất kỳ ở đâu và lúc nào.

Người hành đối tượng tất cả sự tuy có vẻ không được an ổn như người hành đối tượng động tác thở và bốn oai nghi, thậm chí lắm khi còn gặp nhiều chướng ngại nhất là trong những công việc phức tạp hoặc có liên quan tới xã hội bên ngoài, vì đối tượng luôn thay hình đổi dạng, nhưng khi chánh niệm tỉnh giác đã vững vàng thì hành giả ổn định hơn trong nhiều tình huống của đời sống. Khả năng giao tiếp, ứng xử tế nhị hơn, hiệu quả công việc cao hơn, có oai nghi tế hạnh hơn và phát triển nhiều khả năng giác quan hơn (còn tiếp).■

ĐẠI CƯƠNG VỀ VI DIỆU PHÁP

Thích Tâm Quang (dịch)

(tiếp theo) Tám loại thức siêu trần căn bản này, bốn tích cực và bốn tiêu cực, mỗi loại tương ứng với một con đường và quả của bốn loại thức cao quý (tứ quả thanh văn) - nhập lưu (sotapana, Tư Đà Hoàn), nhất lai (sakadagami, Tư Đà Hoàn) phải quay trở về một lần, bất lai (anagami, A Na Hàm) không phải quay trở về, và các A La Hán. Nơi đây tôi phải vạch rõ một sự khác biệt nữa giữa thức siêu trần và trần tục. Trong loại thức trần tục, những loại thức tác động và kết quả có thể tách rời một thời gian tương đối dài: nói cách khác, một nhân tố tác động, ý thức không thể sinh ra nhân tố kết quả của nó lúc cuối của cuộc đời này hoặc cả đến kiếp vị lai. Thí dụ, trong trường hợp về thức của những cõi sắc và vô sắc, thức kết quả không nảy sinh cho đến kiếp sau. Tuy nhiên, trong những loại thức siêu trần, thức kết quả (hay quả) kèm theo ngay tức thì thức tác động (hay con đường).

Tám loại thức siêu trần có thể mở rộng thành bốn mươi bằng cách phối hợp một trong tám loại với một trong năm nhập định cõi sắc. Bốn loại thức siêu trần tác động (thức con đường của nhập lưu và v.v...) phối hợp với thức thuộc đệ nhất nhập định và v.v... cho nên, có hai mươi loại thức siêu trần tác động liên kết với bốn loại người cao quý (tứ quả

thanh văn) và năm nhập định cõi sắc. Tương tự như vậy, bốn loại thức siêu trần kết quả (thức quả của nhập lưu v.v...) phối hợp với thức thuộc đệ nhất nhập định và v.v..., cho nên, có hai mươi loại thức siêu trần kết quả, và cả thảy là bốn mươi.

Điều này nảy sinh bằng cách sau. Dựa vào đệ nhất nhập định cõi sắc, thức con đường và quả thức của nhập lưu này sinh. Tương tự như vậy, dựa vào đệ nhị, đệ tam và đệ tứ nhập định cõi sắc, con đường và quả thức của nhất lai, bất lai, và A La Hán này sinh. Cho nên thức thuộc thức siêu trần phát triển dựa vào những sự nhập định khác nhau.

Chúng ta hãy đi vào định nghĩa của bốn giai đoạn giác ngộ: nhập lưu (sotapanna, tư đà hoàn); nhất lai (sakadagami, tư đà hoàn), quay trở lại một lần; bất lai (anagami, a na hàm) không còn phải quay trở về; và A La Hán. Sự tiến triển của người hạnh ngộ qua bốn giai đoạn giác ngộ được chứng tỏ bởi khả năng của người hành trì vượt qua một số câu thúc ở mỗi giai đoạn. Mười câu thúc ràng buộc chúng ta vào vũ trụ có điều kiện được loại bỏ dần dần cho tới khi chúng ta có thể đạt được giải thoát.

Đi vào nhập lưu được chứng tỏ bằng loại bỏ ba câu thúc. Câu thúc thứ nhất là tin vào sự tồn tại độc lập và vĩnh viễn của một cá nhân - ấy là lấy những nhân tố tinh thần và thể xác của cá nhân (sắc, tướng, hành, thọ và thức) làm cái ngã. Cho

nên không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên mà ta nói rằng những loại thức trần tục do uẩn quyết định, trong khi những loại thức siêu trần không do uẩn quyết định. Vượt được câu thúc thứ nhất chứng tỏ sự đi qua từ một địa vị người trần tục bình thường đến địa vị của người cao quý (bậc thánh).

Câu thúc thứ hai được vượt qua bởi bậc nhập lưu là nghi ngờ. Trước tiên nghi ngờ về Đức Phật, Giáo Pháp, và Tăng già, mà lại còn nghi ngờ về giới luật và lý nhân duyên.

Câu thúc thứ ba là tin tưởng vào luật lệ và nghi lễ. Câu thúc này thường bị hiểu lầm, nhưng cũng nói đến sự hành trì của những người không phải là Phật tử tin là tuân thủ giới luật và nghi lễ khổ hạnh không thôi có thể dẫn họ đến giải thoát.

Khi ba câu thúc này được vượt qua, ta sẽ nhập lưu và sẽ đạt được giải thoát trong phạm vi không quá bảy kiếp. Ta sẽ không phải tái sinh vào những trạng thái thống khổ (cảnh giới của những chúng sinh địa ngục, ngạ quỷ, và súc sinh) và được bảo đảm có niềm tin hoàn toàn vào Phật, Pháp, và Tăng.

Vì đã hoàn thành được giai đoạn giác ngộ thứ nhất, bậc cao quý (thánh) tiến tới làm suy yếu hai câu thúc nữa, dục lạc và sân hận, như vậy đạt được quả vị nhất lai. Những câu thúc này rất mạnh, cho nên tại sao ngay cả trong giai đoạn này, chúng chỉ bị yếu đi, không bị loại bỏ. Dục lạc và sân hận có thể đôi khi phát sinh, tuy rằng không phát sinh ở dạng thô thiển quen thuộc với người trần thế.

Khi hai câu thúc này, cuối cùng bị loại bỏ, ta đạt được giai đoạn của bất lai. Trong giai đoạn thứ ba này, ta không còn phải tái sinh trong vòng sinh tử mà chỉ ở những nơi thanh tịnh dành cho những bậc bất lai và A La Hán.

Khi năm câu thúc còn lại bị loại bỏ - luyến chấp vào cõi sắc, luyến chấp vào cõi vô sắc, tính cao ngạo, dao động và vô minh - ta đạt đỉnh cao của những loại thức siêu trần, quả thúc của A La Hán.

Bốn giai đoạn này được phân chia thành hai nhóm: giai đoạn đầu được gọi là giai đoạn tu tập, và giai đoạn thứ tư là giai đoạn mà ta không còn ở trong sự huấn luyện. Vì lý do này, có thể hữu ích khi nghĩ về tiến trình tới quả vị A La Hán là một tiến trình bằng cấp, giống như trong chương trình nghiên cứu học thuật. Ở mỗi giai đoạn, ta phải vượt qua một số chướng ngại của vô minh và sau đó tốt nghiệp để tiến tới giai đoạn tu tập cao hơn.

Tại điểm này, một sự thay đổi phẩm chất phát sinh, từ một hoàn cảnh không có hướng dẫn và bị quyết định thành một hoàn cảnh có hướng dẫn và quyết định. Đối tượng thức của ta làm thành niết bàn như thế nào, bằng cách nào biến đổi thức trần tục mà đối tượng có điều kiện thành thức siêu trần mà đối tượng không có điều kiện? Làm sao ta có thể nhận thức niết bàn? Điều này chỉ được giải quyết qua phát triển tuệ giác hay trí tuệ.

Để phát triển tuệ giác, chúng ta áp dụng hai phương pháp Vi Diệu Pháp về phân tích và tổng hợp (xem Chương 32). Chúng ta áp dụng phương pháp phân tích trong cuộc khảo sát thức và đối tượng của nó - nói cách khác, tâm và vật. Do sự phân tích này, chúng ta đi tới nhận thức điều mà ta trước đây cho là hiện tượng thuần nhất, nhất thể, và thực chất thực ra gồm có nhiều thành phần cá biệt, tất cả những thứ đó đều vô thường và luôn luôn ở trong tình trạng thay đổi liên tục. Điều này đúng với cả tâm và vật.

Tương tự như vậy, chúng ta áp dụng phương pháp tổng hợp bằng cách xem xét nguyên nhân và điều kiện cuộc sống cá nhân của chúng ta. Liên quan với những nhân tố nào mà chúng ta tồn tại như một thực thể tâm vật lý? Sự khảo sát này cho thấy cá tính hiện hữu tùy thuộc vào năm yếu tố - vô minh, tham, bám víu, nghiệp, và vật chất nuôi dưỡng sự sống (gọi là chất dinh dưỡng).

Tuệ giác thường phát triển do áp dụng hai phương pháp Vi Diệu Pháp bằng cách mổ xẻ các hiện tượng bên trong và bên ngoài, tinh thần và thể xác, và quan sát chúng liên hệ tới những nguyên nhân và điều kiện. Những sự điều tra phân tích và tương quan này cho thấy ba đặc tính liên hệ lẫn nhau và phổ quát của cuộc sống: (1) vô thường, (2) khổ đau, và (3) vô ngã. Bất cứ gì vô thường đều khổ đau, vì khi chúng ta thấy những yếu tố kinh nghiệm tan rã, sự tan rã và vô thường của chúng là cơ hội cho khổ đau. Hơn thế nữa, bất cứ gì vô thường và khổ đau không thể là cái ngã, vì cái ngã chẳng phải là phù du và cũng không thể bị đau đớn.

Thâm nhập ba đặc tính này dẫn đến từ bỏ trần tục, đến giải thoát khỏi vũ trụ có điều kiện. Do hiểu biết ba đặc tính này, ta có thể nhận thức được ba cõi trần tục giống như cây chuối - không có lõi. Sự nhận thức này dẫn đến buông bỏ, đến giải thoát khỏi cõi được tạo thành bởi điều kiện và khiến cho thức hướng chính nó vào đối tượng không có điều kiện, niết bàn.

Bất cứ một trong ba đặc tính này có thể dùng



Tâm thức siêu trần phát khởi khi an trú dưới ánh sáng Phật Pháp...

làm chìa khóa cho định hướng mới này. Bất cứ một trong ba đặc tính này có thể dùng làm đối tượng để tư duy hầu phát triển tuệ giác của mình. Chúng ta có thể thấy việc này trong những câu chuyện tiểu sử của những đại đệ tử của Đức Phật. Chẳng hạn như Khema, đạt giải thoát do tư duy về vô thường (xem Chương 22).

Một khi ta đã phát triển tuệ giác vào một trong ba đặc tính phổ quát, ta có thể kinh qua quán tưởng ngằn ngủi về niết bàn. Ta làm quen lần đầu với niết bàn có lẽ giống như một ánh đèn chớp chiếu sáng con đường của ta trong cái tối tăm của ban đêm. Sự sáng tỏ của ánh chớp này vẫn còn một ẩn tượng lâu trong tâm ta, và giúp ta tiếp tục con đường mà ta biết là đang đi đúng hướng.

Cái thoáng nhìn đầu tiên về niết bàn đạt được bởi nhập lưu được dùng làm hướng đi mà ta hướng tiến bộ tới niết bàn. Hầu như ta có thể so sánh sự phát triển dần dần tuệ giác với việc đạt được kỹ xảo. Sau khi lần đầu tiên đi xe đạp được vài thước mà không bị ngã, cần phải có một thời gian ta mới có thể thành một người đi xe đạp thành thạo. Nhưng sau khi thành công đi được một vài thước, ta không bao giờ quên kinh nghiệm ấy, và có thể tin tưởng tiến tới mục tiêu của mình.

Chính trong ý nghĩa này mà tư duy về ba đặc tính dẫn đến ba cửa của giải thoát: cửa không dấu hiệu, cửa không mong ước, và cửa trống rỗng.

Tư duy về đặc tính vô thường dẫn đến cửa không dấu hiệu, tư duy về khổ đau dẫn đến cửa không mong muốn hay giải thoát khỏi dục lạc, và tư duy về vô ngã dẫn đến cửa trống rỗng. Ba cửa của giải thoát là đỉnh cao của thiền định về ba đặc tính phổ quát.

Bởi vậy ta dần dần tiến tới bốn giai đoạn giác ngộ và cuối cùng đạt A La Hán quả, giai đoạn thắng những ô trược trong đó những gốc rễ bất thiện của tham, sân hận và si mê hoàn toàn bị loại bỏ. Vì đã bật gốc được những ô trược, A La Hán thoát khỏi vòng sinh tử và sẽ không còn phải tái sinh nữa.

Bất chấp một số toan tính muốn làm lu mờ điều này bằng lời buộc tội về tính ích kỷ, nhưng mục tiêu của A La Hán là lối sống có ích và từ bi. Ta chỉ cần nhìn vào những lời dạy của Đức Phật cho những đại đệ tử A La Hán của Ngài, và sự nghiệp của những đệ tử này, để thấy rằng trong thời Đức Phật, A La Hán không phải là một trạng thái sống tiêu cực hay ích kỷ. Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên và nhiều vị khác đã tích cực dẫn thân vào việc dạy dỗ cả cư sĩ lẫn những thành viên của Tăng Già. Đức Phật khuyến khích các Đệ Tử A La Hán của Ngài tiến lên vì lợi ích cho nhiều người. Mục tiêu A La Hán là một mục tiêu huy hoàng và đáng giá ta không nên coi thường trong bất cứ phương diện nào bởi thực tế là truyền thống Phật Giáo cũng thừa nhận mục tiêu của Bích Chi Phật, và mục đích của Phật quả (còn tiếp). ■

Thật thà như người

TS Nguyễn Mạnh Hùng
Công ty sách Thái Hà

Chúng tôi lên tham quan Golden Rock, một ngôi chùa tháp rất linh thiêng nằm trên một tảng đá vàng. Đoàn dự kiến 10 giờ tối sẽ về khách sạn. Tuy nhiên, do cảnh quá đẹp, không khí linh thiêng, tinh thần tuyệt vời nên tận gần 24 giờ đêm chúng tôi mới rời Golden Rock để về khách sạn.

Theo quy định của tất cả các ngôi chùa tại đất nước Myanmar, giày dép phải để bên ngoài, kể cả tất, vớ các loại. Ở Golden Rock, khu vực để dép và giày cách chùa quãng gần chục phút đi bộ. Cũng như ở một nơi khác, khu vực để giày dép hay có 1 người trông coi.

Nửa đêm xuống thì không thấy dép giày của mình còn nữa. Chúng tôi nghĩ cũng bình thường bởi ở nơi công cộng như thế này, chuyện mất giày dép là bình thường. Hơn nữa chúng tôi lại rời Golden Rock quá muộn. Đi chân đất về khách sạn và cả 3 chúng tôi nghĩ đến phương án tìm mua giày dép mới để quay về Bago rồi đi tiếp Yagon cũng như các vùng khác.

Sáng hôm sau, chúng tôi ngủ dậy từ 3 giờ sáng để lên lễ Phật. Dĩ nhiên là đi chân đất từ khách sạn vì chưa kịp mua gì cả. Tuy nhiên, lúc 7 giờ sáng, khi xuống núi quay về khách sạn, chúng tôi bất ngờ thấy giày dép của mình còn nguyên. Hóa ra người quản lý đã cất giữ chúng tôi.

Chuyện thứ 2 cũng đáng chú ý – một bạn trong đoàn quên một túi đồ khá lớn. Trong túi có đồ ăn và một số vật dụng khác. Đa phần mọi người nghĩ rằng đã mất, quay lại làm gì còn. Bất ngờ vô cùng cho cả đoàn: túi đồ vẫn ở nguyên chỗ cũ

không hề suy chuyển vị trí.

Hơn 22 giờ đêm chúng tôi ghé thăm một cửa hàng bán tượng gỗ ở Bagan với mong muốn mua quà. Một số bạn đã mua được những món đồ như ý và thanh toán. Tuy nhiên, anh chủ cửa hàng nhận tiền và để ngay trên bàn, không hề cất vào ngăn kéo hay bỏ vào túi mình. Cũng rất lạ rằng cửa hàng với biết bao đồ đạc mà ban đêm không cần cổng cao tường lớn để bảo vệ, để chống trộm cắp như ở Việt Nam. Mà mỗi món đồ gỗ này đều khá đắt tiền. Thật là lạ.

Tại hồ Inle, chúng tôi đi tham quan một chợ phiên. Ở đây bán rất nhiều hàng hóa, trong đó có nhiều đồ lưu niệm. Tôi chủ yếu đi ngắm và khám phá. Tuy nhiên, tôi đã chụp được khá nhiều bức ảnh mà các chủ cửa hàng chỉ để tiền trên quầy, có khi để lên cục đá hay món đồ định bán. Họ không hề cất tiền đi. Tôi cứ nghĩ: ở Việt Nam ta, cất tiền vào túi, cho tiền vào tủ còn mất chứ nói gì... Ở nhà mình mà để thế này, quay đi quay lại mất ngay là chắc.

Trong 1 cửa hàng bán tượng gần Mahamoni thành phố Mandalay, chúng tôi cũng thấy chủ cửa hàng để tiền ngay trên lối đi lại vẫn hờ hênh sờ sờ trước mặt khách tham quan. Lại thật.

Ngày cuối trước khi rời Yangon, chúng tôi đi chợ trung tâm. Thời gian còn ít nên các thành viên trong đoàn tranh thủ mua sắm. Anh Dương bạn tôi móc ví trả tiền cho chủ và để nguyên lại ví tiền nơi đó. lát sau, chủ cửa hàng tìm được một người Việt (may thay là thành viên đoàn tôi) để nhờ nhận xem có ai là người Việt Nam để quên ví tiền để quay lại lấy. Anh Dương quay lại nhận (xem tiếp trang 39)

Đời sống của Tu sĩ Phật giáo Nam tông khmer tỉnh Kiên Giang nhìn từ góc độ Văn hóa Nhận thức, Văn hóa Ứng xử (từ sau năm 1986 đến nay)

Đại Đức Danh Út

Q. Chủ tịch Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước
TP. Rạch Giá, Kiên Giang

Đời sống văn hóa của tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer từ sau năm 1986 đến nay đã có những thay đổi rất tích cực, trên nhiều lĩnh vực hoạt động. Do nhu cầu đổi mới của đất nước, nhiều lĩnh vực trong cuộc sống xã hội đã được thay đổi, nên Phật giáo, các hệ phái trong đó có hệ phái Nam tông Khmer, cũng chuyển biến theo đà phát triển chung. Trong tiến trình hiện đại hóa đất nước, các vị tu sĩ cũng góp phần tham gia bằng nhiều hình thức khác nhau, như vận động những nhân tố tích cực trong xã hội thực hiện chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, những phong trào xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới... đã góp phần làm thay đổi diện mạo đất nước, làm cho cuộc sống ngày càng tươi đẹp hơn. Cũng trong quá trình đó, đời sống của các vị cũng đã thay đổi theo xu thế của thời đại trong nhiều lĩnh vực, trong đó lĩnh vực nhận thức, ứng xử được đề cập dưới đây.

I. LĨNH VỰC VĂN HÓA NHẬN THỨC.

1.1 Nhận thức của người Khmer về Phật giáo

1.1.1. Sự hình thành nhận thức về Phật giáo

Người Khmer theo Phật giáo Nam tông đã từ lâu lắm có tên gọi là hệ phái Theravada, theo tên gọi này thì hệ phái Theravada đã xuất hiện ở vùng Đông Nam Á này từ trước công nguyên khoảng 300 năm theo chuyển truyền đạo của hai vị A la hán có pháp danh là Sonather và Uttarather (1) Từ việc tiếp nhận Phật giáo do hai vị chư Tăng nêu



trên đến truyền đạo, nên mới có tên gọi là hệ phái Theravāda (lời truyền của vị Thera) tên Theravāda đã đồng hành cùng lịch sử Phật giáo của cả vùng này. Do Phật giáo trong người Khmer tồn tại song song cùng Bà la môn giáo, nên Phật giáo trong thời kỳ đầu chỉ phát triển ở chừng mực vừa phải, lúc thì phát triển sâu rộng, lúc thì co thủ ở phạm vi hẹp [LSPG:68] tùy thuộc vào chế độ cai trị lúc bấy giờ. Qua thời gian lâu dài dần dần Phật giáo đã lấy lại thế đứng của mình và Bà la môn giáo ngày càng mờ nhạt trong tín ngưỡng của người Khmer như ngày hôm nay. Việc này các nhà văn Khmer ngày xưa đã hư cấu trong sự tích tết Chôl Chhnăm Thmây của người Khmer, coi như sự chuyển giao giữa Phật giáo và Bà la môn giáo, sự tích đó còn lưu truyền đến hiện nay. Ngoài ra, người Khmer còn chuyển từ ăn tết theo Bà la môn (vào ngày 01 tháng 11 âm lịch Việt) sang ăn tết theo Phật giáo (ngày 13 hoặc

14 tháng 04 dương lịch hằng năm).

Bề dày Phật giáo hàng nghìn năm đã để lại những nét đẹp trong phong tục, tập quán, những thơ ca, văn học, ngôn ngữ, những luật lệ của người Khmer gắn liền với Phật giáo, đã đúc kết vào tâm tư tình cảm của người Khmer từ bấy lâu nay và trở thành đời sống tâm linh của mọi người Khmer trong xã hội, không dễ gì phai nhạt. Từ đó, các thế hệ trước đã qua đi, thế hệ sau kế tiếp truyền thống tu học để gìn giữ, bảo tồn Phật giáo trong lòng cộng đồng người Khmer mãi mãi. Cho nên, người Khmer ít nhiều vẫn còn người tu học, để gìn giữ đạo giáo, mặc dù đi tu không dễ dàng chút nào.

1.1.2. Quan niệm của người Khmer về tu học

Từ sau năm 1986 đến nay, các bậc cha mẹ có con trai luôn tồn tại các quan niệm:

a) Tu để tạo điều kiện cho con em được học tập

Khi con em lớn lên việc lo lắng của cha mẹ sợ con mình không học được đến nơi đến chốn vì tính bông bột ham vui của lứa tuổi mới trưởng thành, nên khi con trai đã vừa học hết cấp 2 thì sắp xếp cho con vào chùa tu học sớm để cách ly môi trường xã hội đầy cám dỗ mà bỏ bê việc học hành. Hiện nay, trong các chùa Phật giáo Nam tông Khmer người ta thấy các sư sa di đi tu khi còn rất trẻ, rất ngây thơ, là lứa tuổi chưa quan tâm gì đến giáo lý, đến triết học, đến cõi niết bàn...nhưng cũng phải đi tu để khép mình vào khuôn khổ của giới luật, mong học được những điều hay, lẽ phải, để có điều kiện học chữ Khmer là chữ viết của dân tộc mình và những kiến thức cần thiết khác làm hành trang trước khi bước vào đời.

Thật vậy, chỉ một thời gian 5-7 năm tu học các vị tu sĩ này đã trưởng thành, có người là giáo viên đứng lớp dạy chữ Khmer, có người ngoài vốn liếng chữ Khmer ra còn có bằng đại học, bằng sư phạm, là kỹ sư xây dựng... Từ đó cho thấy việc toan tính của gia đình, của nhà chùa không phải là không có cơ sở, vì thế hệ tương lai của con em mình trước khi bước vào đời thông qua con đường tu học.

b) Tu là niềm hãnh diện đối với gia đình và người thân

Việc có con cái đi tu không phải gia đình nào cũng thực hiện được, vì tuổi trẻ ít khi chịu sự ràng buộc của luật lệ nhà chùa. Người trẻ thường ham muốn bay nhảy, vui chơi hơn là bị ràng buộc bằng



Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước TP. Rạch Giá nhiệm kỳ 2009 - 2014.

luật lệ hà khắc. Do vậy, có được con em đi tu không chỉ là niềm vinh hạnh của gia đình, mà còn là của cả họ hàng và người thân nữa. Không những thế, khi đi tu học nên người có uy tín trong chùa, trong đạo giáo, thì gia đình và dòng họ người thân, niềm vui này càng nhân lên gấp bội. Cha mẹ của những tu sĩ có chức sắc trong chùa luôn được bà con Phật tử kính trọng, mỗi khi tiếp xúc, họ luôn có thái độ lịch thiệp, nhã nhặn.

c) Tu để giữ gìn truyền thống của dân tộc

Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển như hiện nay, đời sống vật chất, tinh thần xã hội đang tiến triển mạnh mẽ, các luồng văn hóa ngoại lai tràn vào nước ta là chuyện diễn ra hằng ngày, không chỉ văn hóa của các dân tộc ít người, mà ngay cả người Việt cũng phải chịu sự tác động không tránh khỏi, đã đặt ra nhiều suy nghĩ cho những người luôn muốn gìn giữ bản sắc dân tộc mình trong môi trường xã hội phát triển.

Người Khmer có suy nghĩ, xưa nay chỉ có những người đi tu trong Phật giáo Nam tông Khmer là những cánh chim đầu đàn trong việc gìn giữ, bảo tồn truyền thống dân tộc. Hơn ai hết những người được đi tu, được học hành đến nơi đến chốn, nếu ai đó hoàn tục trở về cuộc sống đời thường, thì họ là những người am hiểu truyền thống dân tộc và không bao giờ rời bỏ dân tộc mình, dù họ ở xa cũng luôn nghĩ về nơi họ đã từng gắn bó và là nơi trưởng thành từ đó, họ luôn là người hướng dẫn bà con Phật tử hành đạo theo chuẩn mực của Phật giáo. Còn những người trưởng thành ở môi trường khác sẽ không được như vậy, họ ít quan tâm đến chùa chiền, đến đạo giáo, thậm chí sau khi thành đạt, có người còn từ bỏ dân tộc mình, không quan tâm, không màng đến việc dân tộc của họ có hoàn cảnh, cuộc sống ra sao nữa. Cho nên, người Khmer thường quan tâm đến những người có tu học trong Phật giáo, tôn trọng những người am hiểu về truyền thống dân tộc, biết lo cho cộng đồng dân tộc là như thế (còn tiếp). ■

Cư sĩ Thu Hà - tỉnh Đồng Nai:

Ngày xưa ngoài đời tôi không biết về thiền nên sống khổ đau, nhiều lúc khổ thân khổ tâm. Tôi đi nhiều nơi để mong giải thoát, đi các chùa cúng bái...nhưng khi quay về nỗi khổ vẫn như xưa. Rồi tôi gặp được Sư Phước Nhân và chỉ trong 15 phút Sư dạy thiền cho tôi, ngay lúc đó tôi đã hiểu hạnh phúc ngay bây giờ và ở đây không cần phải chạy đi tìm kiếm ở nơi nào.

Sư đã dạy cho tôi có thể chữa cho mình những bệnh thân và bệnh tâm. Thân mình đau khổ do tâm quá mệt mỏi, tâm không ở trong thân nên nó gặp rắc rối, hồi hộp, đau khổ rồi bất an. Những pháp bất thiện rất nhiều. Nếu ta kịp thời ghi nhận ngay được những cảm giác, những tâm bất an đó... thì những phiền não ta có thể chấm dứt ngay lập tức. Sau khi thiền tập, tôi có sự bình an. Từ đó, tôi cố gắng thực hành giáo pháp của Đức Phật qua sự hướng dẫn tận tụy của Sư Phước Nhân. Có thầy như Sư Phước Nhân tôi rất tin tưởng. Tôi tự tin, bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh. Hiện nay, cả nhà tôi đều biết hành thiền. Con cái học hành đạt kết quả tốt cũng nhờ biết hành thiền. Tôi tri ơn Đức Phật đã để lại giáo pháp vô cùng huyền nhiệm, Ngài là một đại lương y và biết ơn Sư Phước Nhân đã dạy cho tôi cách hành thiền vipassana giúp cho tôi ghi nhận được những gì xảy ra ngay trong thân và tâm này.

Phỏng vấn Đại đức Phước Nhân về Thiền Vipassana



P/V Quang Duyên: Kính thưa Sư Phước Nhân, xin Sư vui lòng cho biết đôi nét về cuộc sống trước đây của Sư như thế nào?

Đại đức Phước Nhân:

Quê tôi ở Bình Dương. Thuở nhỏ sống với cha mẹ cũng nhiều buồn chài, khó nhọc lắm. Hồi đó tôi thường xuyên đi ghe cát, đời sống nước sông gạo chợ ở Biên Hòa, ở Tân Uyên, rày đây mai đó. Một hôm tình cờ đọc được cuốn sách "Ánh nhiên đăng" của Pháp sư Giác Nhiên thuộc hệ phái Khất sĩ. Tôi hoan hỷ quá chừng vì thấy được hướng giải thoát cho đời mình. Đó là sống không gia đình, cắt ái ly gia. Lúc ấy tôi cũng thường đến ngôi chùa tịnh độ thuộc phái Bắc tông thỉnh kinh "Hồi Dương nhân quả" và "Ngọc lịch minh kinh" để học tu tại gia. Năm 23 tuổi tôi bị bắt lính đi quân dịch rất đau khổ nhưng không có lối thoát. Đến năm 26 tuổi, đất nước hòa bình, tôi trở về quê tiếp tục nghề mua bán mía đường, cũng lại ngược xuôi đó đây. Cuộc sống đầy phiền não, tham ái, nhiều lúc tôi cũng mệt mỏi lắm. Mãi đến khi 50 tuổi, lần đầu tiên tôi mới gặp được Phật giáo Nguyên thủy qua những

bài thuyết pháp của sư trưởng Giác Chánh, trụ trì chùa Bửu Đức thuyết giảng từ trong chánh tạng Pāli do cổ Hòa thượng Tịnh Sự và cổ Hòa thượng Minh Châu dịch. Tôi bắt đầu ngộ ra được và hành tập theo phương pháp thiền quán vipassana minh sát niệm xứ. Sau đó, tôi tìm hiểu và thực hành thiền theo tài liệu giảng dạy của Ngài thiền sư Mahashi và đọc cuốn "Ngay trong kiếp sống này" của Ngài Thiền sư Upadita – (Myanmar). Bốn năm sau, tôi may mắn gặp được Ngài Hòa thượng thiền sư Kim Triệu và cuốn "Vài làn hương pháp". Tôi theo học thiền Vipassana - Minh sát niệm xứ đến nay được 17 năm.

P/V Quang Duyên: Thưa Sư, vậy lợi ích của thiền minh sát niệm xứ như thế nào?

Đại đức Phước Nhân:

Lợi ích thứ nhất của thiền Minh sát niệm xứ là tâm luôn luôn phải ở trong thân, tức là sống trong hiện tại. Lợi ích thứ hai là trong khi hành tập nó có sự đau khổ của nội thân và đau khổ của nội tâm.

Hồi đó mới học thiền, thú thật là nhiều lần tôi muốn bỏ cuộc. Thầy của chúng tôi là Hòa thượng thiền sư Kim Triệu đã sách tấn tôi. Ngài bảo rằng: *"Đau khổ nội tâm và đau khổ của nội thân do nơi thiền tập đem lại thì cái khổ này dẫn tới chấm dứt khổ"*. Do chúng tôi có đức tin nơi Ngài Hòa thượng Kim Triệu nên tiếp tục hành thiền. Có thể nói, bao nhiêu năm tôi đã trải qua những thử thách, khó khăn trong thiền tập, vượt qua được những khó khăn thử thách ấy mới có ngày hôm nay. Lợi ích thứ ba là với thiền minh sát niệm xứ, chúng ta phải thiền tập cho nhu nhuyễn thì tứ vô lượng tâm từ bi - hỷ - xả tự động sanh khởi, đồng thời trong cuộc sống, trong giao tiếp chúng ta đối đáp, ứng xử với mọi người xung quanh rất hòa nhã, nhẹ nhàng do chúng ta luôn luôn có trí nhớ chánh niệm tỉnh giác trong 4 oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi mọi lúc mọi nơi, và đồng thời chánh niệm bất cứ đối tượng nào đã và đang sanh khởi nổi bật ngay trong khoảnh khắc hiện tại. Đó là những lợi ích thiết thực, đáng kể đối với người hành thiền minh sát niệm xứ. Có thiền sinh hỏi tôi rằng: Thiền suốt đời chứ không phải một ngày, hai ngày mà được. Chúng ta biết rằng, Đức Phật dạy khi gặp chánh pháp tu 7 năm, 7 tháng, 7 ngày sẽ giác ngộ. Những học giả học cao biết rộng nhưng nếu không hiểu gì về chơn lý, chỉ thuần lý thuyết mà không thực hành, thì không khác nào những loài chim kên kên bay cao, chúng bay thật là cao nhưng chúng ăn gì? Chúng ăn toàn là những xác chết hôi thối. Do vậy, hành giả phải cố gắng tinh tấn hành tập mới có được kết quả giống như lời Đức Phật dạy: *"Này chư Tỷ kheo, tứ niệm xứ là con đường duy nhất làm thanh tịnh chúng sanh"*.

P/V Quang Duyên: Kính thưa Sư, xin Sư cho biết vài nét về thiền đường hiện nay ở Bến Tre?

Đại đức Phước Nhân

Thiền đường ở Bến Tre có diện tích hơn 1.300 m², xây dựng và hoạt động được hai năm. Tại đây thường xuyên tổ chức các khóa thiền, đến nay cũng đã 12 khóa, một khóa có 15 thiền sinh tham gia do cơ sở vật chất còn thiếu thốn chỉ có thể tiếp nhận số lượng chừng ấy thôi. Hầu hết hành giả đến từ các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Đà Nẵng, Nha Trang, Gia Lai, Hà Nội v.v... Mỗi khóa thiền có thời gian từ 7 đến 20 ngày. Điều đáng nói là học thiền minh sát niệm xứ ở đây có thuận lợi là cả thầy và trò đều nói tiếng Việt (cười) nên không có bất đồng ngôn ngữ, thiền sinh nắm bắt được ý chính và ý phụ trong thực hành. Trong thiền tập có nhiều trạng thái xảy ra, lúc đó thiền Sư phải dạy cho thiền sinh biết cách

quân bình ngũ căn, ngũ lực, tín, tấn, niệm, định, tuệ, phải cân bằng với nhau thì thiền sinh mới có kết quả tốt đẹp trong tu tập. Ngoài ra tại đây, việc ăn uống, ngủ nghỉ của thiền sinh cũng được chăm lo rất chu đáo. Chúng ta biết tầm quan trọng của thiền vipasana là phải thuần thực thân hành niệm, điều này được Đức Phật dạy rất rõ trong kinh Đại Niệm xứ. Khi thân hành niệm thuần thực rồi thì đồng nghĩa với ba cái còn lại là niệm thọ, niệm tâm, niệm pháp.

P/V Quang Duyên: Sắp tới Sư có ý định mở rộng thiền đường và phát triển chương trình giảng dạy thiền vipassana - một nét độc đáo trong pháp hành của Phật giáo Nguyên thủy không, thưa Sư?

Đại đức Phước Nhân

Hướng tới, chúng tôi sẽ thành lập thiền viện ở tỉnh Bình Dương, nhằm mục đích giúp cho hành giả ở các tỉnh phía Nam có điều kiện hành tập phương pháp thiền Vipassana minh sát niệm xứ để bảo vệ sức khỏe và sống an vui, tự tại. Dự kiến thiền đường này rộng khoảng 10.200 m² tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Chúng tôi có nhân duyên với Bình Dương cũng do nơi đây là quê hương nên muốn có dịp tri ơn và báo ơn, đồng thời giúp cho tất cả những ai có ước muốn hành thiền Vipassana minh sát niệm xứ được kết quả tốt đẹp, hướng tới sự giải thoát.

P/V Quang Duyên: Trong thực tế có nhiều người đã đi ra nước ngoài học thiền nhưng rốt cuộc cũng không như ý muốn. Theo Sư, vì sao như vậy?

Đại đức Phước Nhân:

Điều này rất dễ hiểu. Thiền minh sát niệm xứ phải có hệ thống căn bản về thân hành niệm thuần thực rồi mới tới ba cái còn lại là thọ, tâm, pháp. Khi chúng ta kinh nghiệm được pháp chơn đế (paramattha) thuần thực thì lúc bấy giờ ta đi những trung tâm khác học hỏi thêm mới được. Còn như ngược lại chúng ta đến trung tâm này một tháng, hai tháng, đến trung tâm kia một tháng, hai tháng v.v... cứ như vậy mà đi chừng một chục cái trung tâm thì chúng ta cũng chẳng có kinh nghiệm được gì. Nó chỉ làm ta phân tâm mà thôi, hoài nghi mà thôi, không có sự lợi ích gì.

P/V Quang Duyên: Xin cảm ơn Đại Đức Phước Nhân đã dành thời gian chia sẻ nhiều ý kiến quý báu về thiền Vipassana cho bạn đọc Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy. Kính chúc Đại Đức nhiều sức khỏe, an vui. ■





Cô đã tự sự về mình như sau: "Tôi lớn lên bên cạnh người mẹ Nhật. Bà là một Phật tử. Cha tôi là người Anh gốc Nga, theo đạo Do Thái. Tôi đã tìm hiểu về nhiều tôn giáo, phong tục và văn hóa với tư cách cá nhân, trong vai trò

của người làm mẹ, làm báo và người đi tìm chân lý. Hiện giờ tôi thực sự hạnh phúc hơn vì tôi đã biết chấp nhận bản thân, và người khác như họ là, và nhận thức mỗi ngày là một ngày mới, ngày đặc biệt, và tôi mãi mãi hàm ân về điều đó.

Khi còn nhỏ, tôi không biết có được một người mẹ Phật tử là điều may mắn như thế nào. Tôi chỉ nghĩ là tất cả trẻ em đều lớn lên với món quà của trí tuệ, tình thương sâu đậm và một cảm giác bình an thực sự.

Nhưng sau khi tôi đã bay xa tổ ấm của mẹ, tôi mới biết rằng thế giới bên ngoài không yên ổn, không tử tế, và không an bình chút nào. Tôi nhanh chóng nhận ra thế giới bên ngoài thường là một nơi đầy rẫy những đớn đau, nghiệt ngã, sân hận và quá ồn ào đối với đôi tai quá nhạy cảm của tôi. Nhưng chính sự nhạy cảm, chánh niệm mà tôi đã học được trong Phật giáo đã giúp tôi vượt qua những đau khổ, những thất vọng náo nề mà tôi đã nếm trải.

Những giai đoạn đau khổ như thế là khi tôi phải chứng kiến đứa con bé nhỏ của mình trải qua một ca phẫu thuật mổ tim, phải chịu đựng một mối liên hệ chẳng tốt đẹp suốt nhiều năm, và chịu đựng những thương tích nghiêm trọng trong một tai nạn xe hơi.

Cũng có những lúc tôi cảm thấy thất vọng, buồn chán trước những áp lực của cuộc sống. Đó là những trải nghiệm trong các mối liên hệ trong từng ngày, việc sinh con và nuôi dưỡng chúng, cố gắng

Năm cách sống hạnh phúc hơn theo Phật giáo

Francesca Biller là một phóng viên thời sự. Các bài viết của cô đã được đăng trên báo chí, phát trên đài truyền thanh, truyền hình trải gần hai mươi năm nay. Là phóng viên, cô đã viết về những vấn đề liên quan đến chính trị, kinh tế, những vấn đề về phụ nữ, gia đình, truyền thông, văn hóa, trẻ em và những vấn đề thời sự khác. Cô đã nhận được các giải thưởng như Giải Edward R. Murrow, hai giải

Diệu Liên Lý Thu Linh

chăm sóc hay tìm người thân cận có thể chăm sóc cho cha mẹ già của mình và những năm tháng đầu đời của tuổi trưởng thành khi ta cảm thấy quá cô đơn. Khi lớn tuổi hơn, quán xét lại cuộc đời mình và có thể sống từng ngày với một tinh thần sáng khoái, và hy vọng là sáng suốt hơn, thì những điều dạy dỗ của người mẹ Phật tử của tôi luôn thấm thía những lời dịu dàng, đồng cảm đi thẳng vào tâm hồn tôi.

Một giáo lý căn bản của Phật giáo dạy rằng hạnh phúc hay khổ đau là trách nhiệm của từng cá nhân. Điều đó có nghĩa là tất cả chúng ta đều hoàn toàn làm chủ việc chuyển đổi cuộc sống của chúng ta. Thật là một tư duy mới mẻ, tràn đầy giác ngộ!

Tôi tin rằng những bài học về cuộc đời mà tôi đã học được từ Phật giáo sẽ tiếp tục truyền sức sống và ban trải sức mạnh, uy lực thực sự của chúng cho tôi khi tôi đối mặt với những nỗi sợ hãi, thách thức và những cuộc chiến đấu với đau khổ

mà giờ tôi mới biết rằng chúng chỉ là một phần trong kinh nghiệm sống của một kiếp người.

Tôi hy vọng là năm khía cạnh của trí tuệ Phật giáo dưới đây sẽ giúp bạn được an lành.

1. THIỀN

Không dễ hành thiền. Nếu dễ, nó sẽ không thể mang đến cho bạn sự tự tại, tĩnh lặng thực sự. Giống như tất cả những nỗ lực đáng theo đuổi khác, thiền cần được thực tập, cần kiên nhẫn và tinh tấn để được lợi ích từ những phần thưởng vô giá mà nó sẽ mang lại.

Thiền đã được sử dụng hằng bao nhiêu thế kỷ để hàn gắn tâm linh, thanh tịnh tâm và ngay cả trị liệu, hỗ trợ những đau đớn thể xác trầm trọng và tổn thương tâm lý.

Trong một thế giới đầy tốc độ, đầy bạo động nơi mà gần như tất cả mọi thành viên trong đó đều bị áp lực, bị căng thẳng thì việc tập hành thiền là một cách để giúp chúng ta được chữa trị và quan trọng hơn nữa được phát triển và tập bình tĩnh ngay trước cả những trận bão đời to lớn nhất.

Một phần trong quá trình này đơn giản bắt đầu bằng việc tập ngồi yên, im lặng và thực sự thư giãn. Hành động này có thể giúp được bất cứ ai, dù họ đang khổ đau hay đang muốn tìm một cuộc sống có ý nghĩa, có lý tưởng hơn. Hành động có chủ ý này hay đúng hơn bất hành (non-act) này của thiền là một phương cách đã được kiểm nhận, rất hữu hiệu trong việc giúp người ta chữa trị những tâm bệnh hay ngay cả thân bệnh nặng. Kể cả những ai bị chứng trầm cảm sau chấn thương trong chiến tranh và những xáo trộn tâm lý như tâm thần và trầm cảm nặng.

Có rất nhiều cách hành thiền, và không có cách nào là cách duy nhất đúng cho tất cả mọi người. Nhiều người sợ hành thiền vì họ trước tiên đã nghĩ là mình không hợp với phương cách đó. Nhưng chính vì thế mà những người này cần hành thiền để buông thư nội tâm và để gạt bỏ mọi ý nghĩ tiêu cực sang một bên. Điều quan trọng cần nhớ chỉ là bắt đầu hành thiền, và thử nghiệm những phương cách thiền khác nhau cho đến khi bạn tìm thấy phương cách hợp với bạn.

Bắt đầu Như thế nào

Hãy tìm đọc vài quyển sách về Thiền, trao đổi với những người đã có kinh nghiệm hành thiền, tham dự các khóa thiền để tìm hiểu thêm.

Mỗi ngày, tôi thường bắt đầu thời thiền tập của mình bằng cách rất đơn giản là ngồi yên, nhắm mắt trong vài phút. Tắt điện thoại, truyền hình, máy tính và cả âm nhạc để bạn có thể cảm nhận và ngay cả nghe được hơi thở của chính mình. Đừng bỏ cuộc nếu lúc đầu bạn cảm thấy lo âu hay bồn chồn, không có cách đúng hay sai trong thiền tập. Hành thiền cũng không phải là một cuộc chạy đua hay thi tài. Nếu lúc bắt đầu bạn có thể ngồi yên trong năm phút, thì ít nhất là bạn biết rằng mình đang trên đường tiến tới một bản ngã chân thật hơn và hy vọng là một con người có sức khỏe hơn.

Trên tất cả, hãy kiên trì thực hành. Những chuyển biến mà bạn sẽ nhận thấy là tâm đổi thay và rồi cuộc đời của bạn cũng thay đổi theo.

2. BẮT ĐẦU MỖI NGÀY VỚI MỘT ĐỘNG LỰC TÍCH CỰC

Thay vì chỉ hy vọng là bạn sẽ có một ngày bình an và những trải nghiệm tích cực, hãy làm cho điều đó xảy ra.

Nói cách khác, trước khi bước ra khỏi một giấc ngủ sâu để đi vào guồng máy của cuộc sống bận rộn, hãy dành ra năm hay mười phút quán tưởng đến những cảm giác và quan điểm tích cực sẽ xảy ra trong ngày. Cách này sẽ giúp bạn dễ trải nghiệm sự bình an trong ngày trước mặt, và đón nhận bất cứ điều gì có thể xảy ra trong ngày.

Động Lực và quan điểm của tôi bao gồm:

Tôi sẽ giữ bình tĩnh trong mọi giao tiếp với người khác.

Tôi sẽ giữ tâm bình an, tĩnh lặng và hạnh phúc trong tất cả mọi việc tôi làm.

Tôi sẽ giữ sự giác ngộ tích cực suốt ngày và luôn học hỏi từ người khác.

Tôi sẽ xem mọi người đều dễ thương, hiền lành và cởi mở như tôi, và tôi sẽ không phán xét người.

Mục đích của hành động này là để chính bạn làm người tạo tác ra những cảm giác đầu tiên trong ngày của mình, và dĩ nhiên là chúng sẽ ảnh hưởng đến trọn ngày của bạn. Những cảm giác đầu tiên trong ngày ảnh hưởng rất lớn đến tâm trạng của bạn trọn ngày. Nếu bạn cố gắng biến các tư duy trên thành một phần của tâm thức và vô thức của mình, thì bạn không những sẽ có một ngày bình an hơn, mà nó cũng ảnh hưởng đến người khác một cách tốt lành như thế (còn tiếp).■

Kính Tôn Sư

Kính Hòa thượng Trí Tịnh tân viên tịch

Thanh Quý

Ánh thiếu quang không tắt
Sư ông mất bao giờ?
Vàng hào quang dẫn dắt
Phật tử theo chân thầy
Kính Hòa thượng tôn sư
Thánh tăng Vạn Đức tự
Rạng danh ngài viện chủ
Phật quốc người cao đẳng!
Tây phương chào đón Phật
Vô Y Viện vắng ngài
A Mi Đà nhã nhạc
Thấp thoáng bóng Như Lai.

Vạn Đức tự, ngày 28 tháng 3 năm Giáp Ngọ

Thoát Trần

Hiên Khánh (Hoa Huệ)

Chiều tàn, chiều tắt, chiều tan
Ngày sau, ngày trước vẫn là ngày nay
Đường về mất lối chim bay
Cõi lòng thanh tịnh thấy ngay Niết bàn
Hồng trần vạn nẻo thênh thang
Hữu hình hữu hoại vương mang khổ dài
Chúng sanh sao cứ miệt mài
Hợp tan, tan hợp kết dài oan gia
Hành trì chân lý cao xa
Lời kính đức Phật Thích Ca giáo truyền
Thoát vòng bể khổ đảo điên
Về quê chốn cũ Thánh Tiên hưởng nhàn
Cội nguồn hạnh phúc bình an
Hành xong Bát Nhã hân hoan thoát trần.

Nhìn Vesak 2558

Út Hà

*Sa la nở rộ chẳng khác xuân
Nhân gian cung đón bậc kỳ nhân
Thượng thiên hạ giới là duy nhất
Xứng đáng thiên nhân ngưỡng ngưỡng cầu.*

*Dưới cội bồ đề giải sầu đau
Hào quang muôn trượng tỏa bảy màu
Kiếp này tỏ ngộ nhân sanh khổ
Bể gầy cùm gông thoát trầm luân.*

*Trọn đời du hóa chuyển pháp luân
Đại bi, đại trí giúp thiên nhân
Lời sau cùng hết truyền tằng chúng
Hải đảo tự xây cứu lấy mình.*

*Ngày nay tứ chúng vững niềm tin
Vesak hân hoan trọn nghĩa tình
Đản sanh, thành đạo vui trong pháp
Ngậm ngùi thương nhớ, níp-bàn xưa.*

(tiếp theo trang 30)

ví còn nguyên vẹn trong sự ngỡ ngàng. Tôi không biết trong ví anh còn bao nhiêu chạt (tiền Myanmar) và bao nhiêu đô la, nhưng chắc cũng không ít. Vậy mà họ không tham.

Người Myanmar thật thà lắm. Chuyện người Myanmar thời nay làm tôi nhớ đến người dân tộc thiểu số Việt Nam thời xưa tôi được nghe kể, khi còn nhỏ. Rằng ở các vùng tây bắc, người ta thu hoạch lúa và để ngoài đồng. Răng cửa nhà mở thoải mái mà không ai lấy của ai. Chuyện ngày xưa. Ở ngay Việt Nam ta.



Catt tiền kiểu Myanmar.

Vào thế kỷ XXI này thật khó tìm ra nơi nào nghèo mà lại thật thà như ở Myanmar. Người Myanmar hình như không trộm cắp bao giờ. Người Myanmar tin rằng mọi người khác cũng không trộm cắp.

Bạn có biết tại sao người Myanmar như vậy không? Bởi họ là Phật tử nghiêm túc. Mà bạn có biết Phật tử là ai không? Là người đã quy y Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng và cam kết giữ 5 giới. Bởi là Phật tử nên dĩ nhiên họ giữ giới thứ 2: Không lấy bất cứ thứ gì mà không phải của mình.

Tôi nhắm mắt lại và nghĩ đến 2 điều: nay mai người dân của những nước không thật thà đến đây có thể tranh thủ sự thật thà của người địa phương để trộm cắp và sẽ làm người dân Myanmar buồn. Và liệu sự thật thà và tin tưởng nhau như người Myanmar sẽ kéo dài thêm bao lâu nữa, hay lại mất đi như ở một số vùng cao của Việt Nam ta.

Tôi lại nhắm mắt và ước mơ về một Việt Nam sẽ có trên 80% dân số là Phật tử thực thụ: quy y và cam kết giữ 5 giới. Khi đó Việt Nam sẽ là một thiên đường, là cõi trời, là niết bàn ngay nơi trần thế.

Và tôi mong mọi người Việt Nam ta tranh thủ sang Myanmar, đất nước còn nghèo hơn Việt Nam ta rất nhiều để học tính thật thà của họ. Học để ứng dụng cho chính mình và gia đình mình. Mong lắm, ai ơi! ■

Tu hành có ý nghĩa gì cho cha mẹ và ông bà Cửu Huyền Thất Tổ?

Q.H

Cửu Huyền là chỉ cho tất cả chín đời. Lấy mình làm trung tâm thì bốn đời về trước là: Cao, Tăng, Tổ, Cha và bốn đời về sau là: Con, Cháu, Chắt, Chít. Thất Tổ là chỉ bảy đời Tổ, tính từ đời Cao trở về trước. Trong tác phẩm "Sự Lý Dung Thông" của thiền sư Minh Châu Hương Hải (1628-1715) gồm 162 câu do thiền sư, tiến sĩ Lê Mạnh Thát biên dịch, trong đó có ghi:

*"Thích độ nhân miễn tam đồ khổ,
Thoát cứu huyền thất tổ siêu phương."*

Nghĩa là, Đạo của Đức Phật Thích Ca cứu độ người tránh khỏi ba đường khổ và độ cho Cửu Huyền Thất Tổ cũng được siêu thoát. Đạo Phật luôn đề xướng: "Trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ ba đường". Ơn cha mẹ, ông bà tổ tiên là ơn đầu tiên trong bốn cái ơn đấy mà chúng ta có thể đền đáp được khi làm theo lời Phật dạy.

Kinh Phật cũng có một câu chuyện rất nổi tiếng của ngài Mục Kiền Liên hiếu thảo, đã tu hành đắc đạo, lại còn vì mẹ thiết chay cúng dường chư Tăng mà cứu độ mẹ thoát khỏi cảnh giới khổ đau của Địa ngục Ngạ quỷ và sinh về cõi Trời. Do sinh thời bà ấy thường có tâm bòn xén và làm điều ác. Trong sử các vị thiền sư Việt Nam, cũng có câu chuyện thiền sư Tông Diễn (1640-1711) khi mẹ qua đời rất cảm động. Ngài nhìn mặt mẹ lần cuối rồi đặt nắp quan tài và nói lớn: "Theo lời Phật dạy: Con

ngộ đạo thì cha mẹ được sanh thiên. Nếu quả đúng như vậy, xin cho quan tài bay lên rồi hạ xuống".

Nói xong sư cầm tích trượng gõ ba cái thì quan tài liền từ từ bay lên, rồi hạ xuống. Mọi người trông thấy rất cảm động! Đây là một câu chuyện dài và cảm động về tình mẫu tử. Ngài cũng là một thiền sư nổi tiếng của Việt Nam và đã góp công rất lớn cứu Phật pháp nước nhà qua khỏi một pháp nạn năm 1678 thời vua Lê Hy Tông. Quý vị quan tâm, có thể tìm đọc và tham khảo trong sách về sử các vị thiền sư Việt Nam.

Ba ơn nặng còn lại trong Đạo Phật là: Ơn Tổ quốc, Đất nước; Ơn Tam bảo và Ơn Chúng sanh. Chúng ta có được cuộc sống và tu hành trong sự bình yên là nhờ biết bao người đã quên mình xả thân vì hòa bình và an ninh chung. Không nhờ ơn này khó mà chúng ta có thể yên tâm tu hành được. Ơn Tam bảo là ơn Phật, Pháp và Tăng. Chúng ta có được cơm ăn, áo mặc cũng là nhờ ơn rất nhiều người dệt vải, cấy cày, trồng lúa v.v... Đó là "Ơn chúng sanh". Hạt gạo do đâu mà có? Khi ăn hạt cơm, chúng ta có thể quán chiếu và thấy mặt trời, mây, mưa, sông, hồ, ao, biển, con trâu nhẩn



nại, cái cày, bác nông dân vất vả và cả giọt mồ hôi, nước mắt trong đấy! Hạt gạo là do rất nhiều nhân duyên hợp thành. Thử hỏi, chỉ có hạt giống lúa nhưng bác nông dân không mồ hôi sương gió cấy cày thì hạt giống ấy có nảy mầm được chăng? Gieo hạt giống rồi, nếu không có đủ mưa, ánh sáng mặt trời cây lúa có nảy mầm tốt tươi, rồi trở bông kết hạt được chăng? Việc được thừa hưởng hạt ngọc quý báu này, chúng ta phải thọ ơn rất nhiều trong đó. Chữ “Gạo” trong hán tự là (米) là một từ rất có ý nghĩa. Nó bao gồm ba từ hợp thành. Đó là: Bát (八), Thập (+), Bát (八). Nghĩa là từ khi người nông dân làm đất, cày bừa, gieo trồng, chăm sóc... Sau đó là gặt, phơi, xay, dần sàn... Cho đến khi thành hạt cơm cho chúng ta ăn là phải trải qua tất cả tám mươi tám giai đoạn rất công phu mới thành tựu. Phật cũng đã dạy: “Hạt gạo thí chủ nặng như núi Tu-di”. Vì vậy mà chúng ta không được lãng phí cho dù là một hạt cơm thừa canh cặn vậy!

Do đó, tu hành không chỉ mang lại lợi ích cho chính mình trong hiện tại và cho ngày vị lai mà còn có thể



đền đáp Bốn Ân nặng, trong đó có ơn cha mẹ, tổ tiên ông bà. Tổ tiên chúng ta đã qua đời, hoặc con cháu vô danh (sẩy thai, phá thai), nếu hiện nay chưa được siêu thoát, hoặc đang rơi vào những cảnh giới đau khổ, hiện tại nếu gia đình biết tu hành, cúng dường, bố thí, làm các việc phước thiện như góp vào nỗi cháo tình thương bệnh viện, trung tâm nuôi dạy trẻ em mồ côi, tàn tật và người già neo đơn v.v... Rồi hồi hướng phước báu ấy cho ông bà, tổ tiên và người thân thì rất tốt. Kinh Địa Tạng có nói: “Người quá cố rất trông đợi người thân gia đình làm các công đức để hồi hướng cho họ, nhất là trong vòng 49 ngày của tuần thất”.

Lại nữa, trong những ngày giỗ, chúng ta không nên sát hại sinh mạng để cúng tế vì như thế sẽ tạo vô lượng tội ác và kết thêm oán nghiệp, đọa lạc sâu dày, không những cho kẻ còn lẫn người mất. Gia đình nên nhanh chóng bàn bạc và thống nhất để đi đến hoàn toàn cúng chay thanh tịnh cho ông bà và tổ tiên. Phải cố gắng tập dần ngay trong

thế hệ này mới mong rằng con cháu sau này mới có thể làm theo. Nếu không thì khi mình nhắm mắt xuôi tay, con cháu vẫn tiếp tục làm theo thói quen, truyền thống cũ vì cứ nghĩ ông bà trước đây làm sao tôi làm vậy! Lúc đấy, ở thế giới bên kia, cho dù có hối hận cũng đành ngậm ngùi chịu tội cộng nghiệp đọa lạc mà không có cách gì cứu nổi. Thật vô cùng đau khổ!

Phật dạy, tất cả chúng sanh cũng là ông bà, cha mẹ, thân bằng quyến thuộc nhiều đời, nhiều kiếp của mình. Vì vậy, những việc làm phước thiện ấy cũng phải nên hồi hướng cho tất cả pháp giới chúng sanh, cho đồng bào tử nạn, chiến sĩ trận vong v.v... Như thế thì tâm lượng mới rộng lớn, phước báu ấy mới được viên mãn. Vì trong chúng sanh thì cũng đã có mình, gia đình, ông bà và người thân. Đồng thời đem Phật pháp và Kinh A Di Đà giới thiệu cho họ, khuyên họ nên phát tâm Quy y Tam Bảo, phát nguyện vãng sanh và tinh tấn niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Hãy trích dẫn Nguyên đầu tiên trong 48 Đại nguyện của Đức Phật A Di Đà trong Kinh Vô Lượng Thọ để động viên họ. Nếu tin lời Phật dạy và phát tâm tu hành thì tất cả họ, ông bà đều có thể sớm thoát ra khỏi thân trung ấm và vãng sanh về cõi Phật, hoặc có thể tái sanh về cõi lành, an vui hơn. Tuy nhiên, việc Phật hoá gia đình và khuyên ông bà cha mẹ, người thân v.v... Phát tâm Quy Y Tam Bảo, tu hành và niệm Phật lúc còn đang sống là cách báo hiếu tốt nhất vậy!

Như vậy, chỉ làm một việc lành mà quá khứ, hiện tại và vị lai cùng lợi ích. Kẻ sống, người khuất, Trời, Thần, Thánh... ai ai cũng đều hoan hỷ thì tại sao chúng ta còn chần chừ gì nữa mà không làm nhiều điều thiện lành và phát tâm tu hành ngay từ lúc này phải không các bạn?

Làm được như thế thì dần dần chúng ta sẽ phá được một cái chấp rất lớn thường làm trở ngại đến sự nghiệp tu hành giải thoát của mình. Đó là Chấp Ngã - Chấp cái “Tôi” và “Của tôi”. Theo quy luật luân hồi thì bạn hãy nghĩ tất cả chúng sanh chính là ông bà, cha mẹ và quyến thuộc nhiều đời, nhiều kiếp của mình. Nghĩ được như vậy rồi chúng ta sẽ bắt đầu làm thiện từ những việc nhỏ, sau đến việc lớn, niệm niệm vì chúng sanh thì sẽ không còn thời gian nào nghĩ tới việc ác hay bất thiện nữa. Tự nhiên phiền não, chấp trước, tập khí xấu ác từ nhiều đời, nhiều kiếp cũng tan biến từ lúc nào mà chúng ta không hề hay biết. Tuỳ theo khả năng của mình đến đâu thì làm đến đó. Chỉ cần biết, việc mình làm là hợp với Đạo và mang lại lợi ích thiết thực cho mọi người, cho (xem tiếp trang 56)

(tiếp theo) **Bước thứ ba: tìm cách chữa trị.**

Sau khi đã tìm ra lý do của sự sân hận, phải tìm cách tự chữa trị hoặc nhờ các tâm lý gia (psychologue) các bác sĩ thần kinh tâm lý (neuro-psychiatre) giúp mình chữa trị. Nhưng chủ yếu phải là chính mình, không ai hiểu rõ mình hơn là chính mình. Người khác chỉ trợ giúp từ bên ngoài. Thiền tứ niệm xứ là phương pháp trị liệu hiệu quả nhất đối với tâm sân.

- Đầu tiên chúng ta dùng niệm thọ để nhận diện những cảm giác khó chịu khi ta sân: mặt nóng, tim đập nhanh, ngực căng nặng, hơi thở dồn dập...

Chỉ có khi nào làm được như vậy thì mới trị được sân thôĩ. Phải áp dụng phương pháp trên liên tục, đều đặn suốt cuộc đời.

- Dùng niệm pháp để nhận diện phản ứng của người đối diện, họ có bị đốt cháy?

Trong tất cả các môn tâm lý trị liệu, chỉ có liệu pháp nhận thức hành vi (thérapie cognito comportementale) là hiệu quả nhất:

- Nó giúp người bệnh nhận diện cách suy nghĩ, những tư tưởng của chính mình, những sai lầm tư tưởng của mình.

- Nó dạy người bệnh thay đổi cách suy nghĩ, thay đổi cách diễn dịch các sự kiện, biết phân biệt đâu là đúng đâu là sai. Đức Phật há chẳng dạy

Tu Tập Pháp NHÂN NẠI

ĐĐ Thiện Minh

- Dùng niệm thân để quan sát những cử chỉ: quơ tay, múa chân, tiếng nói lên giọng, lớn tiếng.

- Dùng niệm tâm để quan sát trực tiếp tâm sân xem nó sinh khởi như thế nào, lớn đại làm sao và biến mất ra sao?

Chúng ta hãy tách mình ra khỏi cơn sân, không đồng hoá với nó: "Sân là sân, không phải là ta; ta chỉ là người quan sát xem sân phát tác gây ra biến đổi gì trong ta và biến mất ra sao? Khi hết sân trạng thái của thân tâm như thế nào?

chúng ta chánh tư duy là tư tưởng chõĩ bỏ sự hiện hữu của bản ngã, tư tưởng xa lìa dục lạc, xa lìa sự sân hận và bạo hành. Đại đức W. Rahula cũng đã viết: "Những tư tưởng mang tính chất dục vọng, ích kỷ, sân hận hay bạo động đều là kết quả của sự thiếu trí tuệ trong mọi lãnh vực của đời sống cá nhân, xã hội, chính trị (xem con đường thoát khổ W. Rahula).

- Nó dạy người bệnh sân đâu là thái độ tiêu cực thù hận, và đâu là thái độ tích cực lành mạnh. Phải hành động (agir) trong bình tĩnh sáng suốt chớ

không phản động (réagir) trong mù quáng và sân hận. Đức Phật há chẳng dạy chúng ta: *Nếu ai lấy oán báo thù / Oan oan tương báo thiên thu vạn sầu / Từ tâm pháp hạnh nhiệm mầu / Lấy ân báo oán, còn đâu hận thù*” (Pháp Cú Kinh).

Bước thứ tư: Phải rèn luyện tâm Từ bi

Hãy xem sự tích nữ gia chủ Vedehika (kinh Kakacupama sutta, Majjahima Nikaya): Trong thành Savatthi, có nữ gia chủ tên Vedehika nổi tiếng tốt lành. Tiếng đồn rằng: Bà là người hiền thực, khiêm tốn, trầm tĩnh. Bà có người tớ gái tên Kali rất siêng năng cần mẫn, đảm đang mọi việc trong nhà; nàng thường thức khuya dậy sớm, dọn dẹp nhà cửa gọn gàng, sạch sẽ; không chê trách đâu được.

Một hôm người tớ gái nghĩ rằng: Có thể bà chủ ta có tâm sân mà không phát sanh là do nhờ ta đảm đang chu toàn mọi việc trong nhà. Cô nảy sanh ra ý định thử thách bà chủ mình. Sáng hôm sau cô Kali thức dậy trễ. Nữ gia chủ gọi đứa tớ gái dậy và bảo:

- Này Kali, tại sao hôm nay người dậy trễ, có bệnh hoạn gì không?

- Thưa bà con không có bệnh hoạn gì cả.

- Này nếu không có bệnh hoạn gì thì tại sao người thức dậy trễ? Đứa tớ gái hư đồn kia. Bà ra về tức giận, mặt mày hung dữ.

Cô tớ gái muốn thử một lần nữa để hiểu rõ tâm địa bà chủ. Ngày hôm sau nữa, cô thức dậy trễ hơn hôm trước nữa. Bà chủ gọi đứa tớ gái dậy với giọng hằn học bức tức:

- Này Kali, tại sao người lại thức dậy trễ nữa?

- Thưa bà chủ có sao đâu!

Nghe vậy bà chủ tức giận, mắng nhiếc chửi rủa đứa tớ gái và lấy cây đánh trên đầu nó, khiến nó bể đầu, máu chảy đầm đìa.

Khi ấy đứa tớ gái chạy thoát sang nhà bên cạnh và tố cáo:

- Thưa bà con cô bác hãy xem hành động dã man của bà chủ Vedehika mà bà con cho là hiền thực, khiêm tốn, trầm tĩnh đây.

Về sau tiếng xấu của nữ gia chủ Vedehika lan truyền khắp mọi nơi. Câu chuyện trên đây cho ta những nhận xét sau đây:

a/ Tâm sân không phát sanh, không phải là do nhẫn nại, mà là vì chưa gặp đối tượng trái ý

nghech lòng.

b/ Sự vô sân không đủ để tạo thành nhẫn nại, phải có tâm từ bi đi kèm. Nếu nữ gia chủ Vedehika có tâm từ bi đối với cô tớ gái Kali thì bà đâu có chửi rủa đánh đập Kali bể đầu.

c/ Sự thiếu từ bi, nhẫn nại của bà chủ đã làm cho bà mất cả tiếng tâm và trở thành người độc ác, không khiêm tốn, không trầm tĩnh.

LÀM SAO TU TẬP TÂM TỪ BI?

1- Mỗi lần chúng ta được sống trong một hoàn cảnh hạnh phúc, hãy nghĩ tới những người đau khổ, bất hạnh hơn mình.

2- Mỗi lần chúng ta làm một việc phước thiện hữu lậu hay vô lậu, nên hồi hướng đến các bậc phi nhân và rải tâm từ đến tất cả chúng sanh.

3- Sau mỗi thời kinh nhật tụng, chúng ta nên đọc bài kinh Từ bi (Metta Sutta).

4- Sau mỗi buổi tham thiền, chúng ta nên rải tâm từ đến tất cả mọi chúng sanh.

5- Thực hành thiền tha thứ và thiền từ bi (niệm tâm từ). Thiền Từ bi là một trong 4 pháp thiền hỗ trợ cho thiền Minh Sát (Ba pháp kia là niệm Ân Đức Phật, niệm thân ô trược và niệm về sự chết).

Bước thứ năm: Chấp nhận và tha thứ

- Chấp nhận là đồng ý khuất mình dưới định luật nhân quả. Ngày hôm nay sở dĩ chúng ta bị đứng trước những cảnh khắc nghiệt, đớn đau tủ nhục là vì trước kia hay trong một tiền kiếp nào đó chúng ta đã gây ra những cảnh tương tự cho người khác. Đức Phật còn bị vu oan lấy nàng Ciñca có thai, còn bị Đề Bà Đạt Đa lẩn đá làm chảy máu. Định luật nghiệp báo không từ khước một ai.

- Khi bị mắng nhiếc chửi rủa chắc là phải có lý do. Nếu lý do đó đúng thì chúng ta phải cảm ơn người đó đã cho chúng ta một bài học đích đáng và nên chấp nhận về sự sai sót của chính mình.

Nếu lý do đó sai, chúng ta nên xem xét nhân cách, hành động, lời nói của người đã mắng chửi mình. Nhiều khi không cần phải biện minh vì chúng ta không thể trách tại sao một con rắn lại có nọc độc.

- Chấp nhận hoàn cảnh là chấp nhận sự gặp gỡ hội tụ của sự khắc nghiệt của hoàn cảnh hay sự độc ác của con người không do ý muốn của ta hay của ai cả; đây là sự sắp xếp của nhân duyên để cho những tác nhân này thi hành những định luật

nhân quả hay những định luật vô thường, khổ, vô ngã và những định luật thiên nhiên khác. Cũng như ông Cuñda đã dâng cho Phật bát cháo năm cuối cùng đã làm cho Ngài trúng độc và bị kiệt lực mà chết. Phật đã phải nhờ Ānanda giải oan cho ông, để cho ông khỏi ăn năn hối hận và người đời không kết tội ông: *"Này Cuñda, ông thật có nhiều phước báu tốt đẹp. Ông sẽ hưởng được nhiều lợi lạc vì Đức Phật đã thọ thực lần cuối cùng với các món ăn do ông dâng cúng. Nghiệp tốt này sẽ trở quả trong sự tái sanh thuận lợi, tuổi thọ cao, gặt hái nhiều may mắn, danh vọng, được hưởng phước báu trong các cõi trời và trong cảnh vua chúa, quyền quý cao sang"*.

- Khi chấp nhận là chúng ta đã đi hết nửa con đường tha thứ; tha thứ là không sân, không còn giữ trong tâm tình cảm ghét giận, oán thù; không còn muốn trả đũa, trả thù, mà muốn xóa bỏ hận thù, muốn hòa giải với kẻ trước đây đã gây đau khổ cho mình và còn muốn giúp đỡ kẻ ấy thoát khỏi cảnh khó khăn khổ sở hiện tại.

Bước thứ sáu: Tu tập tâm xả

Trong ý nghĩa thông thường, xả là buông bỏ, không nắm giữ, không chấp trước. Trong Phật giáo xả mang 2 ý nghĩa chính là:

a/ Một trạng thái của tâm không vui, không buồn, không sướng, không khổ (một cảm giác trung tính thuộc thọ uẩn).

b/ Một thái độ, một hành động vô tư, không luyến ái cũng không ghét bỏ. Nhìn đối tượng qua nguyên nhân và hậu quả của nó (đây là một tâm sở thuộc hành uẩn).

Xả không phải là một thái độ đứng đưng, lạnh lùng, lãnh đạm "sống chết mặc bay, miễn là ta được bình an vô sự".

Xả cũng không phải là vô ký (không ghi nhận), là tính cách không tạo nghiệp của một loại tâm nào đó, như tâm duy tác của chư vị A la hán hay các loại tâm quả.

Muốn tu tập tâm xả có 5 cách:

- Hành Bồ tát Đạo với thập độ ba la mật thì tâm xả là hạnh thứ 10 của một vị bồ tát.

- Hành tứ vô lượng tâm thì xả là tâm vô lượng thứ tư trong từ, bi, hỷ, xả.

- Hành thiền chỉ thì khi đắc tứ thiền, tâm sẽ được thanh tịnh nhờ xả.

- Hành thiền quán thì khi đắc đến tuệ thứ 11

là xả giác chi luôn luôn có mặt trong tâm hành giả.

- Hạng sơ cơ như chúng ta thì tập buông bỏ, không nắm giữ, không dính mắc, không chấp trước. Nếu tu tập thiền thì luyện giữ quân bình giữa 5 yếu tố: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ.

KẾT LUẬN

Để kết luận, xin mượn lời của Hòa thượng Hộ Pháp (chùa Viên Không): *"Đức nhẫn nại là vật trang sức của bậc Thiện trí, là pháp hành của bậc Phạm hạnh, là sức mạnh bảo vệ bậc xuất gia và tại gia, là thành lũy vững chắc để tránh xa mọi ác nghiệp do thân, khẩu, ý"*.

Kiên nhẫn chính là sự tinh tấn được kéo dài và lặp đi lặp lại trong thời gian. Kiên nhẫn là nền tảng cho mọi thiện pháp, là cội nguồn của hạnh phúc. Do đó, được Đức Phật tuyên đọc trong bài kinh 38 điều hạnh phúc của Chư thiên và Nhân loại:

*"Một nét hạnh nhẫn nhục,
Hai nét hạnh nhu hòa,
Ba được gặp các bậc Sa môn, Bốn tùy thời
luận đạo,
Cả bốn điều ấy là Hạnh phúc cao thượng".* ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Hạnh phúc an lành Nhẫn nại – TK Hộ Pháp - NXB TP Hồ Chí Minh
- 2- Nhẫn, nghệ thuật sống yên bình: Allan Lokos - dg Trung Sơn - NXB Tự Điển Bách Khoa
- 3- Chân đế và Tục đế: Thiền sư Thondara - dg TK Khánh Hỷ
- 4- Phật học Phổ thông - HT. Thích Thiện Hoa - THPG Hồ Chí Minh
- 5- Đối trị tâm sân hận – Tỳ khưu ni Liễu Pháp - www.budsas.org
- 6- Năm phương cách để đối trị sân hận - Ni sư Ayya Khema - Diệu Liên dịch
- 7- Bồ tát Đạo và 10 Pháp Balamật - BS Nguyễn Tối Thiện
- 8-Những giáo lý căn bản của đạo Phật – BS Nguyễn Tối Thiện
- 9- Thất giác chi – BS Nguyễn Tối Thiện
- 10- Những bài kinh trích từ Tam Tạng Nikaya
 - Choisir les pensées supérieures (Vitakkasanthana Sutta, Majjhima Nikaya, 20)
 - Khantivadi (bộ Jataka, phần Catukanipata)
 - Đại đức Punna (Punnovada Sutta, Majjhima Nikaya)
 - Đức vua Trời Sakka (kinh Pathamadeva Sutta, Samiyutta Nikaya)
 - Nữ gia chủ Vedehika (kinh Kakacupanna Sutta, Majjhima Nikaya)
 - Hoàng hậu Mallika (Mallika Sutta, Catukanipata, Angutara, Nikaya).

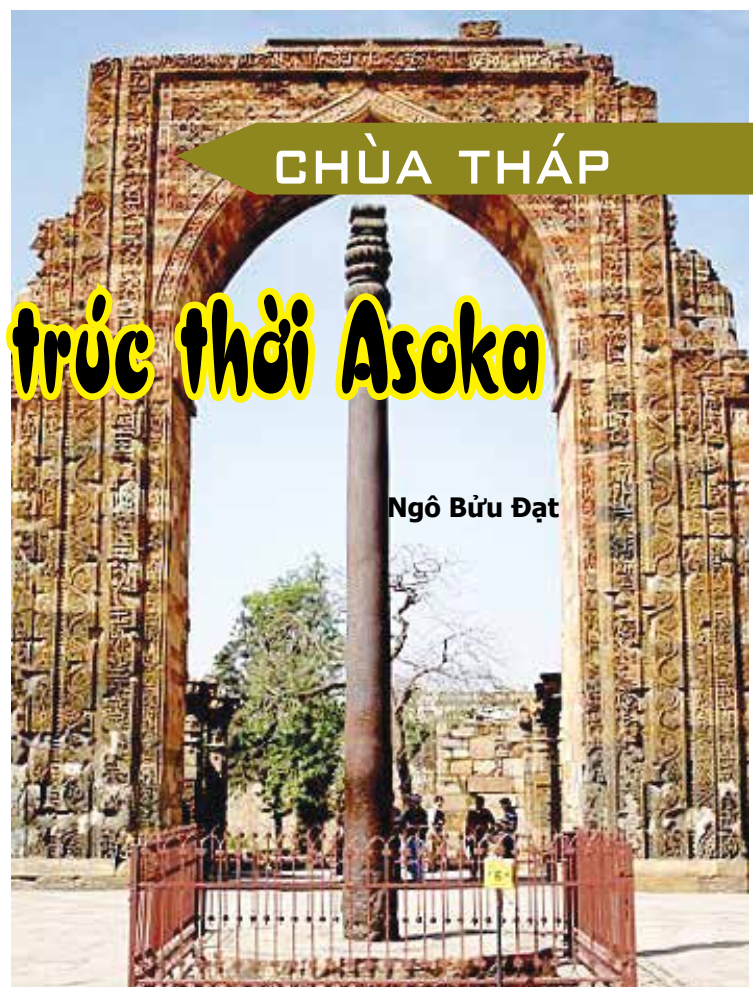
Nghệ thuật kiến trúc thời Asoka

(tiếp theo) Những công trình có kết quả lớn như vừa ghi nhận, đối với Đại đế chỉ mang tính cục bộ. Cái thành tựu trên bình diện quy mô Đại đế nhằm đến là làm thế nào các con, cháu, chắt của ngài nhận biết rõ ràng xuyên suốt cuộc thăng trận mà ngài gặt hái được không phải bằng xâm lăng, chiến tranh, núi xương, sông máu mà chính là bằng chánh pháp. Đối với Đại đế Asoka thì câu: Cuộc chiến thắng của Chánh pháp là vẻ vang. Thật sự đúng một ngàn phần ngàn. Vì từ ngày Đại đế xua quân chinh phạt các quốc gia lân cận, lớn nhỏ, mạnh yếu, tất cả đều thất thủ trước đạo quân bách chiến bách thắng của Asoka. Tóm lại, từ chiến thắng này đến chiến thắng khác, thế mà sau khi san bằng Kalinga, và trong tiếng hoan hô như long trời lở đất thì Đại đế lần đầu tiên trong cuộc đời bỗng cảm thấy trái tim đau buốt cơ hồ như muốn vỡ tung lồng ngực và tự nguyện sẽ không bao giờ xâm lăng bất cứ quốc gia nào bằng quân sự.

Về chủ nghĩa hòa bình tuyệt đối của chính quyền triều đại Asoka, chúng ta tiếp tục xem xét một số chỉ dụ trên bia ký, trụ đá để thấy chính thể đương kim hoạt động như thế nào.

Chiếu thạch dụ thứ mười ba, sau khi mô tả công cuộc bình định xứ Kalinga và những đau khổ mà Đại đế chứng kiến lúc bấy giờ, có viết tiếp rằng: Nhưng có điều là tôi, đứa con cưng của thần thánh, thấy còn đáng buồn hơn, trong khi tất cả nhân sinh nào là giáo sĩ Bà la môn, tu sĩ khổ hạnh và các đạo sĩ tông phái khác, các gia nhân, người thường ngoan ngoãn tuân theo các ông chủ, các bậc cha mẹ, phụ huynh, thường đối xử bạn bè, người quen, chiến hữu, họ hàng, nô lệ và đầy tớ sự kính trọng và vững tin vào tín ngưỡng của mình - tất cả đều phải chịu đựng bạo lực, giết chóc và ly biệt với người thân của mình.

Chúng ta chẳng phải ngạc nhiên khi các nhà cổ học phương Tây phải buông lời tán thán những nỗ lực của vua A Dục trong việc thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình. Những năm cuối thế kỷ XX, nhân loại mới bắt đầu thử nghiệm một cơ chế nào đó để bảo đảm các nước cùng cộng trú trong hòa bình, mặc dù các cường quốc vẫn tiếp tục xây dựng



Ngô Bửu Đạt

lực lượng quân sự to lớn và đàm phán tay đôi theo tinh thần bí mật và nghi ngờ lẫn nhau. Trái lại, vua A Dục đã kêu gọi cho chủ nghĩa hòa bình tuyệt đối dựa trên tư tưởng Phật giáo, đơn phương tuyên bố từ bỏ chiến tranh, một hành động cực kỳ khó khăn, nhất là đối với các nước lớn.

Theo sử liệu, sau khi xác định chính sách cai trị đất nước bằng đạo pháp, vua A Dục đã cắt giảm các lực lượng vũ trang và chỉ dùng quân đội vào các dịp diễu hành trong các lễ hội long trọng. Các bản ghi đều cho thấy nông dân và các tầng lớp khác trong xã hội không còn bị động viên thực hiện nghĩa vụ quân sự. Chính sách của vua A Dục, thậm chí thể hiện khi làm việc với các bộ tộc cường khấu ương ngạnh ở miền biên cương, và đối đãi với người dưới như con đẻ của mình. Tinh thần đó được bộc lộ rất rõ trong một chiếu dụ do vua ban cho các quan chức đi trấn giữ nước mới chiếm được là Kalinga. Chiếu dụ có những đoạn như sau: Như ta hằng mong, mọi người đều là con của ta, mọi điều hạnh phúc và tốt đẹp trên thế giới hiện nay và mai sau đều cho con cháu của ta; ta cũng mong muốn như vậy cho mọi người. Nhưng ta tin rằng, trong số dân sống dọc miền biên giới khác nhau, hãy còn chưa quy phục ta, còn có những kẻ tự hỏi mình: Đức vua muốn gì với chúng ta. Vậy ta truyền cho các người biết, điều duy nhất ta mong muốn với dân chúng ở miền biên

cương là: Dân chúng miền biên cương không còn phải sợ ta nữa. Ta muốn họ tin ta, muốn họ nhận những an ủi từ tay ta và không phải nhận những đau khổ từ tay ta. Các người phải làm cho họ hiểu điều này nữa: Đức vua sẽ làm tất cả những gì có thể vì lợi ích của họ và nếu họ tuân theo lời dạy của ta, thực hành đạo pháp, chắc chắn họ sẽ được giàu sang và hạnh phúc ở thế giới này và kiếp sau.

Câu nói: "Mọi người đều là con của ta" đã gây ấn tượng đặc biệt, một diễn đạt sinh động của giáo lý đạo Phật về sự bình đẳng của mọi người, không phân biệt bốn đẳng cấp truyền thống của xã hội Ấn Độ. Đạo Phật còn dạy rằng, mỗi người đều có duyên nợ với mọi chúng sinh và vua A Dục cũng đã nhận ra những nghĩa vụ như vậy đối với mọi chúng sinh, không chỉ riêng trong vương quốc của ông mà còn trên thế giới. Thử hỏi đã có bao nhiêu ông vua như vậy xuất hiện trên thế gian này?

Quyết tâm của vua Asoka dùng những điều pháp chính nghĩa, đạo đức để trị vì được biểu lộ rất rõ trên thạch dụ thứ sáu, trong đó có đoạn trích như sau: Đã từ lâu, trong quá khứ, không vị vua chúa nào muốn giải quyết việc nước hay nghe những lời oan ức bất kể giờ nào trong ngày. Nhưng nay ta ban lệnh sau: Các quan lại có các sứ tâu liên quan đến việc dân, việc nước sẽ được phép trình dâng bất cứ lúc nào và bất kỳ ở đâu, dù là ta đang ngự bữa ăn, nhập thâm cung, ở thư phòng, xem chuồng thú, trên ngự xa, hay văn vườn cảnh. Nếu họ làm được như vậy, ta sẽ quyết định công việc liên quan tới chúng dân, bất kể lúc đó ta đang ở đâu. Bất cứ lúc nào có sự tranh cãi trong hội đồng hay một đề nghị soi xét phần thưởng về bổng lộc hay gia ân ta đã ban, hay lệnh hịch liên quan tới những chiếu dụ ta đã ban hành hay liên quan tới việc giải quyết những vấn đề hệ trọng đã được giao phó cho các đại thần, các khanh phải trình bẩm lại cho ta ngay lập tức, bất kể ta đang ở đâu hay lúc nào.

Rõ ràng, theo chỉ dụ này, vua Asoka đã nhận thức được ý nghĩa lịch sử gắn liền với phương pháp trực tiếp chăm lo công việc lãnh đạo của mình. Quả thật ông tự xưng là vị vua đầu tiên trong lịch sử không dùng vũ lực để cai trị đất nước mà bằng sức mạnh của đạo pháp. Theo sử liệu, có liệt kê đại ý một loạt các chiếu dụ của vua Asoka như sau:

Chiếu thứ nhất: Cấm sát sinh để tế lễ.

Chiếu thứ hai: Xây dựng hai loại bệnh viện cho người và cho súc vật; trồng được thảo, trồng cây ven đường lớn và đào giếng.

Chiếu thứ ba: Sắc lệnh liên quan tới việc đi thanh tra các tỉnh 5 năm một lần.

Chiếu thứ tư: Mô tả những biện pháp để truyền bá giáo lý đạo Phật.

Chiếu thứ năm: Đặt các chức "đạo pháp quan" để thực hiện các chính sách mới.

Chiếu thứ sáu: Sắc lệnh liên quan đến việc nhanh các sứ tâu và giải quyết ngay các công việc quốc gia.

Chiếu thứ bảy: Mong muốn tất cả các giáo phái có thể cùng chung sống; kêu gọi đề cao tâm lòng trong sạch.

Chiếu thứ tám: Bãi bỏ các chuyến vui chơi dã ngoại mà các vua chúa đời xưa ưa chuộng, bắt đầu các chuyến du đạo.

Chiếu thứ chín: Những bản nguyện về đạo pháp và giải thích ý nghĩa của chúng.

Chiếu thứ mười: Giải thích về danh tiếng và vinh quang đạt được bởi sự tuân thủ thực hành tu niệm đạo pháp.

Chiếu thứ mười một: Diễn giải việc bố thí, truyền bá đạo pháp; thân thiện, hữu hảo trong tinh thần đạo pháp, chia sẻ công đức dưới ánh sáng đạo pháp, kết duyên với Phật pháp là những dạng bố thí cao nhất.

Chiếu thứ mười hai: Kêu gọi sự khoan dung lẫn nhau giữa các phe phái tôn giáo, tuyên bố rằng, sự nâng niu các tinh hoa của mỗi tôn phái là tặng phẩm và lòng kính trọng cao nhất, chỉ định các "đạo pháp quan", các đại quan về phụ nữ, tổng trưởng khu bảo tồn thú.

Chiếu thứ mười ba: Mô tả những cảnh khủng khiếp trong cuộc xâm chiếm Kalinga, những lời biểu hiện sự sám hối, lòng kính trọng đạo pháp và lòng quyết tâm truyền bá đạo; chiếu thẳng bằng đạo pháp được tuyên bố là chiến thắng hiển hách nhất; các sứ giả được gởi tới các quốc gia láng giềng, năm vị vua Hy Lạp được nhắc tên.

Chiếu thứ mười bốn: Những lời kết luận các bản khắc của chiếu chỉ được dựng ở nhiều địa điểm khác nhau trong đế quốc, có ba dạng: văn tắt, chi tiết và rất chi tiết, phụ thuộc và địa điểm.

Ở thời đại đó, khi chưa có những phương tiện thông tin hiện đại như ngày nay thì đó là phương pháp để chính quyền công bố các mục đích và chính sách của mình bằng cách khắc tên chúng lên vách đá hay các cột to. Mặc dù, được viết cách đây hai ngàn năm nhưng những lời của vua Asoka như còn thúc giục, nhắc nhở người đời nay, đáng tiếc biết bao khi còn quá nhiều các lãnh tụ chính trị thế giới đời nay không có tầm cỡ của vị quân vương vĩ đại thời cổ đại ấy (còn tiếp). ■

8 cách làm răng trắng hơn

Quỳnh Trang

Một trong những yếu tố quan trọng của nụ cười đẹp là hàm răng trắng sáng. Hãy làm theo một số cách đơn giản dưới đây để có hàm răng trắng hơn.

1. Đánh răng thường xuyên

Các nha sĩ khuyên bạn nên đánh răng hai lần mỗi ngày. Điều quan trọng nữa là bạn nên sử dụng kem đánh răng tốt. Đừng tin vào mọi quảng cáo mà bạn xem, hãy tham khảo ý kiến của nha sĩ.

2. Sử dụng thuốc muối

Bạn nên đánh răng với thuốc muối hoặc kết hợp thuốc muối với muối hoặc peroxit. Hầu hết mọi người đã khẳng định kết quả tích cực sau khi sử dụng thuốc muối. Bạn cũng nên chú ý để sử dụng một cách vừa phải. Quá nhiều thuốc muối cũng không tốt cho răng của bạn.

3. Sử dụng nước súc miệng làm trắng

Nhiều thương hiệu nước súc miệng có sẵn trên thị trường hiện nay và bạn có thể thử dùng. Nước súc miệng ngoài công dụng gần giống với kem đánh răng còn có thể len vào mọi ngóc ngách trong miệng bạn.

4. Sử dụng miếng dán răng

Những miếng dán răng chứa chất tẩy trắng có thể giúp loại bỏ vết bẩn trên răng bạn. Dùng miếng dán răng trong thời gian quy định và kiểm nghiệm kết quả.

5. Tránh xa một số đồ uống nhất định

Coca, cà phê và thậm chí cả rượu vang đỏ được cho là để lại vết bẩn trên răng và làm răng của bạn xỉn đi. Do đó, nếu bạn đang hướng tới một hàm răng trắng bóng, hãy tránh xa các loại đồ uống này. Vết bẩn sẽ vẫn có thể bám lại, ngay cả việc bạn sẽ đánh răng sau khi uống những đồ uống này.

6. Tránh xa thuốc lá

Hút thuốc lá không chỉ là nguyên nhân dẫn đến những bệnh ung thư gây chết người mà còn làm răng của bạn xỉn đi nhanh chóng. Nếu muốn có một hàm răng trắng đẹp thì điều đầu tiên bạn nên làm là tránh xa thuốc lá.

7. Hãy thử một số cách khác

Ăn dâu tây và chà xát phần bên trong một vỏ chuối chín trên răng có thể làm trắng răng.

8. Đến gặp nha sĩ

Nếu tất cả cách trên đều thất bại, bạn nên đến gặp nha sĩ. Bạn có thể phải trả một khoản tiền nhỏ, nhưng chắc chắn sẽ có một hàm răng trắng tinh. ■



Thư chúc Tết Chôl Chnăm Thmây năm 2014 của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn Ninh

Kính gửi: Đồng bào, các vị sư sãi, cán bộ, chiến sĩ, kiều bào và các cháu thiếu niên, nhi đồng dân tộc Khmer

Nhân dịp Tết Chôl Chnăm Thmây năm 2014, thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ và nhân danh cá nhân, tôi thân ái gửi đến đồng bào, các vị sư sãi, cán bộ, chiến sĩ, kiều bào và các cháu thiếu niên, nhi đồng dân tộc Khmer lời thăm hỏi ân cần và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Năm 2013 và những tháng đầu năm 2014, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục triển khai, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Cùng với cả nước, đồng bào và sư sãi dân tộc Khmer đã phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, hăng hái lao động sản xuất và học tập; tạo được chuyển biến khá toàn diện, từ kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục đến đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và quốc phòng, an ninh. Tôi trân trọng biểu dương những nỗ lực và đóng góp quý báu đó.

Tôi tin tưởng rằng, đồng bào, sư sãi Khmer Nam Bộ tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp và thành quả đã đạt được, ra sức khắc phục khó khăn, tích cực lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Chúc đồng bào, các vị sư sãi, cán bộ, chiến sĩ, kiều bào và các cháu thiếu niên, nhi đồng dân tộc Khmer đón Tết Chôl Chnăm Thmây năm 2014 vui tươi, đoàn kết, an toàn, tiết kiệm.

Chào thân ái

Đã ký

Vũ Văn Ninh

Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ



Chùa Candaransi đặt bát hội mừng năm mới

Vũ Giang



Sáng ngày 13-4, tại chùa Candaransi (Trần Quốc Thảo, P.7, Q.3, TP. HCM) đã tổ chức lễ đặt bát hội đến 300 chư Tăng theo thuyền thống hàng năm của đồng bào Khmer trong Tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây.

Theo truyền thống, trong 3 ngày trong tết cổ truyền Chôl Chnăm Thmây của người Khmer thì ngày đầu tiên của năm mới là ngày Moha Songkran có nghĩa là bước qua năm cũ, chào đón năm mới. Trong ngày này, Sau khi chư Tăng đi đủ 3 vòng quanh chánh điện, chư Tăng bắt đầu thực hiện nghi lễ cầu bình an cho những người dân có mặt ở đây. Trong buổi sáng đầu tiên của năm mới, rước Đại lịch được cho là nghi thức quan trọng nhất.

Những người không kịp đến chùa để rước Đại lịch cùng mọi người có thể đến đây để nghe thuyết pháp, cúng dường năm mới. Người Khmer gọi những người đàn ông này là Acha. Họ có nhiệm vụ là nhận phẩm vật cúng dường đặt vào bát này và đọc kinh cầu an cho bà con thay cho các sư. Acha phải là người am hiểu lịch sử, thuộc nhiều kinh Phật và được dân làng tín nhiệm.

Bánh, kẹo đặt trên các khay gọi là lộc đầu năm. Sau khi cúng dường đến chư Tăng, mọi người cũng được vị Acha cho lộc, hy vọng năm mới sẽ nhận được thật nhiều may mắn. ■

Hòa Thượng Thích Thiện Tâm Tham Gia Đoàn Đại Biểu Việt Nam Dự Diễn đàn Nhân Dân Asean Tại Myanmar 2014

Phật Giáo Học

Theo lời mời của Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam, TW GHPGVN đã cử HT.Thích Thiện Tâm - PCT HĐTS, Phó Ban PGQT TW tham gia phái đoàn đại biểu Việt Nam dự Diễn đàn Nhân dân Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (APF) với chủ đề "Thúc đẩy đoàn kết của người dân Asean hướng tới hòa bình bền vững, phát triển, công bằng và dân chủ hóa" đã khai mạc tại Trung tâm hội nghị ở Yangon, Myanmar.

Đây là lần đầu tiên Diễn đàn APF được tổ chức tại Myanmar - nước đang giữ chức Chủ tịch ASEAN.

Diễn đàn kéo dài trong ba ngày 21-23/3/2014 thu hút gần 3.000 đại biểu 10 nước thành viên ASEAN, tham dự một loạt chương trình, sự kiện, hội thảo bàn về các vấn đề của ASEAN.

Diễn đàn, bao gồm năm phiên họp, 35 cuộc hội thảo, xoay quanh năm nhóm chủ đề về hòa bình, công bằng, nhân quyền, dân chủ hóa, phát triển và các vấn đề ASEAN.

Ngoài việc tham dự 5 phiên họp toàn thể, HT.Thích Thiện Tâm còn được đoàn cử tham gia 3 phiên thảo luận chuyên đề về: Sự khủng hoảng dân chủ tại các nước ASEAN, Những vấn đề liên quan đến dân tộc thiểu số và Tự do tôn giáo.

Tại phiên thảo luận về Tự do Tôn giáo, HT đã bác bỏ ý kiến của 2 đại biểu từ Campuchia (1 cư sĩ và 1 nhà sư) lên án chính quyền Việt Nam vi phạm quyền tự do tín ngưỡng Tôn giáo đối với đồng bào dân tộc Khmer tại miền Nam Việt Nam, HT cho rằng những cáo buộc về sự vi phạm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo tại Việt Nam là hoàn toàn đi ngược với thực tế; HT cũng đã khái quát tình hình tu học tại các chùa Khmer đang được nhà nước và Giáo hội quan tâm giúp đỡ ngày càng phát triển tốt đẹp.

Bên lề APF năm nay còn có các sự kiện như triển lãm, chiếu phim, hội chợ hàng thủ công từ các nhóm dân tộc thiểu số đại diện cho các cộng đồng trong ASEAN. ■



Cầm Vân

Buổi họp diễn ra tại Hội trường tỉnh Ninh Bình vào ngày 15-4 (16-3-Giáp Ngọ) nhằm báo cáo tình hình, kết quả hướng dẫn tạo điều kiện để GHPGVN tổ chức Đại lễ Vesak LHQ 2014 trên địa bàn tỉnh đã khẳng định như vậy.

Tham dự buổi họp, về phía Giáo hội có HT.Thích Thanh Nhiễu, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS, Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Đại lễ Vesak LHQ 2014; TT.Thích Đức Thiện, Tổng Thư ký BTC Đại lễ Vesak LHQ 2014; TT.Thích Thọ Lạc; TT.Thích Nhật Từ - đồng Phó Tổng Thư ký BTC; ĐĐ.Thích Minh Quang, Chánh Thư ký BTS GHPGVN tỉnh Ninh Bình.

Lãnh đạo T.Ư có ông Phạm Dũng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành của Chính phủ giúp đỡ tổ chức Vesak 2014; ông Bùi Hữu Dực, Vụ trưởng Vụ Phật giáo - Ban Tôn giáo Chính phủ.

Lãnh đạo tỉnh có ông Bùi Văn Thắng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình; ông Lê Văn Dung, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình cùng lãnh đạo các sở, ban ngành tỉnh Ninh Bình cùng về tham dự.

Báo cáo tại buổi họp, cho biết, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ban Tôn giáo Chính phủ về việc hướng dẫn, tạo điều kiện để GHPGVN tổ chức Đại lễ Vesak 2014 tại chùa Bái Đính; sau một thời gian triển khai thực hiện, UBND tỉnh Ninh Bình đã có kết quả công tác chỉ đạo, hướng dẫn, giúp đỡ Giáo hội.

Theo đó, UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác của tỉnh do ông Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng. Tổ công tác đã họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Tổ, ban hành kế hoạch của tỉnh và giao nhiệm vụ cho các ngành chức năng, địa phương có liên quan triển khai các mặt công tác hỗ trợ Giáo hội.

Cụ thể, đã triển khai tuyên truyền cho nhân dân trong tỉnh hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, nội dung của Đại lễ Vesak; chỉ đạo doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục công trình phục vụ Đại lễ; có tờ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, hỗ trợ kinh phí đảm bảo cho hoạt động của các ngành, địa phương của tỉnh.

Thành lập tiểu ban an ninh, an toàn do ông Phó Giám đốc Công an tỉnh làm trưởng tiểu ban và tiểu

ban y tế do Phó Giám đốc Sở Y tế làm trưởng tiểu ban để triển khai công tác theo lĩnh vực chuyên ngành.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình cũng đã tổ chức Hội nghị nghe UBND tỉnh báo cáo kết quả công tác chuẩn bị; ban hành văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành của tỉnh. Các sở ban ngành và địa phương có liên quan đã xây dựng kế hoạch, triển khai bước đầu các nội dung tập trung hướng dẫn, giúp đỡ Giáo hội chuẩn bị và tổ chức thành công Đại lễ. Đồng thời cùng phối kết hợp với các tiểu ban T.Ư và GHPGVN để cùng triển khai các nhiệm vụ công tác.

Sở Nội vụ đã làm việc với BTS GHPGVN tỉnh, hướng dẫn công tác phân công, trách nhiệm cho các Tăng Ni trong việc phục vụ Đại lễ. Công an tỉnh đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Công an, công an các tỉnh Nam Định, Hà Nam, Thanh Hóa và các cơ quan chức năng của tỉnh xây dựng kế hoạch và triển khai bước đầu về công tác đảm bảo an ninh chính trị.

Công tác chuẩn bị cơ sở vật chất tại khu vực chùa Bái Đính, đến ngày 14-4-2014, Hội trường trung tâm đang được thi công với tiến độ tích cực, công nhân thực hiện làm 3 ca liên tục, cơ bản dựng xong lan can bằng đá, đã ghép khu vực hành lang, lát đá khu vực sân trước của Hội trường, đổ bê tông dẫn đường phía trước; đang thi công hệ thống vệ sinh, hệ thống điện nước, lắp đặt hệ thống ống dẫn khí điều hòa, san nền đường dẫn phía sau hội trường. Mọi công việc thi công đang được gấp rút hoàn thiện.

Về nhiệm vụ công tác của tỉnh trong thời gian tới, UBND tỉnh Ninh Bình sẽ tiếp tục chỉ đạo các cấp các ngành của tỉnh phối hợp, hỗ trợ các Tiểu ban của Ủy ban Tổ chức Đại lễ Vesak 2014 hoàn thành các mặt công tác để tổ chức Đại lễ theo đúng tiến độ.

Tại cuộc họp, chư tôn đức GHPGVN cũng đã báo cáo đến Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành của Chính phủ cùng lãnh đạo UBND tỉnh các công tác chuẩn bị tổ chức Đại lễ đang được tiến hành gấp rút. Được sự chỉ đạo của Ban Tôn giáo Chính phủ và tạo điều kiện của các sở, ban ngành tỉnh Ninh Bình, trong thời gian tới GHPGVN mong muốn cùng phối - kết hợp chặt chẽ với các tiểu ban chuyên môn về mọi mặt để hoàn thành công tác chuẩn bị tổ chức Đại lễ Vesak được tốt đẹp. ■



Lễ viếng Giác linh cố Đại lão HT.Thích Trí Tịnh của HĐCM, HĐTS GHPGVN

H. Diệu - Yên Hà

Vào lúc 16 giờ ngày 1-4 (nhằm ngày 2-3 Giáp Ngọ), chư tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS GHPGVN, các ban, ngành, viện T.Ư do HT.Thích Đức Nghiệp, Phó Pháp chủ HĐCM làm trưởng đoàn đã quang lâm chùa Vạn Đức kính viếng Giác linh cố Đại lão HT.Thích Trí Tịnh, Đệ nhất Phó Pháp chủ kiêm Giám luật HĐCM, Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Tăng sự T.Ư GHPGVN; Phó Chủ tịch UB TƯ MTTQVN; Viện chủ chùa Vạn Đức (TP. HCM), Vạn Linh (An Giang).

Cùng đi với đoàn còn có chư tôn giáo phẩm: HT.Thích Giác Như, Phó Pháp chủ HĐCM; HT.Thích Hiền Tu, Phó Thư ký HĐCM cùng chư tôn đức giáo phẩm Ban Thường trực HĐCM, chư tôn giáo phẩm thành viên HĐCM; HT.Thích Chơn Thiện, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS, Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni T.Ư; HT.Thích Thanh Nhiễu, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tăng sự T.Ư; HT.Thích Thiện Nhơn, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS cùng chư tôn đức giáo phẩm Ban Thường trực HĐTS GHPGVN; chư tôn đức HĐTS GHPGVN cùng chư tôn đức đại diện các ban, ngành, viện T.Ư.

Trước Giác linh đài cố Đại lão HT.Thích Trí Tịnh, chư tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS GHPGVN, các ban, ngành, viện T.Ư đã thành kính dâng hương tưởng niệm, tưởng nhớ công đức cao dày của Người đối với đạo pháp và dân tộc. Trong khói trầm hương quyện tỏa trước Giác linh đài của cố Đại lão Hòa thượng, chư tôn giáo phẩm trang nghiêm, thanh tịnh tưởng nhớ người thầy tài cao đức trọng trong niềm kính tiếc vô hạn.

Sau khi dâng hương tưởng niệm trước Giác linh đài, chư tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS GHPGVN lần lượt hữu nhiễu kim quan bái biệt Người. Chư tôn giáo phẩm cũng ký vào sổ tang tưởng niệm: "Thành kính nguyện cầu Giác linh Hòa thượng cao đăng thượng phẩm, chứng quả vô sanh, không quên bốn thế, trở lại cõi Ta-bà, tiếp tục thực hành Bồ-tát đạo. Thành thật phân ưu cùng tông phong pháp phái, môn đồ tứ chúng Hòa thượng". ■



Lễ Tiểu tường cố Đại lão HT. Thích Từ Nhơn

H. Diệu - Yên Hà

Chư tôn giáo phẩm đã quang lâm Việt Nam Quốc Tự (đường 3/2, Q.10, TP.HCM) tham dự lễ Tiểu tường cố Đại lão HT.Thích Từ Nhơn do Ban Thường trực BTS GHPGVN TP. HCM tổ chức vào sáng ngày 15-4 năm Giáp Ngọ.

Quang lâm chứng minh và tham dự có sự hiện diện của chư tôn giáo phẩm: HT.Thích Hiền Tu, Phó Thư ký HĐCM cùng chư tôn giáo phẩm thành viên HĐCM; HT.Thích Thiện Tâm, Phó Chủ tịch HĐTS; Phó ban Trị sự GHPGVN TP.HCM; HT.Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng BTS GHPGVN TP.HCM, Trưởng ban Tổ chức; chư tôn đức Văn phòng II TƯGH; đại diện các ban, viện T.Ư; Cùng chư tôn đức Ban Thường trực BTS GHPGVN TP. HCM, BTS GHPGVN các tỉnh, thành; BTS GHPGVN 24 quận, huyện; chư tôn đức Ni Phân ban Ni giới T.Ư; Phân ban Ni giới TP. HCM, Tăng Ni các tự TP. HCM về tham dự.

Tại buổi lễ, HT.Thích Thiện Tánh, Trưởng ban Kiểm soát T.Ư, Phó Trưởng ban Thường trực BTS GHPGVN TP.HCM đã cung tuyên tiểu sử cố Đại lão HT.Thích Thích Từ Nhơn.

Lễ Tiểu tường diễn ra trang nghiêm, thanh tịnh với nghi thức niệm hương tưởng niệm, chư tôn đức giáo phẩm HĐCM, HĐTS, BTS GHPGVN TP. HCM, tỉnh, thành, ban, ngành viện T.Ư đã thành kính thắp nén tâm hương cúng dường Giác linh Đại lão HT.Thích Từ Nhơn trong khói hương trầm quyện tỏa.

Sau nghi thức niệm hương cúng dường Giác linh cố Đại lão HT.Thích Từ Nhơn, Ban Tổ chức và môn đồ Pháp quyền tác bạch lễ cúng dường trai Tăng trang nghiêm tại trai đường Việt Nam Quốc Tự.

Trước đó, ngày 14-4, Ban Tổ chức, môn đồ Pháp quyền tiến hành lễ bạch Phật khai kinh, cung tiến Giác linh, khóa lễ tụng niệm, tiếp đón các đoàn Tăng Ni, Phật tử và đại diện các cơ quan, ban, ngành TP. HCM, địa phương đến dâng hương tưởng niệm. ■

Lễ tưởng niệm 30 năm ngày Trưởng lão HT.Thích Trí Thủ viên tịch



H. Diệu - Yên Hà

Ban Thường trực HĐTS GHPGVN kết hợp BTS GHPGVN TP.HCM tổ chức trang nghiêm Lễ tưởng niệm 30 năm ngày Trưởng lão HT.Thích Trí Thủ, Đệ nhất Chủ tịch HĐTS GHPGVN (từ 1981 đến 1984) viên tịch và chư vị tiền bối hữu công tại hội trường Văn phòng II TƯGH, thiền viện Quảng Đức, Q.3, TP. HCM vào sáng ngày, 31-3 (nhằm ngày 1-3-Giáp Ngọ).

Quang lâm tham dự lễ tưởng niệm có chư tôn giáo phẩm: HT.Thích Đức Nghiệp, Phó Pháp chủ HĐCM cùng chư tôn đức giáo phẩm HĐCM; chư tôn giáo phẩm Ban Thường trực HĐTS, ban, ngành, viện T.Ư; chư tôn đức Ban Thường trực và các ban, ngành trực thuộc BTS GHPGVN TP.HCM, chư Ni Phân ban Ni giới T.Ư; Phân ban Ni giới TP.HCM; Tăng Ni sinh Trường Cao - Trung Phật học TP.HCM; Lớp Cao trung cấp Giảng sư Ban Hoằng pháp T.Ư, Trường Trung cấp Phật học Đồng Nai; chư tôn đức đại diện môn đồ pháp quyến, chư Tăng tu viện Quảng Hương Già Lam.

Đại diện chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể có: ông Nguyễn Phước Lộc, Vụ trưởng Vụ Tôn giáo Ban Dân vận T.Ư; Bùi Hữu Dực, Vụ trưởng Vụ Phật giáo Ban Tôn giáo Chính phủ cùng đại diện các ban, ngành, đoàn thể T.Ư; UBND, UB MTTQVN, Ban Tôn giáo TP. HCM.

Tại buổi lễ tưởng niệm, HT.Thích Chơn Thiện, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS tuyên cung tiểu sử cố Trưởng lão Hòa thượng. Theo đó, cố Trưởng lão HT.Thích Trí Thủ (1909-1984), là bậc xuất trần thượng sĩ, có công lớn trong cuộc chấn hưng Phật giáo, thống nhất Phật giáo Việt Nam, cũng như công tác đào tạo, giáo dục Tăng Ni tài đức, hoằng dương Chánh Pháp, trùng tu, xây dựng nhiều tự viện, Phật học viện, trường Phật học, nghiên cứu Phật học, dịch thuật kinh điển... suốt đời phụng sự cho Đạo pháp, dân tộc.

Ghi nhớ công đức to lớn đối với đạo pháp và dân tộc, tại buổi lễ tưởng niệm, HT.Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng BTS GHPGVN TP.HCM đã tuyên đọc lời tưởng niệm cố Trưởng lão HT.Thích Trí Thủ và chư vị tiền bối hữu công viên tịch qua các thời kỳ.

Tại buổi Lễ tưởng niệm nhân hỷ nhật lần thứ 30 cố Trưởng lão HT.Thích Trí Thủ viên tịch, chư tôn giáo phẩm HĐCM, HĐTS, BTS GHPGVN TP.HCM đã thành kính dâng hương tưởng niệm, ghi nhớ công đức sâu dày của cố Trưởng lão Hòa thượng trong khói hương trầm quyện tỏa. Toàn thể đại chúng thành kính thắp nén tâm hương kính dâng lên cúng dường Giác linh cố Trưởng lão Hòa thượng cùng chư sơn thiển đức tiền bối hữu công, kính nguyện kẻ vai sát cánh bên nhau, hòa hợp, đoàn kết một lòng để trang nghiêm ngôi nhà GHPGVN ngày càng phát triển trong lòng dân tộc...

Cũng trong ngày, chư tôn đức tông phong pháp phái đã tổ chức Lễ tưởng niệm lần thứ 30 ngày cố Trưởng lão HT.Thích Trí Thủ viên tịch tại tu viện Quảng Lam Già Hương (Q.Gò Vấp, TP. HCM) và tổ đình Báo Quốc (TT Huế). ■

Họp mặt Lễ hội tết cổ truyền Campuchia, Lào, Myanmar và Thái Lan năm 2014

Tấn Phát



Vào lúc 9 giờ 30 phút sáng ngày 11/4/2014 tại Nhà Hữu Nghị 31 lê Duẩn, Q. 1 TP. HCM đã diễn ra buổi họp mặt nhân dịp lễ hội tết cổ truyền Campuchia, Lào, Myanmar và Thái Lan năm 2014.

Đến tham dự lễ có sự chứng minh của HT. Thích Thiện Tâm – PCT HĐTS GHPGVN, TT. Thích Thiện Hạnh UV HĐTS GHPGVN, TT. Thích Tăng Định UV Ban Nghi lễ TW cùng chư tăng Nam tông Kinh và Khmer, các cơ quan ban ngành, Tổng Lãnh sự quán Lào, Campuchia, Thái Lan tại Việt Nam và khoảng 300 quý quan khách cùng các em sinh viên các nước Campuchia, Lào, Myanmar và Thái Lan đồng tham dự.

Tuy mang nhiều tên gọi như tết Bunpimay - Lào, tết Trut Sonkran - Thái, tết Chol Chnam Thmay - Campuchia, tết Thing Yan - Myanmar, nhưng khoảng thời gian từ ngày 13 đến ngày 15-4 hàng năm là dịp tết mừng năm mới hay còn gọi là tết té nước của các quốc gia này. Tại lễ hội, Hòa thượng Thích Thiện Tâm – Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự TƯ Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có bài phát biểu gửi lời chúc mừng hạnh phúc, bình an đến mọi người. Sau phần phát biểu của Hòa thượng là thời kinh chúc phúc của chư Tăng đến tất cả quý quan khách tham dự lễ hội và cùng thực hiện các nghi thức lễ thập nhang, tắm nước thơm kim thân Đức Phật, cột chỉ cổ tay ban phúc lành..., các vị khách quý cùng khách tham dự còn được nhận 1 tượng Phật đem về như là lộc trong dịp năm mới.

Tiếp đó là các tiết mục biểu diễn ca múa truyền thống của các dân tộc, ẩm thực các món ăn đặc trưng của mỗi nước.■

Tưởng niệm cố Ni trưởng Thích nữ Huỳnh Liên

Như Danh



Sáng ngày 18-4, lễ tưởng niệm lần thứ 27 cố NT. Thích nữ Huỳnh Liên, Đệ nhất Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ viên tịch đã được diễn ra tại Tịnh xá Ngọc Phương (Lê Quang Định P.1, Q. Gò Vấp).

Quang lâm chứng minh và tham dự lễ tưởng niệm có HT.Thích Giác Tường, UVTT HĐCM, Chứng minh Hệ phái Khất sĩ; HT.Thích Giác Giới, UVTT HĐTS, Trưởng ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái Khất sĩ cùng chư tôn đức giáo phẩm Hệ phái; chư tôn đức lãnh đạo các giáo đoàn, chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa các quận, huyện trong thành phố.

Về phía Ni giới Khất sĩ có NT.Thích nữ Tràng Liên, UV HĐTS, Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ; NT.Thích nữ Ngoạt Liên, UVTT HĐTS, Giáo phẩm Ni giới Hệ phái, trụ trì tổ đình Ngọc Phương cùng quý Ni trưởng, Ni sư, trụ trì các miền tịnh xá, Phật tử xa gần cũng đã về tham dự lễ tưởng niệm.

Trong buổi lễ tưởng niệm, Ni trưởng Phục Liên đãi lao quý Ni trưởng hàng giáo phẩm cung tuyên tiểu sử NT.Thích nữ Huỳnh Liên.

Dịp này, Ban Tổ chức trao 24 suất học bổng Huỳnh Liên cho Ni sinh đang du học, đang học ở học viện và trung cấp Phật học.

Trong lời đạo từ, HT.Thích Giác Tường nhắc nhở chư Ni phải noi gương của chư Tổ mà cố gắng tu học - đó cũng là cách báo ân sâu dày đối với Ni trưởng.

Sau đó là nghi thức dâng hương tưởng niệm và cúng dường trai tăng.■

Học viện PGVN tại TP.HCM họp toàn thể giảng viên

Diệu Nghiêm - Bảo Toàn



Buổi chiều ngày 18-4, tại văn phòng Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam (PGVN) - TP. Hồ Chí Minh đã diễn ra phiên họp toàn thể Hội đồng Điều hành, Hội đồng khoa và toàn thể giảng viên thuộc Học viện. HT.Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Phó Viện trưởng Thường trực Học viện chủ trì phiên họp.

Chư tôn đức Tăng Ni trong Hội đồng Điều hành, phụ trách lớp cao học, các khoa thuộc Học viện đã báo cáo sơ lược về tình hình hoạt động và đề đạt kiến nghị nhằm mục đích để các hoạt động dạy và học của Học viện đi vào nề nếp, hiệu quả.

Chư tôn đức, các vị giảng viên các bộ môn cũng đã có những đóng góp trên cơ sở thực tiễn đứng lớp và kinh nghiệm giảng dạy của mình, đặc biệt về phương thức quản lý giáo dục trong môi trường Phật giáo của Học viện.

Tại phiên họp này, các giảng viên cũng đã được phổ biến về kế hoạch đào tạo trong năm mới cũng như các nguyên tắc hành chánh liên hệ từ chư tôn đức đặc trách đào tạo của Học viện.

Kết luận buổi họp, HT.Thích Giác Toàn đã bày tỏ niềm cảm kích trước những thao thức, trăn trở và phản ánh của chư tôn đức, các vị giảng viên. Hòa thượng cũng mong mọi những thiện chí ấy sẽ được tiếp tục, để cùng với Hội đồng Điều hành Học viện ngày mỗi hoàn thiện hơn công tác giáo dục Tăng Ni, giáo dục Phật giáo, cụ thể là nâng cao chất lượng dạy và học ở Học viện PGVN tại TP, góp phần vào việc xây dựng nền Phật giáo nước nhà, đào tạo Tăng Ni, cung ứng nguồn nhân lực cho GHPGVN trong các Phật sự ở hiện tại và tương lai. ■

TP.HCM: Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa chủ trì Pháp hội quán đảnh tại Tổ đình Vĩnh Nghiêm

Hoa Sen Gió



Vào lúc 09 giờ 37 phút, ngày 18/03/ Giáp Ngọ (17/04/2014) tại Tổ đình Vĩnh Nghiêm (339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3) đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa đời thứ XII cùng Tăng đoàn Drukpa cử hành nghi lễ Đại Pháp hội quán đảnh cộng đồng Mạn Đà La Tam Bộ Phật Vô Lượng Thọ - Tôn Thắng Phật Mẫu - Bạch Độ Mẫu Tara, triệu thỉnh Tứ Đại Kim Cương hộ pháp và cầu nguyện Quốc thái Dân an.

Được biết chuyến viếng thăm Việt Nam của đức Pháp vương Gyalwang Drukpa cùng Tăng đoàn diễn ra từ ngày 5 đến 21/4 theo thỉnh cầu của Drukpa Việt Nam.

Đức Pháp Vương Gyalwang Drukpa là người được các dân tộc trên dãy Himalaya tôn sùng là hiện thân của đức Phật Quán Âm qua việc chuyển thể vào các kiếp sau, liên tục quay trở lại nhân gian. Hiện thân các kiếp sau này được gọi là Thượng sư Giác ngộ hay Tulku (trong Tạng ngữ có nghĩa là bậc Hóa thân chuyển thể).

Đức Pháp Vương đã 5 lần thăm Việt Nam để cầu nguyện Quốc thái Dân an, cầu siêu vong hồn, đóng góp trí tuệ và hướng đạo trong việc xây dựng di sản kiến trúc văn hóa Phật giáo cho nhân dân Việt Nam. ■



TP.HCM: Lễ giỗ Quốc tổ tại chùa Kỳ Quang 2

Như Danh - Vũ Giang

Sáng ngày 14-4, tại chùa Kỳ Quang 2 (Lê Hoàng Phái, P.17, Q.Gò Vấp) BTS GHPGVN Q. Gò Vấp đã long trọng tổ chức lễ giỗ Quốc Tổ Hùng Vương.

Quang lâm chứng minh và tham dự buổi lễ có chư tôn đức HT.Thích Thiện Tâm, Phó Chủ tịch HĐTS, Phó BTS GHPGVN TP.HCM; HT.Thích Như Niệm, Ủy viên Thường trực HĐTS, Phó BTS GHPGVN TP.HCM; HT.Thích Giác Thuận, Chứng minh BTS GHPGVN Q.Gò Vấp, cùng chư tôn đức Tăng Ni Văn phòng BTS TP.HCM, BTS Q.Gò Vấp, BTS các quận, huyện TP.HCM, huyện Đắk Hà, tỉnh Kom Tum và Phật tử.

Về phía chính quyền có bà Trương Mỹ Hoa, nguyên Phó Chủ tịch nước CHXHCNVN; ông Nguyễn Hồng, Bí thư quận ủy Q.Gò Vấp, cùng các cấp ban ngành của quận và phường sở tại về tham dự.

HT.Thích Nhật Lang, Trưởng BTS GHPGVN Q.Gò Vấp, Trưởng ban Tổ chức lễ giỗ Quốc Tổ khai mạc buổi lễ.

Đại diện cho chính quyền, bà Vũ Thị Nga, Chủ tịch UBND TP. HCM đã chia sẻ và mong muốn qua lễ giỗ Quốc Tổ, BTS GHPGVN Q.Gò Vấp sẽ luôn tiếp tục góp sức, phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của đạo để đưa quận nhà ngày càng phát triển.

HT.Thích Như Niệm, đại diện chư tôn đức BTS GHPGVN TP. HCM cũng đã có những chia sẻ về ý nghĩa ngày Quốc Tổ và những đồng hành của Phật giáo đối với dân tộc qua các thời kỳ.

Sau phần nghi thức hành chính, là nghi thức tưởng niệm Quốc Tổ Hùng Vương, với nghi thức niệm hương, tụng kinh cầu nguyện, dâng lục cúng Quốc Tổ và các phái đoàn dâng lễ phẩm cúng dường.

HT.Thích Thiện Chiếu, Phó BTS GHPGVN Q.Gò Vấp, Phó Ban tổ chức, đại diện chư tôn đức đã tri ân, cảm tạ đến chư tôn đức Tăng, Ni, Phật tử và các cấp chính quyền đã đến tham dự buổi lễ. ■



Lễ cung đón Nhị vị Tam Tạng của Miến Điện đến thăm chùa Tổ đình Bửu Quang.

hoacarot

Vào lúc 18 giờ, ngày 15/4/2014, tại Tổ đình Bửu Quang (171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q.Thủ Đức, Tp.HCM) đã diễn ra buổi đón tiếp nhị vị Tam Tạng Miến Điện - Trưởng lão Sayadaw Bhaddanta Paññātiri Laṅkāra sinh năm 1965. Pháp danh Paññātiri của Ngài có nghĩa là "Người có trí tuệ thì có hạnh phúc" hoặc "Người có hạnh phúc khi có trí tuệ" và Sayadaw Bhaddanta Vissittā Laṅkāra sinh năm 1978. Pháp danh Vissittā của Ngài có nghĩa là "Phi thường", "Xuất chúng".

Trưởng lão Sayadaw Bhaddanta Paññātiri Laṅkāra và Sayadaw Bhaddanta Vissittā Laṅkāra đã được Chính phủ Miến Điện tấn phong danh hiệu Tipiṭakadhara - Bậc Thông Thuộc Tam Tạng.

Trong chuyến viếng thăm Việt Nam lần này, nhị vị Tam tạng đã viếng thăm các chùa tại Hà Nội và TP. HCM như chùa Viên Không núi Dinh, Thiền viện Phước Sơn, Chùa Tam Bảo – Đà Nẵng v.v... tại chùa Bửu Quang, Trưởng lão Paññātiri Laṅkāra đã thuyết một bài pháp thoại ngắn với đề tài "Ngũ lực" đến với quý Phật tử.

Chuyến viếng thăm chỉ khoảng 2 giờ đồng hồ nhưng đã để lại nhiều niềm vui, phước báu to lớn đến với hội chúng và rất mong quý ngài sẽ có một chuyến viếng thăm lâu hơn nữa trong thời gian sau này. ■

(tiếp theo trang 41)

chúng sanh là được. Không nhất thiết phải đi nói ra cho mọi người biết mình là ai, từ đâu đến và rồi sẽ đi về đâu. Có như vậy thì mới thật sự đồng âm, đồng điệu, đồng hành với chư Phật, chư Bồ-tát, Thánh nhân được. Tất nhiên là bạn còn băng khuâng là việc làm tốt của mình không ai biết? Những việc làm lành âm thầm ấy, không nhất thiết người thế gian phải biết các bạn ạ! Tất cả những việc làm ấy, đều sẽ gieo những chủng tử thiện lành vào tàng thức của mình không một sai sót. Hơn nữa, nếu bạn làm việc thiện sẽ có thiện Thân, Hộ pháp luôn luôn ở bên cạnh bạn từng giờ, từng phút, từng giây mà hộ trì cho bạn làm. Vì hộ trì cho bạn cũng chính là hộ trì cho tất cả chúng sanh. Ma quỷ cũng không thể làm hại bạn được, vì bạn đang làm việc lợi ích cho chúng sanh. Nếu họ mà hại bạn, thì chính là đã hại cái lợi ích của chúng sanh rồi? Thử hỏi tội nghiệp này, liệu họ có kham nổi không? Chỉ có khi làm mà tự tư tự lợi, ích kỷ cho riêng mình thì mọi người và ma quỷ mới khinh khi mà thôi!

Hơn nữa, làm như thế cũng tránh biết bao phiền não trong khi làm việc thiện mà chúng ta chưa có thể lường hết. Thực tế cho thấy, có một số người làm từ thiện rồi đem kể chỗ này, chỗ kia. Do mọi nơi biết được tâm ý của người này hay làm thiện thì nhiều nơi sau đó sẽ tìm đến ngỏ ý nhờ giúp, kể cả người xấu cũng lợi dụng cơ hội đến. Lúc đầu một người, hai người, một lần, hai lần đến thì có thể bạn sẽ hoan hỷ. Nhưng sau đó, nhiều lần, nhiều nơi sẽ tìm đến thì liệu bạn có đủ kiên nhẫn và tài chính để giúp hết tất cả họ được không? Hay từ đó sẽ sanh tâm bức bối, phiền não, trách móc người ta, tạo tội từ chính trong việc làm thiện của mình. Mà bức bối đến đâu sanh tâm phiền não và sân hận. Sân hận còn thì làm sao mà tương ứng với cảnh giới của chư Phật được? Vô tình, nếu không biết cách làm thì có khi bạn lại đem đốt cháy hết cả một rừng công đức của mình mà không hề hay biết đấy! Như vậy, tóm lại chỉ bằng ngay từ lúc đầu hãy lượng sức mình mà làm. Thấy nơi nào cần giúp đỡ thì bạn cứ âm thầm tìm đến mà giúp đỡ họ tùy theo khả năng của mình và rồi cũng lặng lẽ mà ra đi, không cần phải lưu lại gì cả, không cần sau này họ phải đền ơn. Cứ như thế lặng lẽ mà làm thì bạn có thể giúp được rất nhiều người cần giúp, đến được rất nhiều nơi cần đến. Cùng với tu hành đúng pháp, đến lúc lâm chung bạn sẽ cảm thấy thật thanh thản, nhẹ nhàng ra đi vắng sanh về với Phật. Thật không thể còn điều gì tốt đẹp hơn nữa! ■

Lễ bàn giao nhà Đại Đoàn Kết

PV. TC.PGNT



Ngày 17 tháng 4 năm 2014, Ban Từ thiện Tạp chí Phật giáo Nguyên Thủy và Tăng Ni, Phật tử Chùa Xá Lợi Phật Đài do Hòa thượng Thích Thiện Nhân (Phó Trưởng ban Thường trực Ban Trị sự GHPGVN Q.9) làm trưởng đoàn đã vượt gần 200 km đến xã Phú An, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang trao căn nhà Đại Đoàn kết cho Bà Đỗ thị Y 65 tuổi. Đến tham dự buổi lễ trao nhà có Ông Lê Thanh Dũng Bí thư xã Phú An, Bà Châu Thị Kiều Tiên Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, Ông Nguyễn An Khương Chủ tịch MTTQ xã; Hòa thượng Thích Thiện Nhân Trưởng đoàn Từ thiện, Tu nữ Quang Thiện - Chùa Bửu Quang và Phật tử chùa Xá Lợi Phật Đài. Được biết căn nhà Đại Đoàn Kết tổng trị giá 55 triệu đồng, phía Phật giáo tài trợ 30 triệu đồng, phần còn lại gia đình quyền thuộc của Bà Đỗ Thị Y. Tại buổi lễ giao nhà, Tăng Ni Phật tử chùa Xá Lợi Phật Đài tặng vật dụng cá nhân cho bà Đỗ Thị Y như mũn mềm, gối, xoang, chảo v.v... và 1.500.000 đồng tiền mặt, tổng cộng khoảng 2.500.000 đồng. Bà vô cùng cảm động trước nghĩa cử của chánh quyền và giới Phật giáo quan tâm đến hộ của bà để thoát cảnh nghèo khó. Buổi lễ hoàn mãn trong niềm hoan hỷ chung của mọi người. ■

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN ĐẠI LỄ VESAK LHQ 2014 TẠI VIỆT NAM

Chủ đề: "PHẬT GIÁO GÓP PHẦN THỰC HIỆN THÀNH TỰU CÁC MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ CỦA LIÊN HIỆP QUỐC"
(Buddhist Perspective towards Achieving the UN Millennium Development Goals)

Trung tâm Hội nghị quốc tế Chùa Bái Đính, Ninh Bình, Việt Nam

Ngày 7-11 tháng 5 năm 2014

THỨ BA, NGÀY 06-5-2014

Cả ngày	Đón các thành viên của Ủy ban Tổ chức quốc tế và Hiệp hội các trường Đại học Phật giáo thế giới
11:00 AM	Ăn trưa tại khách sạn ở Hà Nội
19:00 PM	Ăn tối tại khách sạn ở Hà Nội

THỨ TƯ, 07-5-2014

Cả ngày	Đón các đại biểu quốc tế tại sân bay Nội Bài, đưa về khách sạn tại Ninh Bình và làm thủ tục khách sạn * Ủy ban Tổ chức Quốc tế họp tổng kết công tác chuẩn bị tại Hà Nội
09:00 AM	Tại Phòng Hội thảo Chùa Bái Đính: * 08:00 AM – Hội thảo khoa học về chủ đề chính (dành cho người Việt Nam) * 09:00 AM – Diễn đàn về: "Bản đồ Phật giáo hàng hải" (The Atlas of Maritime Buddhism) do GS.TS. Lewis Lancaster, Đại học California, Berkeley, Đại học Hong Kong, Đại học Tây Lai, làm chủ tọa
13:30 PM	Ủy ban Tổ chức Quốc tế họp tổng kết (tiếp tục)
17:30 PM	Các lãnh đạo Phật giáo thế giới, Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự GHPGVN và Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ Vesak LHQ dự tiệc chiêu đãi của Chính phủ (giới hạn khách được mời) tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Mỹ Đình, Hà Nội.
19:00 PM	Biểu diễn các vũ điệu văn hóa Phật giáo Quốc tế tại Điện Quan Âm, Chùa Bái Đính
20:30 PM	Các lãnh đạo Phật giáo Thế giới và Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ xuất phát đi về khách sạn tại Ninh Bình

THỨ NĂM, NGÀY 08-5-2014 – CHÙA BÁI ĐÍNH: LỄ KHAI MẠC

05:30 AM	Các đại biểu nghỉ tại Hà Nội ăn sáng tại khách sạn
06:00 AM	Các đại biểu quốc tế tại Ninh Bình ăn sáng tại khách sạn
06:30 AM	Đón Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự GHPGVN, VIPs và Đoàn chư tăng đại biểu BTS GHPGVN các tỉnh, thành phố nghỉ tại KS tại Hà Nội xuất phát đi Chùa Bái Đính, Ninh Bình.
07:00 AM	Đưa các đại biểu quốc tế nghỉ tại KS tại Ninh Bình đến Hội trường Trung tâm Hội nghị Phật giáo Quốc tế, Chùa Bái Đính
07:30 AM	Toàn thể đại biểu an tọa ở Hội trường chính
07:45 AM	Tiếp đón lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Nguyên thủ Quốc gia các nước, quan khách, các Đại sứ và lãnh đạo GHPGVN vào Hội trường chính

08:00 AM	Đảnh lễ Tam Bảo
08:10 AM	Phát biểu của HT. Thích Thanh Nhiễu, Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2014 Việt Nam, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN
08:20 AM	Phát biểu của HT.GS.TS. Brahmapundit, Chủ tịch Sáng lập Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2014, Viện trưởng Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya, Thái Lan
08:30 AM	Thông điệp của Đức Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ, Pháp chủ GHPGVN, do HT. Thích Chơn Thiện (Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN) đọc
08:40 AM	Thông điệp của Đức Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Chủ tịch GHPGVN, do HT. Thích Trí Quảng (Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN; Chủ tịch Danh dự Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2014) đọc
08:50 AM	Phát biểu khai mạc của ông Nguyễn Sinh Hùng, Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
09: 00 AM	Thông điệp của Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc Ban Ki Moon
09:10 AM	Thông điệp của GS.TS. Shamshad Akhtar, Tổng Thư ký Điều hành UNESCAP
09:20 AM	Thông điệp của bà Irina Bokova, Tổng Giám đốc UNESCO
09:30 AM	* TRONG HỘI TRƯỜNG CHÍNHH: - Thông điệp của Tăng thống Phật giáo Tích Lan - Thông điệp của Hiệp hội Phật giáo Trung Quốc * TẠI ĐIỆN THÍCH CA: Nghi thức Tắm Phật (đồng bào Phật tử tham dự do Ban Hoằng Pháp phụ trách).
09:50 AM	Thuyết trình chính về chủ đề: "Phật giáo góp phần thực hiện thành tựu các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên Hợp Quốc" của Trưởng lão Hòa thượng TS Thích Đức Nghiệp, Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh GHPGVN
10:40 AM	Thông điệp của đức Vua Norodom Sihamoni của vương quốc Campuchia
10:50 AM	Phát biểu của ông Disanayaka Mudiyanseelage Jayaratne, Thủ tướng Tích Lan
11:30 AM	Ăn trưa
13:00 PM	An tọa tại Hội trường chính Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Chùa Bái Đính
13.30 PM	Thuyết trình của GS.TS. Phạm Dũng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ
14:00 PM	- Thông điệp của Tăng vương Phật giáo Thái Lan - Thông điệp của Liên đoàn Phật giáo Nhật Bản - Thông điệp của Tăng vương Phật giáo Campuchia - Thông điệp của Chủ tịch Liên đoàn Quốc gia Phật giáo Lào - Thông điệp của Hòa thượng Lama Lobzang, Tổng Thư ký Liên minh Phật giáo toàn cầu, Ấn Độ - Thông điệp của Hội Liên hữu Phật giáo thế giới
14:50 PM	Thông điệp của lãnh tụ các Giáo hội Phật giáo thế giới và các Đại sứ
15.45 PM	Thuyết trình về chủ đề của Đại lễ Vesak LHQ
16:15 PM	Chụp hình tập thể tại thềm thang của Bảo tháp Chùa Bái Đính
17:00 PM	Ăn chiều
18:30 PM	HT. Thích Bảo Nghiêm (Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN) thuyết pháp về Ý nghĩa Phật đản tại Lễ đài Điện Thích Ca (dành cho Phật tử thập phương)
19:00 PM	Chương trình biểu diễn nghệ thuật chào mừng Đại lễ Vesak LHQ
21:00 PM	Về khách sạn

THỨ SÁU, NGÀY 09-5-2014 – CHÙA BÁI ĐÍNH: CÁC DIỄN ĐÀN CHỦ ĐỀ

06:00 AM	Ăn sáng
07:00 AM	Đón các đại biểu đến các Hội trường dành cho các diễn đàn
07:30 AM	Các đại biểu đến an tọa tại các Hội trường dành cho các diễn đàn
08:00 AM	Đọc kinh theo truyền thống: Đại thừa, Nguyên thủy và Kim Cang thừa tại các Hội trường diễn đàn

08:30 AM	Các diễn đàn chủ đề (phòng Hội thảo sẽ được chỉ định sau) 1) Hồi ứng của Phật giáo về phát triển bền vững và thay đổi xã hội (Buddhist Response to Sustainable Development and Social Change). 2) Hồi ứng của Phật giáo đối với hâm nóng toàn cầu và bảo vệ môi trường (Buddhist Response to Global Warming and Environmental Protection). 3) Đóng góp của Phật giáo về lối sống lành mạnh (Buddhist Contributions to Healthy Living). 4) Xây dựng hòa bình và sự bình phục hậu mâu thuẫn (Peace building and Post-Conflict Recovery). 5) Giáo dục Phật giáo và chương trình cấp đại học (Buddhist Education and University Level Curriculum).
11:30 AM	Ăn trưa
13:00 PM	Tiếp tục các Hội thảo chuyên đề
16:30 PM	Ban Từ thiện TW GHPGVN phát quà từ thiện
17:00 PM	Trồng cây lưu niệm tại sân của Điện Thích Ca (lãnh đạo Phật giáo thế giới, Lãnh đạo GHPGVN và khách VIP)
17:20 PM	Kết thúc các Hội thảo chuyên đề
17:30 PM	Ăn chiều
19:00 PM	Các phái đoàn Phật giáo Quốc tế tụng kinh cầu nguyện hòa bình thế giới tại Đàn Nam Giao
20:30 PM	Các thư ký hội thảo nộp báo cáo diễn đàn cho Ban Thư ký Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ
21:00 PM	Về khách sạn

THỨ BẢY, NGÀY 10-5-2014 – CHÙA BÁI ĐÍNH

06:00 AM	Ăn sáng
07:00 AM	Tham quan khu du lịch sinh thái Tràng An
08:00 AM	- Ban Thư ký tổng hợp kết quả hội thảo - Thảo luận dự thảo "Tuyên bố Việt Nam 2014."
11:00 AM	Đưa đại biểu về khách sạn
11:30 AM	Ăn trưa
	LỄ BẾ MẠC
13:00 PM	Các đại biểu đến và an tọa tại Hội trường chính Trung tâm Hội nghị quốc tế Chùa Bái Đính
13:15 PM	Báo cáo kết quả Hội thảo và thảo luận
14:50 PM	Đón tiếp ông Nguyễn Xuân Phúc, Phó Thủ tướng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Lãnh tụ Phật giáo quốc tế và trong nước và các khách VIP
15:00 PM	Phát biểu của HT. Thích Thanh Nhiễu, Chủ tịch Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2014 (Việt Nam), Phó chủ tịch thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN
15:10 PM	Phát biểu của HT.GS.TS. Brahmapundit, Chủ tịch sáng lập Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2014, Viện trưởng Đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya, Thái Lan
15:20 PM	Phát biểu của ông Nguyễn Xuân Phúc, Phó Thủ tướng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
15:40 PM	Báo cáo của Tổng Thư ký về kết quả của Đại lễ Vesak LHQ 2014
16:00 PM	Tuyên đọc "Tuyên bố Việt Nam 2014"
16:15PM	Biểu diễn nghệ thuật chào mừng sự thành công của đại lễ Vesak LHQ 2014
17:30 PM	Ăn chiều
19:00 PM	Lễ thả nến cầu nguyện hòa bình thế giới
21:00 PM	Về khách sạn

CHỦ NHẬT, NGÀY 11-5-2014: TIỄN CÁC VỊ ĐẠI BIỂU RA PHI TRƯỜNG

06:00 AM	Ăn sáng
07:00 AM	(Cả ngày): Rời khách sạn. Tiễn đại biểu ra phi trường.
08:00 AM	Họp tổng kết của Ủy ban Tổ chức Quốc tế Đại lễ Vesak LHQ 2014



Danh Sách Ủng Hộ Tạp Chí PGNT Số 39

01	Thích Ca Phật Đà	100 quyển
02	Gđ Như Hương	10 quyển
03	Gđ Trần Lê Khanh	10 quyển
04	Gđ Đức Trí Đức Dũng	05 quyển
05	Gđ Phạm Lê An	20 quyển
06	Pt Lý Ngọc Mai	10 quyển
07	Gđ Diệu Đức	10 quyển
08	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	40 quyển
09	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển
10	Huỳnh Thị Mẫn	10 quyển
11	Gđ Lê Hiền Khánh	10 quyển
12	Gđ TN Quang Lộc - Hà Thế Hưng	70 quyển
13	Đạo tràng Giác Bảo Hoa	23 quyển
14	PT Thiền viện Bồ Đề - Vũng Tàu	33 quyển
15	Cô Mai	10 quyển
16	Cô Mười Trang	10 quyển
17	PT TV Thiện Minh - Vĩnh Long	05 quyển
18	Gđ Huỳnh Thị Nhân	33 quyển
19	Gđ Mỹ Hồng	10 quyển
20	Chùa Thanh Long - Bình Dương	05 quyển

21	Chú Hội cô Lài	30 quyển
22	Gđ Trí Thọ	25 quyển
23	Gđ Thiện Trí - Như Hạnh	07 quyển
24	Gđ Đỗ Đăng	10 quyển
25	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
26	Chùa Đại Lộc - Ấn Độ	05 quyển
27	Gđ Kim Hoa	10 quyển
28	Gđ Mai Xuân Lộc	10 quyển
29	Gđ Đăng Phước	05 quyển
30	Gđ Tâm Hương	10 quyển
31	Học viên Lớp Vi diệu pháp	10 quyển
32	Nguyễn Minh Quân, Chu Kim Ngọc	10 quyển
33	Gđ Quách Thị Ngọc Hà	10 quyển
34	Gđ Liễu Vân	05 quyển
35	Gđ Nguyễn Văn Ánh, TN Quang Ngử, Nguyễn Hồng Lâm	10 quyển
36	TN Quang An, Gđ Thiện Nhơn, Gđ Nguyễn Minh Đức	10 quyển
37	Phạm Thị Túy Vân	05 quyển
38	Phật tử chùa Bửu Quang	10 quyển
39	Vương Thị Kim Liên	05 quyển
40	Gđ Phạm Thị Sinh - Nguyễn Thất Ánh	08 quyển



MỪNG THIỀN - LỄU DU LỊCH



AN LẠC TỪNG GIẤY PHÚT

www.mungthienmetta.com
Hotline: 0916 70 90 90
 8A Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5, Tp Hồ Chí Minh

giá: 30.000 đồng